

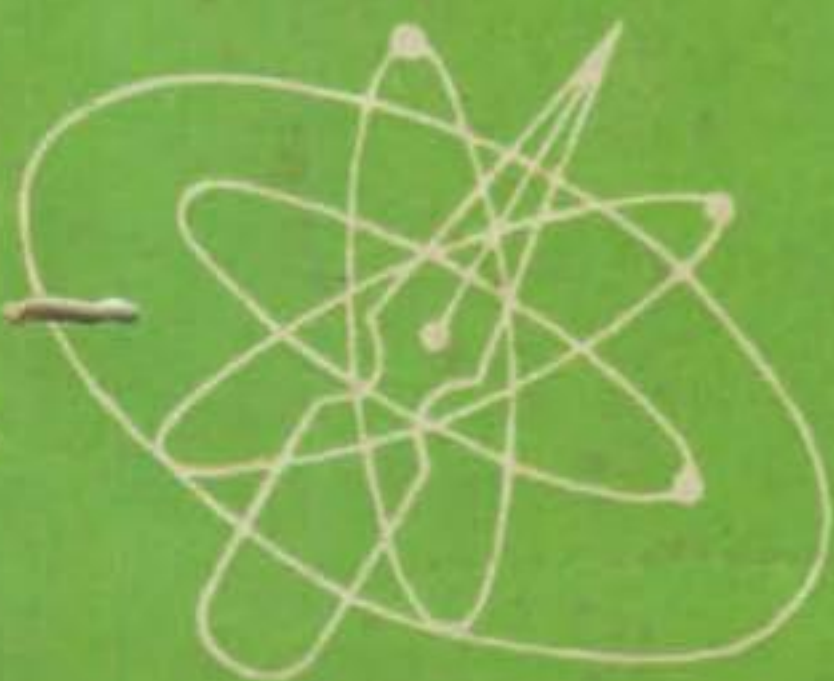
I THÁNG 5 NĂM 1971

BACH KHOA

năm mười lăm

TỪ TRÌ đại hội đảng Cộng-sản Liên-xô kỳ thứ 24 *
HOÀNG VĂN ĐỨC ơi ! La Dalat * LÊ HỮU TƯ gieo
tinh nhân tạo cho heo * NGUYỄN THỊ NGỌC THẨM
công việc ghi chép và sắp xếp truyện cổ dân gian * TRẦN
NGỌC NINH xã hội và văn hóa thái cổ Việt-nam
* PHẠM LƯƠNG GIANG một vài nhận xét và
kỷ-niệm về Ấn-độ * MỘNG TUYẾT Thất tiều muội
đêm du ca Liêu trai * PHẠM NGỌC LƯU tàn đông
* LÊ BÁ LĂNG con ngựa gỗ * HẠ ĐÌNH THAO
giã từ * Ý YÊN chỗ đứng * TRẦN THỊ TUỆ
MAI trên tà áo gió * MANG VIÊN LONG thơ
cho con đầu lòng * HOÀNG NGỌC TUẤN tuổi
trẻ hư không * **SINH HOẠT** : thời sự thế giới *
Thời sự khoa học * thời
sự văn nghệ * hoạt động xuất
bản của Trung Tâm Học Liệu

344



TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỖNH VĂN LANG Thư ký: TÔN THẮT HÀM
HOÀNG MINH TUYNH Tòa soạn:

Chủ nhiệm: LÊ NGỘ CHÂU Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN
Chủ bút: NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ BÁO

MỖI SỐ	50đ.
SÁU THÁNG	550đ.
MỘT NĂM	1050đ.

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay 50 đ. một năm.

Ngoại quốc đường thủy: thêm cước phí 120 đ. một năm.

Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, hoặc Tạp chí Bách-Khoa Thời-Đại trương mục 54.262 Tổng ngân khố Việt-Nam.

Bưu chi phiếu xin chuyển cho Tạp chí Bách Khoa Thời Đại 160 Phan đình Phùng Saigon, Trương mục 27-46, Trung Khu Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bản nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	2000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	800đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

Số 344 ngày 1-5-1971

TỪ TRÌ đại hội đảng Cộng-sản Liên-xô kỳ thứ 24.	05
HOÀNG VĂN ĐỨC ôi ! La Đà-lạt	15
LÊ HỮU TỪ gieo tình nhân tạo cho heo tại Bình Thuận	20
NGUYỄN THỊ NGỌC THẨM công việc ghi chép và sắp xếp truyện cổ dân gian	23
TRẦN NGỌC NINH Xã hội và văn hóa thái cổ Việt-nam (nhân ngày Giỗ Tổ Hùng-Vương)	29
PHẠM LƯƠNG GIANG một vài nhận xét và kỷ-niệm về Ấn-độ (nhân cuộc tổng tuyển cử tháng 3-71 tại Ấn-độ)	39
MỘNG TUYẾT Thất tiều muội đêm du ca Liêu trai	45
PHẠM NGỌC LƯU tàn đông (Truyện ngắn)	51
LÊ BÁ LĂNG con ngựa gỗ (Truyện ngắn)	61
HẠ ĐÌNH THAO già từ (thơ)	67
Ý YÊN chỗ đứng (thơ)	68
TRẦN THỊ TUỆ MAI trên tà áo gió (thơ)	69
MANG VIÊN LONG thơ cho con đầu lòng (thơ)	70
HOÀNG NGỌC TUẤN tuổi trẻ hư không (truyện dài)	71

SINH HOẠT

TỪ TRÌ thời sự thế giới	76
TỬ DIỆP thời sự khoa học	79
THỂ NHÂN hoạt động xuất bản của Trung Tâm Học-Liệu	81
TRÀNG THIÊN, THU THỦY thời sự văn nghệ	84

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Chủ bút :
Tòa soạn 160, Phan-Đình-Phùng Saigon
Điện-thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ-ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật—Saigon
GIÁ : 50đ Công sở : 100đ
Cao Nguyên và Miền Trung
thêm cước phí máy bay

Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Má hồng** truyện dài của Đỗ Tiến Đức, do Văn học xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm trúng giải nhất Văn học nghệ thuật 1969, in lần thứ hai, dày 248 trang. Giá 250đ

— **Florence Nightingale**, người nữ chí nguyện đầu tiên do bà Minh Quân biên soạn, Đoàn Phụ nữ chí-nguyện Hồng-Thập-tự V - N. xuất bản và soạn giả gửi tặng. Sách dày 48 trang kể lại cuộc đời một «người phụ nữ đã mang đến ánh sáng, nguồn an ủi niềm tin cho những kẻ khổ đau, tuyệt vọng trong bóng tối.»

— **Bí mật cuộc cách-mạng 1-11-63** của Lê-Tử-Hùng do Đồng nai xuất bản và gửi tặng. Thiên bút ký dày trên 140 trang kể lại từng chi tiết những sửa soạn đảo chính cho tới khi nổ súng, T. T. Ngô Đình Diệm thoát vào Chợ lớn rồi bị thảm sát... cùng «hậu trường cách mạng» có Phụ lục những tài liệu về huyền thoại cái chết của T.T.Diệm. Giá 180đ

— **Có một nụ cười** tiểu thuyết nguyên tác «Un certain sourire» của Françoise Sagan, bản Việt văn của Nguyễn Minh Hoàng, Tân văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 134 trang. Giá nhất định 50đ

— **Mười hướng sao** tập thi tuyển của 10 tác giả do Nhân Chứng xuất bản và gửi tặng. Sách này trên 70 trang gồm 36 bài thơ của : Vũ Hoàng Chương, Hoàng Trúc Ly, Thanh Tâm Tuyền, Trần Thị Tuệ Mai, Cao Tiêu, Tô Thùy

Yên, Bùi Giáng, Phạm Công Thiện, Hoàng Hương Trang, Lê Phồ Đức. Bản đặc biệt.

— **Thượng Uyển** thơ chọn lọc của 30 nhà thơ hiện đại, do Nhân Chứng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 76 trang gồm 30 bài thơ của 30 tác giả trong có nhiều nhà thơ trẻ và nhiều cây bút tên tuổi. Giá 140đ

— **Ngôn ngữ tập thơ** của Ninh Chữ, do Không Gian xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 30 trang gồm 13 bài thơ và thay lời tựa là bài «Ninh Chữ nhìn bởi Phạm Công Thiện».

— **Máu đào như nước lã** tập thơ của Nguyễn Âu Hồng do Nhân Sinh xuất bản và gửi tặng. Sách in ronéo, trong «Tủ sách đen», khổ 20×27, gồm 14 bài thơ. Giá 95đ

— **Nỗi buồn của chàng kỵ mã phương Đông**, tập thơ của Nguyễn Sa Mạc do Nhân Sinh xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách in ronéo, trong «Tủ sách đen» của nhà xuất bản, khổ 20×27 gồm 14 bài thơ.

— **Câu hỏi giáo khoa vật-lý Tú tài 1 AB** của Nguyễn Trọng Thi Cao học vật lý, do Đại Dương xuất bản và gửi tặng. Sách dày 94 trang gồm bài giải của 71 câu hỏi. Giá 100đ.

— **Giáo khoa và phương pháp giải toán quang học, lớp 11 AB**, của Nguyễn Trọng Thi, do Đại Dương xuất bản và gửi tặng. Sách dày 205 trang gồm 15 bài về quang học, in lần thứ hai. Giá 200đ

— **Đồng tiền giả** của Nam Quân do Tuổi Hoa xuất bản và gửi tặng. Sách dày, 176 trang, nội dung hợp với thiếu nhi, trình bày đẹp. Giá 70đ

Đại-hội đảng Cộng - sản Liên - xô kỳ thứ 24

Mỗi khi các lãnh-tụ cộng-sản Liên-xô quyết-định triệu tập Cộng-đảng xô-viết thì người ta không khỏi hồi hộp chờ đợi những quyết-định mới có thể có ảnh hưởng đến tình hình thế giới. Thật vậy, lại mỗi Đại-hội người ta đều thấy chính-phủ Mạc-tư-khoa loan báo một đường-tối mới. Tháng 2 năm 1956 trước Đại-hội đảng, kỳ thứ 20, Krouchtchev đã phát động phong-trào hạ bệ Staline và bắt đầu bỏ chính-sách thực hiện cách-mạng thế-giới bằng bạo lực.

Tháng 1. 1959, trước Đại-hội đảng Cộng-sản Nga kỳ thứ 21, Krouchtchev loan báo một chính-sách hoà hoãn nhằm sống chung hòa-bình với Mỹ để loại bỏ chiến-tranh.

Tháng 10 năm 1961 trước Đại-hội đảng kỳ thứ 22, Krouchtchev đã đưa ra một quan-niệm mới về độc tài Cộng-sản. Theo ông đảng Cộng-sản đã trở thành một đảng của toàn dân chứ không còn là một đảng của các phần-tử ưu-tú trong xã-hội Nga nữa. Vì Nga-sô đã bước vào giai-đoạn Cộng-sản nên độc-tài bây giờ là độc-tài của toàn dân chứ không phải là độc-tài của vô-sản. Đồng thời Krouchtchev cũng đưa ra những mục-tiêu mà Nga-sô phải đạt được trong vòng 20 năm tới.

Ba kỳ 20, 21 và 22 của Đại-hội-đảng đã đưa Nga từ một nước cách-mạng tới một nước «trưởng-giả-hóa» Và vì đó mà cuộc tranh chấp ý thức hệ với Trung-Cộng đã bắt đầu bùng nổ. Trong khi đó những lời hứa tạo thiên-đường Cộng-sản của

Krouchtchev không được tôn trọng. Cuối năm 1964, dưới áp-lực trong và ngoài nước, Krouchtchev đã bị hạ-bệ, nhường quyền cho cặp bài trùng Brejnev-Kossyguine.

Tập-đoàn Brejnev-Kossyguine phải đợi đến tháng 3-1966 mới triệu tập được Đại-hội đảng, kỳ thứ 23. Tại Đại-hội này 2 vấn-đề chính đã được bàn cãi là bang giao Nga-Hoa và các biện pháp củng cố kinh-tế nội-bộ Nga. Các biện-pháp kinh-tế của Brejnev và Kossyguine đưa ra nhằm mục đích sửa sai chính-sách của Krouchtchev. Liên-xô, dưới triều đại Brejnev-Kossyguine, đã đi xa hơn thời Krouchtchev vào con đường «tư-bản-hóa» nền kinh-tế trong nước. Thật vậy, để khuyến-khích công-nhân đẩy mạnh khối-lượng sản-xuất và cải-thiện phẩm chất, Đại-hội thứ 23 đã đưa ra nguyên-tắc thu hút sự tham-gia của công nhân bằng quyền-lợi vật-chất. Đối với vấn đề tranh-chấp Nga Hoa, Đại-hội kỳ thứ 23 không làm gì hơn là tiếp nối đường lối của Krouchtchev.

5 năm trời đã trải qua từ khi Đại-hội thứ 23 được triệu tập. Cho đến tận cuối tháng 3 đầu tháng 4-1971 Đại-hội thứ 24 mới được triệu tập. Trong 5 năm này Brejnev đã củng-cố được địa-vị của riêng mình. Kỳ đại-hội năm nay chỉ là hợp-thức hóa quyền-hành cá-nhân của Tổng bí-thư Brejnev mà thôi.

Những khó khăn nội-bộ và thắng-lợi cá-nhân của Brejnev

Ngày 30-3-1971 vừa qua, hồi 10 giờ sáng, Đại-hội Cộng-đảng Liên-xô kỳ thứ 24 đã được chính-thức khai-mạc tại «Lâu đài Hội-nghị» tọa-lạc trong vòng rào điện Kremlin. 5000 đại diện của đảng Cộng-sản Liên-xô đã tới tham dự cùng với 101 phái đoàn của các đảng Cộng-sản trên thế giới. Người ta đã đặc biệt chú ý tới sự vắng mặt của Trung Cộng.

Khi Tổng bí-thư Léonid Ilyich Brejnev xuất-hiện trong phòng hội nghị, cử-toạ đã nhất tề đứng dậy vỗ tay hoan-hô ông một cách nồng-nhiệt mà từ khi Krouchtchev bị hạ-bệ tới giờ người ta chưa từng thấy, trong các phiên nhóm loại này. Trong Đại-hội này, ông Brejnev đã đóng một vai chính nếu không là vai chính duy nhất. Thật vậy, ngay sau bài diễn-văn khai-mạc ngắn của Chủ-tịch nhà nước Podgorny, ông Brejnev đã lên diễn-đàn đọc một bài diễn-văn dài 6 giờ 10 phút đồng hồ. Toàn thể bài diễn-văn tràn-giang đại-hải của ông Brejnev đã được trực tiếp truyền hình. Sau ông Brejnev, người ta thấy diễn-văn của Thủ-tướng Kossyguine đã trở nên hết sức lu mờ. Vì không những diễn-văn này chỉ được truyền-hình có một vài phần, mà ông Kossyguine cũng chỉ lên tiếng để nói lên sự đồng ý của ông đối với đường lối của ông Brejnev mà thôi.

Những bài diễn-văn của các phái-đoàn ngoại-quốc, sau đó, đều muôn người như một, tuyên dương công-trạng ông Brejnev. Người ta đã gán cho ông đủ loại danh-từ hùng-hồn nhất và hoa-mỹ nhất. Người ta nói rằng: «Đồng chí Leonid Ilyich vì luôn luôn lo lắng tới

hạnh-phúc của nhân-dân nên đã được toàn thể.-giới kính yêu». Khi ông Brejnev chấm dứt bài diễn văn của ông cử tọa cũng đã cùng đứng lên hát «Slava! Slava» có nghĩa là vinh quang bằng tiếng Nga.

Thắng lợi cá nhân của ông Brejnev đã khiến các quan-sát-viên cho rằng triều-đại Brejnev đã bắt đầu tại Đại-hội đảng lần thứ 24 này. Địa-vị của ông Brejnev lại còn mạnh hơn nữa, khi ông cải tổ Ủy-ban thường-trực của Đảng. Ông đã đưa số ủy-viên từ 11 lên 15, để phân tán bớt quyền của mỗi người và đồng thời tăng cường quyền-hành của riêng ông. Ông Kossyguine, mà từ xưa tới nay người ta coi là địch thủ của ông, bị hạ từng công tác. Đang từ địa-vị thứ hai, sau Brejnev, Kossyguine đã phải nhường địa vị này cho Podgorny, và trở thành nhân vật thứ 3. Ngoài ra người ta còn cho rằng ông Kossyguine còn sẽ mất chức vụ Thủ-tướng trong những ngày sắp tới. Ông Podgorny không những được lên hàng thứ hai mà còn sẽ được trao cho trọng trách điều khiển nền Ngoại-giao Nga-sô. Như vậy ông Brejnev đã từ địa-vị một thư lại (bureaucrat) lên tới địa-vị tột đỉnh trong nhà-nước Cộng-sản. Ông đã thành công nhờ khôn khéo tránh né những sự tranh chấp quá trầm-trọng, những sự đương đầu quá gây cản. Ông đã hòa-giải và dung-hòa mọi phe phái trong tập-đoàn lãnh-đạo để trở thành một trọng tài giữa các khuynh-hướng đối nghịch. Tuy nhiên người ta cho rằng cách cai-trị của ông trong những năm sắp tới sẽ chẳng cường tín độc-tài như Staline và cũng chẳng lạm-quyền như Krouchtchev. Đường lối của ông sẽ hết sức ôn-hòa và thận-trọng về

mặt đối-ngoại và sẽ có nhiều tính-cách bảo-thủ trong chính-sách đối-nội. Ông sẽ theo chiều-hướng sẵn có của Liên ô là đẩy mạnh sản-xuất để đáp-ứng được nhu-cầu tiêu-thụ của dân chúng Nga.

Tuy cũng cố được địa-vị của mình trong nhà-nước Cộng-sản Nga, nhưng các khó khăn nội-bộ cũng còn đang chờ đợi ông Brejnev. Bài diễn-văn của ông quá dài làm nhiều đại-diện đã ngủ gật. Nhưng nhiều đoạn trong bài diễn-văn của ông đã làm cho cử tọa phải thức giấc vì ông đã loan báo các mục tiêu của ông trong những năm tới. Trước hết là ông Brejnev tìm cách xoa dịu sự bất bình của dân chúng trước mức sống quá thấp. Cuộc nổi loạn của thợ thuyền và dân chúng Ba-lan vào đầu năm nay đã khiến cho các nhà hữu trách điện Kremlin lo ngại rằng những vụ tương tự sẽ xảy ra tại Nga, nếu đời sống vật chất của người dân Nga không được kịp thời cải tạo. Vì vậy mà ông Brejnev đã đưa ra một loạt các con số thống-kê về gia-tăng sản-xuất và tiêu-thụ. Con số nào cũng đều đầy tính cách lạc-quan. Ông hứa sẽ cung cấp thêm thịt cho dân chúng tiêu-thụ. Ông còn hứa gia-tăng số lương tối thiểu của công nhân. Trong một đoạn nói về vấn-đề này, ông đã 4 lần nói đến «nâng cao mức sống» trong thời-gian 10 phút đồng hồ. Cử tọa đã không ngớt hò reo khi ông tuyên bố sẽ làm thi-trường tràn ngập sản-phẩm tiêu-thụ. Ông nói : «Mục-tiêu của chúng tôi là làm cho đời sống nhân dân Liên xô tốt đẹp hơn, hấp dẫn hơn và sung sướng hơn.»

Để đạt tới những mục-tiêu này ông đã khuyến cáo các nhà quản-trị xí-nghiệp

thay đổi lề lối làm việc, các xí-nghiệp nên theo sát tiến-bộ khoa-học hơn để cải-tiến kỹ-thuật sản-xuất. Đồng thời ông hứa là Đảng sẽ đẩy mạnh công cuộc tranh đấu chống tham nhũng, chống những phần tử ký sinh trong xã-hội và chống những phong trào ăn hút. Đồng thời ông cam kết sẽ hướng dẫn các nhà bác-học Nga tới những hoạt động có lợi hơn, xây-dựng hơn, trong khuôn-khố các Viện Khảo-cứu về văn-hóa, giáo-dục và y-tế «thay vì để cho họ hoạt động chống đối chính-phủ»

Ngay trong thời-gian Đại-hội đảng đang nhóm họp, một nhà trí-thức Nga 28 tuổi tên là Vladimir Bukovsky đã bị mật-vụ bắt giam. Bukovsky là một trí-thức đối-lập có tên tuổi nên khi bị bắt một phong-trào phản-đối đã bùng nổ. Nhà bác học Andrei Sakharov đã kêu gọi chính-quyền trả tự do cho Bukovsky vì Bukovsky là một trong những người đã một mình chống đối việc bắt giam trí-thức đối lập tại các trại giam và trại dưỡng-trí. Một đồng-nghiệp của Sakharov trong Ủy-ban bảo-vệ nhân-quyền còn lớn tiếng lên án chính-phủ đã mở rộng các hoạt-động của mật-vụ vì chính ông này đã bị mật-vụ đến khám xét nhà ông.

Các lời hứa hẹn về kinh-tế được dân chúng đón nhận bằng cặp mắt hoài-nghĩ. Trước Brejnev Malenkov và Krouchtchev đã có những lời hứa tương-tự nhưng nhà nước Nga vẫn chưa thực-hiện nổi. Vì vậy người ta chỉ hy vọng rằng nếu 1/5 các lời hứa hẹn của chính-quyền được thực hiện thì dân chúng cũng đã sung sướng rồi. Brejnev tuy lật đổ Krouchtchev năm 1964, nhưng vẫn áp dụng đường lối do Krouchtchev đề xướng.

Nếu trong nước ông muốn biến xã-hội Nga thành một xã-hội tiêu-thụ, thì ở bên ngoài ông cũng mong ước hòa-bình không kém Krouchtchev. Nhưng chính sách hòa-bình của Nga có nghĩa là sống chung với thế-giới tư-bản. Điều này đã đi ngược lại với tôn-chỉ của chủ-nghĩa Karl Marx và ngược lại với đường lối của Trung-Cộng. Vì vậy mà tại Đại-hội Đảng thứ 24, ông Brejnev đã cố gắng đưa ra một chính-sách đối-ngoại hòa hoãn và đồng thời lên án cả Mỹ lẫn Trung-Cộng là hiếu chiến.

Những khó-khăn ngoại-giao trước Đại hội đảng Cộng sản Liên-xô kỳ 24

Khi bàn về chính-sách đối-ngoại của Nga trong những năm tới, ông Brejnev luôn luôn có một giọng điệu ôn hòa. Vì Trung-Cộng không tán thành đường lối thân Tây-phương của Nga nên ông Brejnev đã bắt buộc phải lên án Trung-Cộng. Ông đã trách Trung-Cộng không chịu tham-dự Đại-hội đảng Cộng-sản Liên-xô kỳ thứ 24. Nhưng ông cũng không muốn đả kích Trung-Cộng nhiều đến nỗi đào thêm hố sâu giữa hai nước Nga và Hoa. Vì vậy mà ngay sau khi chỉ trích Trung-Cộng ông đã kêu gọi hai bên hãy bình-thường-hóa bang-giao.

Đối với Mỹ, ông Brejnev cũng không rời bỏ giọng điệu hòa nhã. Nếu ông trách Mỹ đã có một chính-sách ngoại-giao tiền hậu bất nhất thì ông cũng kêu gọi Mỹ cộng-tác với Nga để củng cố hòa-bình thế-giới. Ông đã đưa ra một kế-hoạch hòa-bình gồm có 5 điểm là : thừa nhận các đường biên-giới hiện-tại, giải tán các liên-minh phòng-thủ như khối Bắc Đại-Tây-Dương và khối Var

sovie, hủy bỏ chế-độ thực-dân và kỳ-thị chủng-tộc. Cấm chế tạo các vũ-khí nguyên-tử, vi-trùng và hóa-học, đề-nghị 5 cường-quốc nguyên tử là Nga, Anh, Mỹ, Pháp và Trung-Cộng họp hội-nghị để giải-trang nguyên-tử.

Cùng một ngày phái đoàn Liên-xô tại Hội-nghị tài-binh ở Genève cũng đã đề nghị là nên thương-thuyết về vấn-đề cấm vũ khí và chiến-tranh vi-trùng trước khi bàn tới chuyện tài-binh tổng-quát. Đề-nghị này trước đây đã được Anh đưa ra vào năm 1969, nhưng đã bị phe Cộng-sản cực lực bác bỏ. Nay bỗng nhiên Nga thay đổi hẳn thái độ đến nỗi chính Nga đưa ra đề nghị này khiến Anh Mỹ đã hoan-ngênh nhiệt liệt.

Cũng như các đề-nghị cải-tổ nền kinh tế trong nước, người ta cho rằng đường lối hiếu-hòa của Nga, 9 phần 10 là để tuyên truyền cũng như những luận-điệu của Nga tại các kỳ Đại-hội lần trước. Tuy nhiên người ta cho rằng tại Đại-hội thứ 24, phe hiếu hòa có nhiều hy vọng thành công hơn vì Nga, trước sự chống đối của các nước anh em Đông-Âu và nhất là của Trung-Cộng, đã bắt buộc phải có một đường lối hòa-bình. Hòa-bình vừa có mục đích để cho Nga được rảnh tay phát triển kinh tế ở bên trong ngõ hầu xoa dịu sức chống-đối của dân chúng vừa có mục đích để cho Nga có đủ thì giờ tái chiếm lại ưu-thế ở bên ngoài. Thật vậy trong khi Đại-hội nhóm họp, người ta thấy có nhiều dấu-hiệu cho biết Mỹ và Trung-Cộng đang xích lại gần nhau. Nếu Mỹ thừa nhận Trung-Cộng và bằng lòng cho nước này gia-nhập Liên-Hiệp-Quốc thì có lẽ hai nước này sẽ cùng nhau cộng-

tác để giải quyết các vấn đề Á-Châu nói chung và chiến cuộc Việt-Nam nói riêng. Như vậy Nga sẽ mất phần vào đúng lúc mà Ngoại-giao Nga đang vận dụng mọi nỗ lực để xâm nhập Á-Châu tại các vùng mà từ xưa tới nay Trung-Cộng đang dòm ngó. Trong hai năm qua Nga-sô đã hết sức kiên nhẫn tìm cách nối dây liên-lạc kinh-tế, ngoại-giao và quân-sự tại Đông-Nam-Á. Cuối năm 1969 chính Brejnev đã đề nghị thành lập một hệ-thống phòng-thủ tập-thể Á-Châu để chống Trung-Cộng. Ngoài Nam-Việt ra, Liên-xô đã gửi tới hầu hết các nước Á-châu những tàu chiến hay các đoàn văn-ngệ của hí-kịch Bolchoï, những bích-chương quảng cáo bờ biển Sochi trên biển Hắc-hải v.v... Mã-lai và Tân-gia-ba đã thiết-lập ngoại-giao với Nga và Phi-lật-tân cũng đang chuẩn-bị theo gương này. Khi Thủ-tướng Lý-Quang-Diệu của Tân-gia-ba sang Mạc-tư-khoa trong tháng 4 vừa qua, ông đã cho rằng sự hiện-diện của Hải-quân Nga dọc bờ biển Ấn-độ và bờ biển Trung-hoa có thể là một lực lượng ngăn chặn tham vọng của Trung-Cộng.

Lợi dụng tinh thần bài Trung-Cộng của một số lớn các quốc-gia Á-Châu, Nga đã dần dần bắt đầu cạnh tranh với Mỹ tại lục-địa này. Do đó Nga cần phải tỏ ra hòa-hoãn để lấy được thiện-cảm không những của các quốc-gia Á-châu mà còn của các nước chư hầu nữa. Để củng cố quyền lãnh đạo của mình tại Đông-Âu Ông Brejnev đã tuyên bố trước Đại-hội kỳ thứ 24 rằng sở-dĩ Nga can thiệp vào Tiệp-khắc năm 1968 là vì phe Xã-hội chủ nghĩa cương-quyết không để mất những thành-quả mà họ làm được. Nhưng

đồng thời Brejnev cũng tỏ ra đủ dân-chủ để các nước đàn em ở Đông-Âu bớt chống đối Nga. Ngay như Lô-mã-ni là một nước từ nhiều năm qua đã có một chính-sách độc-lập đối với Nga và luôn luôn chỉ trích Nga can thiệp ở Tiệp-khắc, mà cũng đã bắt đầu tán thành đường lối của Brejnev. Ông Ceaucescu, Chủ-tịch Lô-mã-ni đã nói những lời lẽ rất tôn kính đối với Nga, tuy ông vẫn tiếp tục đòi cho các nước chư-hầu có một chính-sách độc-lập.

Nói tóm lại ngoại-giao của Nga đang gặp nhiều khó khăn. Nga vừa phải có một thái-độ hòa-hoãn để kiếm thêm ảnh hưởng, để mua chuộc sự ủng hộ của các nước đàn em nhưng đồng thời phải nắm vững các nước này để có một hậu thuẫn hùng hậu sau lưng mình. Chỉ có một lực lượng như vậy yểm-trợ, thì Nga mới có thể bành trướng trên thế-giới được. Nhưng bành trướng làm sao vừa đủ, để không tạo nên những phản ứng bất lợi của cả Mỹ, Trung-Cộng, lẫn các quốc-gia khác, đó là một điều khó thực hiện nhưng cũng là điều mà ông Brejnev theo đuổi.

oOo

Tuy Đại-hội Đảng Cộng-sản Nga thứ 24 không đưa ra quyết-định nào có thể gọi là quan-trọng; nhưng diễn-tiến của Đại-hội cũng như lời lẽ của các người tham dự đã khiến cho người ta thấy

Nga đang bước vào một giai-đoạn mới. Nga không còn là một trong hai đại cường để có thể buộc các quốc-gia phải tuân theo luật-lệ của mình nữa. Giờ đây Nga đã trở thành một quốc-gia như những quốc-gia khác phải mưu tính, phải khôn khéo mới có thể có được ưu-thế trên thế-giới. Ông Brejnev đã là một người đáp ứng với tình trạng mới của Liên-xô. Ông sẽ không như một Staline

hay một Krouchtchev có thể dùng bạo lực để chi phối đời sống chính-trị quốc-tế. Ông sẽ như những nhà lãnh-đạo khác trên thế-giới, biết khôn khéo, biết tiến thoái, để đạt tới mục-tiêu của mình. Ông có nhiều hy vọng thành công ở ngoại-quốc cũng như ông đã thành công trong việc nắm chính-quyền ở quốc-nội.

TỪ TRÌ

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



CON NIT MAU
BIẾT ĐI
CÙNG XƯƠNG.
MANH KHOẺ.
NGƯỜI LỚN
CÙNG RĂNG.
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHỎI.
MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

SỐ KN : 78 MBYI/QCPD

Ôi, «LA» ĐÀ LẠT!

Từ ít lâu nay dân Việt-nam đã được làm quen bằng mắt và tai với danh-từ «Ladalat» để chỉ một chiếc xe-hơi du-lịch của Pháp đã ráp tại Việt-Nam để bán cho dân Việt-nam dùng như là một sản-phẩm cơ-khí đầu-tiên được làm tại Việt-Nam. Sự khai-sinh và tung ra thị-trường của chiếc xe-hơi này tự-nhiên nó gây ra trong ý-nghĩ của tôi ba nhận-xét khiến cho tôi khó-chịu :

Tại sao lại dùng danh-từ «Ladalat»?

Mặc-dù đây là một chuyện làm ăn, đầu-tư của hãng Citroën là một hãng Pháp, song trong lúc quốc-gia đang tiến tới độc-lập và thể-thống quốc-gia mà để cho chiếc xe mang một tên ngoại-quốc («la» là hoàn-toàn Pháp rồi) thì, trên bình-diện quốc-gia cũng như trên bình-diện quốc-tế, cái tinh-thần phục-ngoại nó chưa hẳn là đã mất hẳn trong đầu-óc của những nhà lãnh-đạo quốc-gia. Một tinh-thần như thế gọi là tinh-thần ý-lại, mà đã ý-lại thì làm-sao mà có đủ sáng-kiến và động-lực để mà đìu-dắt quốc-gia ? Nếu thay-đổi chữ «LA» bằng một chữ việt (như chữ «XE» chẳng-hạn) thì có phải tốt-đẹp hơn không ? Đây là nói về mặt tâm-lý của động-lực-học (dynamique) và của kinh-tế-học.

Giá bán

Giá bán chính-thức của một chiếc xe «Ladalat» là 650.000đ VN, giá chợ

đen là 1.100 000đ VN.

Với chiếc xe «Ladalat» như thế là lần đầu-tiên Việt-Nam ta mới có một loại xe-hơi sản-xuất tại chỗ. Mặc-dù là đây là một việc ráp-xe (montage) của hãng Citroën của Pháp, nhưng bắt đầu như thế, để cho mình có một đơn-vị căn-bản kỹ-nghệ sản-xuất xe-hơi đã, cũng đã là quý lắm rồi. Song ta cần phải biết rằng trong mọi cơ-cấu phát-triển kinh-tế, xe hơi là một sản-phẩm tiêu-thụ (bien de consommation) nhưng cũng đồng-thời là một phương-tiện sản-xuất (moyen de production). Nếu ngay từ bước đầu mà ta đã khởi-hành trên những căn-bản không được tốt-lành cho lắm thì tất-cả mọi ngành còn lại của nền kinh-tế khó mà có-thể được hưởng lợi được. Sự thúc-đẩy ban-đầu đã không hợp-lý thì về sau khó mà có-thể sửa-sai lại được.

Theo thiên-ý của chúng-tôi, cái giá chánh-thức 650.000đ VN một chiếc xe là quá cao. Một loại xe như vậy (3 ngựa), ở Pháp là một quốc-gia đời sống rất đắt-đỏ, giá-cả thay-đổi từ 6.900 quan đến 7.500 quan. Song có điều là số tiền chi-tiêu về những nhu-cầu căn-bản tối-thiểu của mỗi người dân Pháp là 760 quan một tháng ; còn hạng thư-ký thường thì trung-bình trong mỗi tháng được 1.000 quan ở tỉnh và 1.200 quan ở Paris. Tức là 10 tháng nhu-cầu căn-bản thì một người dân Pháp mua được một chiếc xe ă.

hoặc 7 tháng lương của một thư ký thường cũng mua được một chiếc. Đây là nói ngay tại Pháp mà đời sống hết-sức đắt-đỏ !... Xét lại ở nước nhà lương một thư-ký ở tỉnh chỉ độ 4.500đ VN mỗi tháng, tức như họ phải cần đến $(650.000 : 4500)$ gần 200 tháng lương mới mua nổi một chiếc xe Ladalat.

Xe đã đắt như thế thì chỉ có một hạng người nào đó mới có thể mua được mà thôi. kỳ dư đại-chúng sẽ không có cách nào mà mua được. Sự-kiện này bắt-buộc ta phải nghĩ rằng nó sẽ thuận-ợi cho một chính-sách thực-dân mới, một chính-sách thực-dân nội-bộ do giới tư-bản bản-xứ thi-hành đối với người đồng-hương thay vì ngoại-quốc đứng ra trực-tiếp thi-hành như trước kia. Làm-sao để cho phép quốc-dân ta ngóc đầu lên nổi ? Và làm sao mà không bắt-buộc chúng ta nghĩ rằng hoặc e-sợ rằng có một sự toa-rập giữa thể-lực chính-trị, thể-lực hành-chính và thể-lực tài-chính cao-cấp để cho phép chính-sách thực-dân nội-bộ đó ? Dù sự toa-rập này có hữu ý hay vô-tình ! ...

Thực-dân ngoại-quốc thì còn dễ đánh đuổi chứ còn thực-dân bản-xứ, người mình bóc-lột người mình, thì khó mà đánh đuổi đi được lắm.

Chúng tôi không tin rằng thể-lực chính-trị và hành-chính cao-cấp của mình lại đi toa-rập với những giới tài-chính để khai-sinh ra một chính-sách thoái-hóa như thế, mà chỉ nghĩ rằng họ hành-động như thế vì không có sáng-kiến, không có óc xây-dựng và thiếu phần tế-nhị trong nhận-định đề ra

khỏi cái quan-niệm rất khó-khăn, nhiều trở-ngại của ba chữ sinh-lời (rentabilité), lợi-tức (profit) và thua lỗ (perte) trong một tương-lai gần-gũi.

Muốn cho cái phương-tiện sản-xuất là chiếc xe-hơi, dù là một chiếc xe-hơi nhà, giúp cho dân-chúng mình dần-dà ràng buộc cái lối sống của quốc-gia vào trong cái cơ-cấu phát-triển, chúng-tôi thiên-nghĩ, ít nhất ra, là căn-cứ theo mức sống tại Pháp về giá xe 3 ngựa (3 CV) ở Pháp để mà định giá bán một chiếc xe Ladalat sao cho tương-xứng với mức sống thông-thường của nước nhà. Nghĩa là, ví-dụ, nếu một công-chức nhỏ của mình ăn lương mỗi tháng 4.500đ VN thì cái xe Ladalat sẽ chỉ bán với giá $(4.500đ \times 10)$ 45.000đ VN là nhiều.

Lẽ dĩ-nhiên là cái giá bán 45.000đ VN này nó sẽ ở dưới rất xa giá vốn của mỗi chiếc xe trước khi ra khỏi xưởng chế tạo. Như vậy phải làm thế nào để làm cho người mua xe là đa-số dân-chúng có thể mua được với cái giá 45.000 VN ấy được trong khi giá vốn rõ ràng là cao hơn gấp bội ?

Chỉ có một giải-pháp là chính-phủ tài-trợ cho hãng xe sản-xuất. Nghĩa là nếu giá vốn của mỗi chiếc xe là 150.000đ VN chẳng-hạn, mà sẽ chỉ bán ra với giá 45.000đ thì chính-phủ phải trả cho hãng sản-xuất-xe $(150.000 - 45.000)$ 105.000 VN bù vào số tiền mà người dân mua xe không trả được. (Những con số này chúng-tôi đưa ra cho tiện việc suy-luận mà thôi chứ tuyệt-nhiên không có một giá-trị thực-tế nào khác ! ...)

Một khi người dân đã mua xe để dùng, tự-nhiên chiếc xe tự-nó sẽ lôi-

cuốn theo một số các khoản cần phải chi-tiêu khác như là xăng-nhớt, bánh xe, ruột xe, các đồ phụ-tùng, ăn hàng ăn quán, ở khách-sạn, các đồ tiêu công nghệ mua được trong các cuộc du-lịch ngắn, dài trong nước...v.v... Chiếc xe mặc-nhiên sẽ đóng-góp vào trong sự luân-chuyển tài-chính tiền-tệ một cách mạnh-mẽ hơn và dần-dần công-dụng của nó sẽ được nhiều người biết đến, mua nó đem về sử-dụng và, do đó, sẽ khiến cho nền kinh-tế nói chung gia-tăng phát-triển và mức-sống của dân-chúng cao lên. Nói một cách rõ-ràng: trong nước có nhiều xe hơi thì thương mại, kỹ-nghệ sẽ mau bành-trướng và mức sống của toàn-thể dân-chúng sẽ được nâng cao lên hơn. (Đến khi mức sống của dân-chúng đã bắt đầu lên cao và sự phát-triển thương-mại, kinh-tế đã được khởi-sự thì chính-phủ sẽ hủy bỏ cái chính-sách tài-trợ nói trên).

Nhưng mà, nếu phải thực-thi một chính-sách tài-trợ như thế, thì thử hỏi, trong hiện-tại tức-khắc, chính-phủ sẽ lấy đâu ra tiền để giúp cho sự tài-trợ ngõ-hầu giá xe bán ra cho dân-chúng được rẻ đến mức-độ thực phổ-thông?

* Trong trường-hợp đó, nhất-thiết chính-phủ sẽ phải duy-trì một căn-bản phân-phối và phải có một chương-trình bán xe theo thứ-tự ưu-tiên theo nhu-cầu: ưu-tiên bán xe cho các nhà thương-mại, tiểu-công nghệ và kỹ nghệ trước.

☐ Và trong kế-hoạch tài-trợ, nếu cần sẽ phải tài-trợ hẳn cho đến 50.000 chiếc xe chúng-tôi xét cũng là cần-thiết; bởi-vì chính đó là những việc đầu-tư cần-thiết không-có-không-được, dù

nó sẽ đóng vai-trò một cái móc xích để đưa-dẫn thúc-đẩy sự phát-triển mọi ngành hoạt-động kinh-tế khác.

Trong chương-trình hoạt-động của hãng xe Ladalat, sự dự-trù sản-xuất mỗi năm chỉ có 5.000 chiếc. Như thế ít quá, đã không đủ để cung-cấp cho nhu-cầu, mà giá vốn ắt sẽ phải cao. Thế mà trong khi đó họ chỉ trữ-liệu số vốn (chỉ để riêng cho việc ráp xe) tất-cả là 200 triệu đồng-bạc VN! Như thế, nếu giá mỗi cái xe bán ra là 650.000đ VN, thì 200 triệu đem chia cho 650.000 đã bằng giá của trên 300 chiếc xe rồi. Chúng-tôi thực không hiểu các nhà kinh-tế-gia của mình học nhiều mà bài-vở đề đâu hết cả, quên đi hết cả hay sao, mà trong những trường-hợp cần-đề cho quốc-gia tranh-thủ quyền-lợi với quốc-tế thì thụ-động đến thế. Nhớ lại lúc Hitler lên nắm chính-quyền ở Đức, tình-hình ở Đức đen-tối, nền kinh-tế đọa-ngọa hơn nền kinh-tế hiện-tại của nước ta nhiều, thế mà để lập ra hãng xe Volkswagen, Hitler chỉ kêu-gọi cổ-phần (theo giá vốn) đóng đủ giá tiền của 300 chiếc xe mà thôi; hãng Volkswagen chế-tạo ra được xe và hãng đã tiến-triển đến ngày nay.

Nước Đức dưới thời Hitler và nước Việt-Nam chúng-ta ngày-nay đều ở trong một tình-trạng kinh-tế nguy-ngập như nhau, thế mà nước Đức (nhờ lòng yêu-nước và tinh-thần sáng-suốt của Hitler, ít nhất cũng trên phương-diện kinh-tế này) với giá vốn của 300 chiếc xe hơi, người Đức đã lập ra được một hãng sản-xuất xe hơi, giá đã rẻ mà hãng còn mỗi ngày mỗi

trở-nên thịnh-vượng hơn cho đến ngày-nay, còn nước ta, theo sau họ cả nửa thế-kỷ cũng với một số vốn giá của 300 chiếc xe (mặc-dù là giá vô-quyết), đã không làm được xe mà còn cho phép thực-thi một cái giá (ráp-xe) quá cao thì thật là quá ngao-ngán. Vì sao kinh-tế-gia của mình đi đâu hết, không trở tài cho quốc-dân nhờ ! ...

Còn nhớ một trường-hợp khác : cách đây hai năm hãng Renault của Pháp có thiết-lập một xưởng ráp xe Renault ở Gia-Nã-Đại. Năm đầu họ chỉ dự-trù sản-xuất có 8.000 chiếc và những năm sau ít nhất là 20.000 chiếc. Theo họ có như thế thì giá xe mới khả-dĩ cạnh-tranh được trên thị-trường xe-hơi và mới có lời. Bởi vậy cho nên, muốn cho số tiền-do chính-phủ tài-trợ nhẹ đi tất-nhiên phải nâng cao con số sản-xuất lên, để cho xe có thể bán ra cho nhiều người mua-dùng được mà giá-cả lại rẻ. Chính cái số tiền đầu-tư mới đắt, còn một khi guồng máy đã chạy rồi thì mọi việc sẽ thông-suốt. Chính-quyền còn nên lập ra những cơ-quan bán chịu để ai ai cũng có-thể mua xe được, nhất là các tiểu-công-nghệ-gia, và các thương-gia tỉnh-nhỏ, vì họ cần đến xe và cần được nâng-đỡ để mua xe. (Nếu con số sản-xuất xe lên đến 20.000 chiếc mỗi năm, thì có-lẽ chính-phủ chẳng cần tài-trợ giá xe cũng sẽ vẫn rẻ...). (Nay hãng Renault lập xưởng ráp-xe ở Lô-Ma-Ni, con số sản-xuất xe sơ-khởi cũng là 20.000 chiếc một năm).

Để hỗ-trợ sự sản-xuất xe-hơi phải có một chính-sách dầu hỏa và một chính-sách giao-thông

Bây-giờ Việt-Nam đã có xe-hơi (dần-dần sẽ có xe *hoàn-toàn Việt-nam*) và đã có-thể có dầu-hỏa thì một sự thuận-lý là Việt-Nam cần phải có một chính-sách dầu-hỏa và một *chính-sách giao-thông* mới có thể khiến cho nền kinh-tế quốc-gia phát-triển khả-quan được.

Chúng-tôi thiết-nghĩ rằng có xe, có dầu, nếu xe rẻ, dầu rẻ, thì tự-khắc vật-giá của mọi thứ sẽ trở-nên rẻ (bởi-lẽ tiền chuyên-chở tức là tiền xăng-nhớt, và tiền bảo-hiêm thường thường ăn hết tất-cả...), và nếu vật-giá rẻ, đời sống được nâng cao lên, thì tự-khắc đồng-bạc sẽ có giá-trị, trên bình-diện quốc-gia cũng như trên bình-diện quốc-tế. Các phương-tiện chuyên-chở rẻ ầu cũng là một cách để phát-triển kinh-tế đưa quốc-gia dân-tộc đến chỗ phú-cường.

Nếu chúng-tôi ở cương-vị chánh-quyền, chúng-tôi sẽ chỉ cho phép bán dầu-hỏa và xăng của mình, *trên thị-trường quốc-gia*, với một giá 15 % trên giá vốn mỗi lít là nhiều (15 % là đủ để trang-trải số tiền cần-thiết để khai-thác và lọc-lựa), không nên ăn lời nhiều để cho giá vốn của tất-cả mọi thứ hàng hóa phải theo giá dầu-hỏa và xăng - nhớt mà rẻ đi ; nhưng ngược lại nhất-thiết phải có một chính-sách dầu-hỏa khả-dĩ cạnh-tranh được với các quốc-gia khác trên thị-trường quốc-gia. Một chính-sách như thế sẽ nâng cao một cách mau-chóng mức sống của dân-chúng và sẽ giúp cho các sản-phẩm kỹ-nghệ của mình để

cạnh tranh với các sản-phẩm của ngoại-quốc, và sự thịnh-vượng chắc hẳn sẽ phải đến như một hậu-quả tất-nhiên.

Điều chúng-ta cần biết là ở thị-trường quốc-tế hiện-nay, một lít xăng giá vốn lên xuống từ 0,25 quan pháp đến 0,45 quan tùy theo là dầu có nhiều diêm-sinh hay không. Và công-ty họ mua lại của những nước sản-xuất dầu-hỏa chẳng bao-lăm. Thí-dụ : trường-hợp An-gê-ri ở Bắc-Phi bán cho công-ty Pháp mỗi tấn dầu-hỏa chỉ có 25 quan pháp mà thôi. Thanh-lọc xong những công-ty ăn lời 28 quan (trong số đó có 13 quan gọi là tiền tiêu khước, frais d'amortissement), xong chính-phủ Pháp ấy thêm 200 quan mỗi tấn nữa rồi mới cho bán ra thị-trường. Tức là giá vốn mỗi lít dầu chỉ vồn-vẹn chưa bằng 1/10 cái giá bán lẻ của nó trên thị-trường.

Nếu mình sản-xuất ra dầu mà chỉ cũng bán với giá 1/10 cái giá thông-thường trên quốc-tế ra cho dân-chúng dùng thì sẽ lợi cho sinh-hoạt của toàn-thể quốc-gia Việt-Nam biết bao.

Chúng-tôi mong rằng chính-phủ mình đừng nghĩ đến việc làm giàu cho quốc-gia Việt-Nam mà chỉ nên nghĩ đến phát-triển kinh-tế nâng cao mức sống chung của toàn-thể dân-chúng. Một quốc-gia như quốc-gia ta, giàu với mạnh thì sẽ thấm vào đâu với ngoại-quốc, chỉ bằng làm cho dân ta no ấm, sung-túc mà không cần so-sánh giàu-ngèo với quốc-tế chẳng hay hơn hay sao ? Đây mới thật là dân-ủ chân-chính và phát-triển chấ-ch ích.

Kết-luận :

Tóm-tắt lại, nay Việt-Nam đã có xe-hơi (dù là xe-hơi do ngoại-quốc ráp), lại sắp có dầu-hỏa, thì công-việc hợp-lý của nhà cầm-quyền có bốn-phận bênh-vực quyền-lợi quốc-

gia và thăng-tiến đời sống của dân chúng là phải làm sao kết hợp hai khoản chính-sách xe, chính-sách dầu với một chính-sách giao-thông vào trong diễn-tiến kinh-tế để cho quốc-gia dân-tộc được mạnh-tiến.

Một chính-sách giao-thông tích-cực (dynamique) còn có điểm lợi là đem lại công ăn việc làm cho đa số dân-chúng. Do đó, và bởi-lẽ mở đầu của mình nhiều mà mình sẽ bán nhiều cho ngoại-quốc, những quốc-gia Đông-Nam-Á sẽ sớm phải liên-kết với nhau thành một Liên-bang Chính-trị để đẻ ra một thương-thuyền và một hãng công-ty bảo-hiêm liên-bang khả-di chở dầu đi ngoại-quốc, đừng để cho ngoại-quốc họ tự chở lấy dầu họ mua của mình. Vì chở dầu còn bao-gồm cả khoản bảo hiêm tức là sẽ thâu vào được biết bao-nhiều là tiền-bạc, lợi-lộc. Nếu mình để cho ngoại-quốc họ mua và họ tự chuyên-chở lấy thì rốt cuộc bao-nhiều mỗi lợi chính sẽ lọt vào tay của ngoại-quốc, mình có dầu mà vẫn bị ngoại-quốc chi-phối và làm áp-lực. Bởi vậy cho nên thêm một lần nữa, và nhân vấn-đề kinh-tế xe và dầu cùng các hệ-thống giao-thông này, chúng-tôi lại tha-thiết kêu-gọi nhà cầm quyền Việt-Nam hãy lấy sáng-kiến và dành sáng-kiến ấy cho dân-tộc và quốc-gia Việt-Nam hô-hào các nước trong vùng Đông-Nam-Á hãy sớm thức tỉnh liên-kết với nhau trong một thể Liên-bang Chính-trị mới để cùng với nhau chúng ta có đủ sức mạnh tinh-thần và vật-chất bảo-vệ tài-nguyên, bảo vệ đời sống của dân chúng-ta, đất-nước của chúng ta. Chúng-ta đừng bỏ qua cơ-hội lịch-sử ngàn năm một thuở này, chúng-ta hãy đem trí thông-minh và lòng quả-cảm hết lòng hết sức mưu-cầu vận-động một kỷ-nguyên lịch-sử mới cho quốc-gia, dân-tộc, cho Á-Châu và mặc nhiên cũng là cho nhân-loại.

HOÀNG VĂN ĐỨC

Gieo tinh nhân tạo cho heo tại Bình-Thuận

Bình-Thuận dẫn đầu các tỉnh miền Trung lần đầu tiên phát động chương trình «gieo tinh nhân tạo cho heo» kể từ tháng 8-1968 đến nay tháng 12 năm 1970.

Đồng bào chăn nuôi heo tại khắp các xã thộc 3 quận Nam Bình-Thuận (Thiện-Giáo, Hải-Long, Hàm-Thuận kể cả châu thành Phan-thiết) đều ý thức và áp dụng phương pháp gieo tinh nhân tạo, đem lại kết quả hết sức khả quan, với tỷ lệ 90%. Một phòng Gieo Tinh Nhân Tạo thiết lập tại Ty Nông-nghiệp (ngành Thú-y chăn nuôi) đường Công-chúa Huyền-Trân Phan-Thiết do ông Nguyễn-văn-Phúc nhân viên chăn nuôi phụ trách thực hành công tác.

Gieo tinh nhân tạo

Gieo tinh nhân tạo cho heo là một phương pháp khoa học mới nhằm cải thiện và truyền giống của con heo tốt trong khuôn khổ chương trình tăng gia sản xuất. Người ta lấy tinh dịch của heo nọc pha chế làm thêm số lượng tinh dịch, rồi gieo vào tử cung của heo nái để cho con heo nái ấy thụ thai. Như vậy, kết quả y như trong trường hợp giao cấu tự nhiên.

Nhờ phương pháp mới này, người ta tránh được sự đồng-huyết của heo (heo cha «phủ» heo con) hoặc nọc già phủ nái tơ, trừ các chứng bệnh cho heo nọc mang tinh trùng từ những heo có bệnh truyền nhiễm. Đồng thời

giúp các nhà chăn nuôi khỏi phải đem nọc hoặc heo nái tới nhà, tốn hao việc di chuyển và thuận tiện cho việc lựa chọn heo nọc nào ưa thích dù ở xa trại mình.

Theo kinh nghiệm cho thấy trong một tuần một con nọc chỉ «phủ» được 3 heo nái tối đa chưa kể trường hợp «chủ» nọc ham cho phủ nhiều, hậu quả đem lại sự sào thai, heo không lành mạnh chậm lớn. Trái lại cũng trong thời gian này người ta có thể gieo tinh cho 24 heo nái với kết quả tốt. (tỷ lệ đậu thai cao).

Cách lấy tinh

Thường thường người ta phải dùng một loại hình nộm cho heo nọc trèo lên để lấy tinh. Có nhiều kiểu hình nộm, nhưng người ta thường dùng kiểu bằng gỗ như chiếc ghế dài bọc vải dày nhồi cỏ khô hay gòn cho êm. Heo nọc lớn độ 8, 9 tháng cân nặng chừng 120 kí lô, trèo lên là phải tập lấy tinh cho quen. Lấy chút ít nước tiểu heo nái hay tinh dịch heo nọc «thoa» trên hình nộm, rồi cho heo nọc ngửi. Nó sẽ bị kích thích, trèo lên hình nộm và có động tác như khi «phủ» heo nái. Phần lớn heo nọc rất dễ tập, nhưng cũng có con phải mất thì giờ hơn. Khi đã quen với hình nộm rồi thì việc lấy tinh sẽ được dễ dàng.

Trước khi lấy tinh, phải rửa sạch mình heo nọc, nhất là xung quanh chỗ dương vật của heo nọc, cả tay người

lấy tinh cũng phải rửa sạch. Khi heo nọc trèo lên hình nộm, nó sẽ có động tác bắn tinh. Người lấy tinh ngồi nơi bên phải heo nọc, tay trái cầm bình đựng tinh dịch, tay mặt nắm lấy đầu dương vật và bóp nhẹ để heo nọc bắt đầu bắn tinh vào bình đựng tinh dịch. Thông thường mỗi lần lấy tinh kéo dài 6 phút và hứng được từ 200 đến 300 phân khối tinh dịch, tùy theo tình trạng sức khỏe mỗi heo nọc.

Gieo tinh dịch

Người ta dùng ống gieo (bơm) bằng thủy tinh với một ống cao su cứng (nhập cảng hiệu Nhật và Đài-loan). Để tránh truyền nhiễm bệnh cho cơ quan sinh dục của heo nái, ống chích và ống cao su cần phải nấu trong nước sôi độ 10 phút trước khi dùng. Lau chùi sạch âm hộ bằng bông tẩm dầu cù hoặc các loại thuốc khử trùng khác. Tay trái cầm ống gieo, tay phải cầm ống cao su đẩy nhẹ nhẹ qua âm đạo tới cổ tử cung. Khi ống cao su vào sâu ước độ 20 đến 30 phân, tay cầm ống cao su sẽ cảm thấy có sức cản lại, ta tăng sức ấn mạnh vào nữa thì đầu ống cao su sẽ lọt vào cuối cổ tử cung và dừng lại. Thử đẩy nhẹ thêm một chút rồi sau đó người ta phải dùng tay phải cầm ống chích và khởi sự bơm nhẹ tinh dịch vào. Mỗi lần gieo tinh, cần bơm 50 phân khối tinh dịch, nhưng nếu tinh dịch có nhiều tinh trùng và chưa đẻ quá 24 tiếng

đồng hồ, thì chỉ cần có số lượng 30 phân khối là đủ. Số tinh trùng cần thiết để đậu thai là 5 tỷ nếu tinh dịch được tồn trữ trong vòng 24 giờ, và 7 tỷ nếu được tồn trữ lâu hơn.

Các giống heo gieo tinh tại Bình Thuận

Có 3 loại heo giống Duhoc (350 kí) Yorkshire (L. W) 300 kí và Yorkshire (Middle White) 250 kí được gieo tinh nhân tạo tại bình Bình-Thuận. Cả 3 loại này nuôi trong một năm sẽ có sức nặng từ 120 đến 150 ký, mau lớn, to con và đặc biệt có dáng điệu hiền từ. Trong khi các giống heo ta (mọi, thuộc nhiều miền Núi) có sức nặng khoảng 60 — 80 kí tối đa, chậm lớn, nhỏ con và rất dữ.

Tổng số heo gieo tinh nhân tạo tại Bình-Thuận tính đến nay chia ra như sau :

— Năm 1968 (phát động chương trình) có 180 heo gieo tinh sản xuất 1072 heo con.

— Năm 1969 có 220 heo gieo tinh sản xuất 2.223 heo con

— Năm 1970 có 441 heo gieo tinh sản xuất 2.678 heo con.

Một số nhà chăn nuôi điển hình như Ông Trần-Đường (thợ hồ) ở đường Thủ-Khoa-Huân Phan thiết, cô Nguyễn-thị-Phúc xã Thanh-Hải đã gieo tinh được 3 lứa cho heo nhà với

kết quả 90%. Trong khi đó, toàn quận Hải-Long người ta không còn thấy hiện tượng chăn nuôi heo nọc như các năm về trước nữa. Tại châu-thành Phan - thiết người ta thường thấy một heo nọc thuộc nhiên đã già (5 tuổi) của ông Nguyễn-văn-Thiếu ngụ ấp Đức-Long đi «phủ» trung bình với giá từ 1000 đến 3000) đồng. Vì quá già, heo nọc này có hình vóc khá to, cặp mắt đồ ghèn nhất là gương mặt «xạc xè» cứ sau mỗi lần đi phủ.

Kết Luận

Nhận thức sự lợi ích của việc gieo tinh nhân tạo cho kết quả tốt về sau và

giảm thiểu tiền phí tổn, hiện nay các nhà chăn nuôi heo tại Bình-Thuận lần lượt hoan hỉ hưởng ứng chương trình.

Theo các giới chức liên hệ cho biết, trong năm Tân-Hợi (1971) chương-trình này sẽ được phổ cập mạnh mẽ hơn nữa hầu đáp ứng nhu cầu cần thiết của giới chăn nuôi gia súc tại 4 quận Bắc Bình-Thuận (Phan-Lý Chàm, Hải-Ninh, Hòa Đa, Tuy-Phong). Do đó, người ta tin tưởng chắc chắn rằng tỷ lệ sản xuất heo con qua công tác gieo tinh sẽ được lên cao, yếu-tố góp phần phong-phú-hóa nền kinh tế tỉnh nhà.

LÊ HỮU TỪ



Nhức đầu

Mãng

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ



1211 / BYT / JCCOP

Công việc ghi-chép và sắp-xếp truyện cổ dân-gian

Văn-chương nước ta thường được quan-niệm có hai phần là văn-chương bình-dân và văn-chương bác-học. Vì được truyền miệng nên văn-chương bình dân đã bị thất lạc rất nhiều và được ghi chép lại khá muộn màng.

Mặt khác, vì kho tàng truyện cổ vô cùng phong phú nên việc sắp xếp thực là khó khăn. Do đó mỗi người chủ trương sắp xếp một cách. Nay chúng ta thử kiểm điểm lại xem công việc ghi chép và sắp xếp truyện cổ dân-gian đã đạt đến kết quả như thế nào?

A. Ghi chép

Ở thời nguyên thủy, hầu như dân-tộc nào cũng có những truyện thần thoại về Thượng-đế, vũ-trụ và những nhân-vật phi-thường. Dĩ nhiên dân-tộc Việt Nam cũng có những thần thoại như thế. Nhưng sau một thời gian dài dằng dặc bị pha trộn với các nền văn-hóa khác, nhất là văn-hóa Trung-Hoa, một số thần-thoại Việt Nam bị thay đổi lẫn lộn với những thần-thoại ngoại-lai. Một số thần-thoại khác bị quên lãng, mất mát vì không được ghi chép lại.

Mãi gần đây mới có những sách nghiên-cứu và ghi chép rõ ràng những thần-thoại cũ của dân-tộc như « *Lược khảo về thần thoại Việt Nam* » của Nguyễn Đông Chi và « *Thần thoại* » của Hoàng Trọng Miên. Còn xưa kia không có sự phân biệt rõ ràng giữa

thần-thoại, truyền thuyết, cổ tích... trong dân gian và ngay cả trong giới chép truyện. Bởi vậy chúng ta không thể liệt-kê những sách viết về thần-thoại của cổ-nhân. Chỉ có thể thu-nhập các thần-thoại rải rác đó đây trong dân gian hoặc trong các sách mà ở đó có sự lẫn lộn thật vô cùng phức tạp giữa những truyện ngày nay một số người gọi tên là thần-thoại, cổ-tích, khôi-hài, ngụ-ngôn, tiểu-lâm ...v.v.

Thời Bắc thuộc, một số truyện cổ của ta được ghi chép trong « *Giao châu ký* » của Tăng Cỗn và Triệu Công, « *Giao châu ký* » của Lưu hân Kỳ, « *Lĩnh biểu lục địa* » của Lưu Tuân, « *An Nam tập ký* » của Lý tiên Căn. Đời Trần có sách « *Việt điện u linh tập* » của Trần thế Pháp và « *Lĩnh Nam chích quái* » của Lý tể Xuyên. Thế kỷ XV, Lê thánh Tông viết « *Thánh Tông di thảo* ». Thế kỷ XVI, Nguyễn Dữ viết « *Truyền kỳ mạn lục* » trong đó gồm có những truyện được lưu truyền trong dân gian và một số do chính Nguyễn Dữ sáng tác. Thế kỷ XVII, Đoàn thị Điểm viết « *Tục truyền kỳ* ».

Ngoài ra còn một số sách bằng chữ Hán ghi-chép những truyện cổ trong dân-gian như : « *Công dư tiếp ký* » của Vũ phương Đề, « *Lan trì kiến văn lục* » của Vũ Trinh, « *Truyền văn tân lục* » của Nguyễn diên Trai, « *Sơn cư tạp lục* » của Bùi huy Bích, « *Tang thương ngẫu lục* » của Phạm đình Hổ và Nguyễn Ân,

«Thoái thực ký văn» của Trương quốc Dụng, «Bản quốc dị văn lục» của Khuyết Danh, «Tân truyền kỳ lục» của Phạm qui Thích, «Vân nang tiểu sử» của Phạm đình Dục v.v...

Thời Pháp thuộc cũng có những truyện cổ dân gian được chép lại bằng tiếng Pháp như sau : *Contes et légendes du pays d'Annam* (của Cesbron), *Légendes historiques de l'Annam et du Tonkin* (Dumoutier), *Légendes des territoires vietnamiens* (Phạm duy Khiêm), *Contes et légendes annamites* (A. Lalande), *Dragon et Génies* (Langlet), *Contes et légendes d'Annam* (Chivas Baron), *Légendes tonkinoises* (A. Cheon), *Croyances et pratiques religieuses des Vietnamiens*, *Les légendes*, tome II E. F. E. O. (L. Cadière) *Choix de légendes historiques de l'Annam et du Tonkin* (Dumoutier) *Contes et légendes d'Annam* (Lê-văn-Phát), *Légendes de la montagne de marbre* (Riquebourg) v.v...

Hiện nay một số truyện cổ dân-gian hoặc đã được dịch từ các sách Hán văn như *Việt điện u linh tập*, *Lĩnh Nam chích quái*, *Truyền kỳ mạn lục*, *Tang thương ngẫu lục*, *Công dư tiếp ký*, *Thoái thực ký văn*... hoặc được thu thập trong dân gian hay trong các tác phẩm chữ Hán, chữ Pháp rồi xuất bản thành sách như : *Chuyện đời xưa* (Trương vĩnh Ký), *Chuyện giải buồn* (Huỳnh tịnh Cửa), *Truyện đời xưa* (Đình thái Sơn), *Đổi cổ kỳ quan*, *Truyện đời nay* (Đặng lễ Nghi), *Nam hải dị nhân liệt truyện* (Phan kể Bích), *Truyện cổ nước Nam* (Nguyễn văn Ngọc), *Truyện cổ Việt Nam* (Nguyễn Duy), *Truyện cổ tích Việt Nam* (Nguyễn Bính), *Lược khảo thần thoại Việt Nam* (Nguyễn đồng Chi), *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* (Nguyễn đồng Chi),

Truyện cổ Việt Nam (Vũ ngọc Phan), *Truyện cổ tích Việt Nam* (Trần thanh Mai), *Truyện cổ Việt Nam* (Vũ tường Khanh), *Việt Nam văn học toàn thư I và II* (Hoàng trọng Miên), *Chuyện xưa tích cũ* (Sơn Nam), *Truyện cổ nước Nam* (Hoàng trúc Ly), *Thần thoại Việt-nam — Trung-hoa* (Doãn quốc Sĩ) v.v...

Sau hết cũng phải kể đến một số truyện cổ dân gian viết bằng quốc ngữ hay Pháp ngữ đăng rải rác trên các báo chí trong nước.

B. Sắp xếp

Đối với truyện cổ dân gian, các sách văn học sử cũ, hoặc không nói đến, hoặc có nói đến nhưng phân loại không được rõ ràng.

Chẳng hạn quyển *Việt-nam văn học sử* của giáo-sư Dương quảng Hàm trong phần văn-chương bình-dân chỉ nói đến ca-dao, tục ngữ chứ không nói đến truyện cổ.

Còn trong quyển *Việt-nam văn học sử trích yếu*, ông Nghiêm Toàn lại gọi chung tất cả truyện cổ dân gian là «chuyện cổ tích» và phân chia như sau :

«Văn-học bình-dân truyền khẩu, ngoài văn vần (ca-dao, tục-ngữ), còn có những câu chuyện cổ, những câu chuyện rất phổ-thông trong dân chúng, từ đời này truyền qua đời khác. do cửa miệng ông già bà cả, kể lại cho con cháu những khi tối mùa đông nằm trong ổ rạ, hay đêm mùa hè.

Chúng ta tạm phân loại ra sẽ thấy có :

1 — những chuyện mê-tín hoang-đường,

2 — những chuyện luân-lý, ngụ-ngôn.

3 — những chuyện phúng-thể hài-đàm và

4 — những sự-tích các thần, các thánh.» (1)

Dựa theo ý nghĩa của các chuyện cổ, ông Nghiêm Toàn xếp thành bốn loại chính như ta đã thấy. Ông lại lấy truyện *Quỷ nhập tràng* làm tiêu biểu cho loại truyện «mê tín hoang đường», *Ăn miếng ngọt trả miếng bùi* tiêu biểu cho loại «luận lý ngụ ngôn», truyện *Thằng cuội* tiêu biểu cho loại «phúng thể hài đàm» và truyện *Bà Thánh giết giặc Tàn* tiêu biểu cho loại các thần các thánh.

Phân chia như thế, thiển nghĩ không được chặt chẽ cho lắm. Chúng ta tự hỏi không biết những truyện vừa là những sự kiện có thực, vừa thần-thánh-hóa, vừa được tô vẽ thêm với những nét hoang đường như truyện Phùng Hưng, Nhị Trưng, Lý Ông Trọng, Tô Lịch, Trần Hưng Đạo... ông sẽ sắp vào loại nào đây? Còn cười cũng có loại cười tục như truyện tiểu lâm, cười không tục như truyện khôi hài, cười mà có ý răn đời như một số truyện ngụ ngôn v.v... chẳng lẽ lại cùng sắp vào loại phúng thể hài đàm cả ư?

Trong *Khởi thảo văn học sử Việt-Nam*, phần «văn chương bình dân» (2). Linh Mục Thanh Lăng phân chia truyện cổ có phần khác hơn:

I) Truyện ma quỷ (ví dụ truyện *Quỷ nhập tràng*)

II) Anh hùng dân tộc (Ví dụ: *Phù Đổng thiên vương*)

III) Ái tình:

1 — Quan niệm duyên kiếp (Ví dụ:

Trương Chi)

2 — Tự do tình cảm (Ví dụ: *Chữ Đồng Tử*)

3 — Tục thách cưới (Ví dụ: *Sơn Tinh Thủy Tinh*)

IV) Truyện luân lý

1 — Hiếu thảo (Ví dụ: *Dệt lụa nuôi cha*) (2)

2 — Tình anh em (Ví dụ: anh em họ Điền) (2)

3 — Tình vợ chồng (Ví dụ: *Thiếu phụ Nam Xương*) (2)

4 — Tình bạn bè (Ví dụ: *Lưu Bình Dương Lễ*)

5 — Răn tính tham ác (Ví dụ: *Cây khế*) (1)

V) Truyện thần tiên (Ví dụ: *Nổ Thần, Từ Thức*)

VI) Truyện phong tục (Ví dụ: *Trầu cau*)

VII) Truyện khôi hài (Ví dụ: *Thằng cuội*)

Cách phân chia trên đây tuy tỉ mỉ hơn ở sách Nghiêm Toàn nhưng xem ra lại có phần lỏng lẻo hơn. Những vấn đề như duyên kiếp, tự do, thách cưới hay hiếu thảo, tình anh em, vợ chồng, bạn bè, tính tham ác được rút ra thành những loại riêng, thiển nghĩ không được hợp lý và gây thêm phiền toái, lộn xộn.

(1) *Hạo-nhiên Nghiêm Toàn*, Việt-Nam văn học sử trích yếu, nxb Vĩnh Bảo, Sài-gòn 1949, tr. 31.

(2) *Thanh Lăng*. *Khởi thảo văn học sử Việt-Nam*, t I, Văn chương bình dân, nxb Văn Học Sài-gòn 1957 tr. 31-35.

(3) Tác giả thuật truyện nhưng không đề nhan đề. Các nhan đề này do chúng tôi bổ túc.

Chẳng hạn truyện *Nô Thần* hay truyện *Từ Thức* nên đặt trong phần truyện «ái tình» hay truyện «thần tiên»? Truyện *Sơn Tinh Thủy Tinh* rõ ràng là một truyện thần thoại sao lại được xếp vào phần «ái tình và tục thán cười»? Hoặc truyện *Nô Thần* vừa có thể xếp ở phần «anh hùng dân tộc» (An Dương Vương dẹp yên giặc già các nơi, đóng đô ở Phong Châu và xây thành Cổ Loa), ở phần «ái tình» (mối tình giữa Trọng Thủy My Châu), ở phần «luân lý» (Vì chiếc ngai vàng mà Triệu Đà phản bội tình sui gia, Trọng Thủy phản bội tình yêu, Thục An Dương Vương giết con gái), ở phần «truyện thần tiên» (chăn Kim Quy giúp An Dương Vương xây thành Cổ Loa và cho nô thần), ở phần «phong tục» (đem ngọc châu Đông Hải rửa nước giếng Trọng Thủy để được sáng) hay ở phần truyện «khôi hài» cũng được (Thục An Dương Vương đeo theo kẻ «giặc» sau lưng, lúc chạy loạn mà không biết)

Vậy là với mỗi một truyện *Nô thần* mà suốt bảy phần do Linh mục Thanh Lãng xếp đặt, hầu như chúng ta sắp vào đâu xem ra cũng có lý cả!

Trong *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam* (1), ông Nguyễn Đồng Chi phân chia truyện cổ tích có phần hợp lý hơn:

1— Truyện thần thoại (Ví dụ: thần Trụ Trời, thần Biển, thần Mặt Trời và Mặt Trăng, Hạt Lúa Thần, thần Lửa, Cờng Bạo Đại Vương, Sơn Tinh Thủy Tinh)

2— Truyện truyền thuyết (Ví dụ: thần Kim Qui và Thục An Dương Vương, Lý Ông Trọng, Phùng Hưng, Bà Trưng, Bà Triệu, Bà Lê Chân, Thánh

Gióng, Sư Giác Hải, Đức thánh Khổng Lồ đúc chuông)

3. Truyện cổ tích:

a/ Truyện cổ tích thể sự (Ví dụ: Giết chó khuyển chông, Sự tích chim hít cô)

b/ Truyện cổ tích hoang đường (Ví dụ: Tầm Cám, Cây tre trăm đốt, Hà Ôi Lôi)

c/ Truyện cổ tích lịch sử (Ví dụ: Từ Đạo Hạnh, Chàng Lía, Cổ Bu)

4. Truyện ngụ ngôn: (Ví dụ: Con cọp, con cò con cáo, con chuột, Trâu và ngựa, Chèo bẻo và ác là, Thỏ và cọp, Thầy dạy học trò, Nuôi khỉ biết nói, người nông dân với con lừa...)

5. Truyện tiểu lâm: (Ví dụ: Bẩm quan lớn ngài minh lăm, Tính hay nịnh, Sang cả mình con, Đầy tớ)

6. Truyện khôi hài: (Ví dụ: Không hoa không chông, Tù lì tám tiền, chông đui vợ điếc)

Ở sách *Việt Nam văn học toàn thư* (1), ông Hoàng Trọng Miên sắp đặt truyện cổ dân gian gần như trên:

1. Thần thoại

2. Truyền thuyết

3. Ngụ ngôn

4. Khôi hài

5. Tiểu lâm

6. Cổ tích

(1) Nguyễn Đồng Chi *Sơ thảo lịch sử văn học Việt-Nam tập I* nxb Văn Sử Địa HN 1957 tr. 79-133.

(2) Hoàng Trọng Miên *Việt Nam văn học toàn thư t II*, Cổ tích nxb Văn Hữu Á Châu Sài Gòn 1960, tr. 11 - 23.

- a/ Truyện cổ tích phong tục,
- b/ Truyện cổ tích lịch sử.
- c⁰/ Truyện cổ tích thể sự
- d⁰/ Truyện cổ tích tình cảm
- e⁰/ Truyện cổ tích hoang đường
- f⁰/ Truyện cổ tích tôn giáo.

Chúng ta thấy rằng, khác với Nguyễn đồng Chi, ông Hoàng Trọng Miên đã đặt thêm ba loại cổ tích: phong tục, tình cảm, tôn giáo. Nhưng chính ở chỗ đó lại gây nên khuyết điểm. Bởi vì trong truyện cổ tích, tính chất tôn giáo và phong tục thường đã lẫn trong những truyện hoang đường (Ví dụ: Ông nhỏ, Bình vôi, Trầu cau) và tính chất tình cảm lại thường thấy trong những truyện cổ tích lịch sử hay thể sự rồi (Ví dụ: Trương Chi và Mị Nương, Trọng Thủy My Châu, Con muỗi. .)

Riêng về sự phân biệt giữa thần thoại, truyền thuyết và cổ tích lịch sử, cả hai ông Nguyễn đồng Chi và Hoàng trọng Miên đều có những quan niệm rất mơ hồ.

Nguyễn đồng Chi viết: «Giữa truyện thần thoại Việt Nam và truyền thuyết Việt Nam thường có sự lẫn lộn*, cho nên bảo truyện Lạc Long Quân là một thần thoại cũng được hay là một truyền thuyết cũng không sai. Nhưng nói chung, truyền thuyết là những chuyện lịch sử được người đời cổ hoang đường hóa để biểu hiện nguyện vọng của mình» (Sđd, tr. 80)

Còn Hoàng trọng Miên thì nói: «Thần thoại khác với truyền thuyết ở điểm truyền thuyết là những sự việc lịch sử truyền kể lại, và các nhân vật trong truyền thuyết đã bị nhân hóa, cũng như các nhân vật trong lịch sử được thần

thánh hóa. Truyền thuyết có khi là thần thoại bị sửa chữa, nên dễ lẫn lộn với thần thoại, cũng như người đời xưa đã xem thần thoại như là lịch sử, và cho lịch sử hoang đường là truyền thuyết để phân biệt với lịch sử thực sự. Ranh giới giữa truyền thuyết và thần thoại, lịch sử với thần thoại do đó mà trở nên mù mờ chẳng chịt*» (Sđd. tr. 45)

Như vậy sau khi đọc xong hai đoạn trên, chúng ta thấy cả hai tác giả không đi đến một kết luận minh bạch nào giữa thần thoại và truyền thuyết. Về cổ tích lịch sử cũng thế:

«Truyện cổ tích lịch sử là những truyện dựa vào một nhân vật lịch sử rồi cường điệu hóa nhân vật ấy, hay dựa vào một sự kiện lịch sử rồi thêm dặt thêm ra cho sự kiện ấy trở nên ly kỳ đặc biệt» (Nguyễn đồng Chi, sđd, tr. 94)

Hặc:

«Truyện cổ tích lịch sử hay là truyền thuyết là những truyện ca ngợi anh hùng dân tộc, kỳ tại Việt Nam... Những nhân vật lịch sử ở trong truyện cổ tích đã được tô điểm, thi vị hóa cho thêm ly kỳ khác với chính sử...» (Hoàng trọng Miên, sđd, tr. 19)

Theo cách phân biệt trên đây, ông Nguyễn đồng Chi bảo truyền thuyết là «những chuyện lịch sử đã được người đời cổ hoang đường hóa» và cổ tích lịch sử là «những nhân vật hay sự kiện lịch sử được thêm dặt thêm ra cho trở nên ly kỳ đặc biệt». Như vậy có gì khác nhau giữa hai thứ đó?

* Những chữ in đậm do chúng tôi nhấn mạnh.

Ông Hoàng Trọng Miên lại còn nói trắng ra rằng «truyện cổ tích lịch sử hay là truyện thuyết là...» Nghĩa là truyện thuyết hay truyện cổ tích lịch sử cũng là một!

Cho đến nay, nhím chung công việc sắp xếp các truyện cổ dân gian vẫn chưa được thỏa đáng. Riêng phần chúng tôi, không muốn theo gót các nhà văn học sử trước đây và xin được xếp đặt các truyện cổ dân gian theo một chiều hướng khác, chiều hướng của triết học.

Chúng tôi mạo muội quan niệm rằng, tất cả những truyện được lưu truyền lại, nếu không phải là chính sử thì đều là truyện thuyết. Và trong số truyện thuyết (hay truyện cổ dân gian), truyện nào có thể gây cho chúng ta cười mà không tặc là truyện khôi hài, cười mà tặc là truyện tiểu lâm. Những truyện nào dạy

luân lý có tính cách ám chỉ là truyện ngụ ngôn. Những truyện nào nói về các thần linh là truyện thần thoại. Còn lại bao nhiêu truyện, nếu không phải là những loại kia, chúng tôi gọi chung là truyện cổ tích. Chữ cổ tích, xin được dùng như là một «nhãn hiệu», một cái «danh» có tính cách qui-ước để nhằm vào cái «thực» mà chúng tôi muốn chỉ-thị. (1)

Đây là đại cương về việc sắp xếp các truyện cổ dân gian. Kỳ tới, chúng tôi sẽ xin góp ý đầy đủ hơn về việc xếp đặt các thần-thoại Việt Nam.

NGUYỄN THỊ NGỌC THẨM.

Kỳ sau : Góp ý về việc sắp xếp các thần thoại Việt Nam.

(1) Hiểu theo nghĩa «danh» vì «thực» của Tuân Tử, triết gia Trung Hoa sống khoảng t.ế kỷ thứ III trước Tây Lịch.

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

Xã hội và văn hóa th ại-cổ Việt-nam

(Bài nói chuyện của Giáo - sư Trần - Ngọc - Ninh tại thánh đường trường Quốc - gia Âm-nhạc nhân ngày Giỗ Quốc - tổ Hùng - Vương 10-3 Tân - Hợi (1971) do đoàn Văn nghệ Thanh - niên Sinh - viên Học - sinh Tiên - Rồng tổ - chức).

(tiếp theo BK. số 343)

Tôi đã rời bỏ lãnh vực của khoa tiền-sử mà đi ngang địa hạt của cồ-dân-tộc học, là một khu vực còn đầy những giả-thuyết và những vấn-đề nan giải. Trong khoa này, M. Granet đã làm sáng tỏ những sắc diện. của văn-minh và tr ường của Trung-Hoa và Dumézil đã phân tích cái cơ-cấu bất biến của dân Ấn-Âu, nhưng hầu như chưa có ai khảo sát về những mô-nhình của văn hóa Cồ-Việt cả. Bởi vậy, tôi mạn phép phải đưa ra đây một vài nhận xét riêng căn cứ vào ngữ-lý-học, huyền-thoại học và tôn-giáo-học, trước khi chúng ta tiếp tục cnộc bành-trình trong cồ-sử.

Những người xử dụng lưỡi đá có mấu, cũng đã được nhận diện là những người nói những ngôn ngữ thuộc ngữ tộc Môn Khmer. Dòng Môn đã nảy nở ở Miến Điện, dòng Khmer thì phát triển ở miền Đông của bán đảo Ấn Độ China. Trong Việt-ngữ của ta ngày nay, còn có tất cả những chứng tích của các cuộc di-dân tiền sử ở bán đảo này. Có một vài tiếng thuộc gốc Mélanésian-Polynésian, như *ăn*, *cần*, *âm*, *lá*, *ma*, *cau*, một số tiếng Indonésian như *cá*, *mã*, *núi*, *cháu*, *chút*, *chít*, *ba ba*, , một

số tiếng lấy ở Nguyên Lolo-Miến, như *mồm*, *bú*, *lưỡi*, *có*, *sợ*... ; và rất nhiều tiếng gốc Môn Khmer: *mũi*, *miệng*, *chân*, *trôn*, *đít*, *uống*, *đái*, *ia*, *đứng*, *để*, *chết*, *chìm*, *cò*, *cốc*, *cun* *cút*, *cá rô*, *gấu*, *vượn*, *rùa*, *ong*, *muỗi*, *chấy*, *ngày*, *đêm*, *lửa*, *lùi*, *thui*, *chín*, *khét*, v. v... Tất cả những tiếng trên thuộc về một cái vốn cồ-sơ của dân-tộc, có trước khi có sự biến đổi quan trọng đem những *thanh* (tons) của cồ-thái ngữ vào tiếng Lạc-Việt, và có sự tràn ngập bởi văn-hóa và ngôn ngữ Trung-Hoa. Vấn-đề này là một vấn-đề thuộc khoa triết ngữ (philologie), mà tôi chỉ phác qua và không nói thêm nữa, đề sang địa-hạt ngữ-lí học (linguistique).

Trong cái cơ-cấu của Việt-ngữ, có một phần có thể mở hé một chút những ấn-tượng cồ-sơ nằm chìm trong ngôn-ngữ của ta. Đó là cấu-tượng của danh-từ thuần Việt.

Ngày nay ta nói : *cái tay*, *con gà*, *nước lã*. Những danh-từ này được cấu-tạo không khác gì những danh-từ khoa-học trong danh-pháp Linné : tiếng thứ nhất chỉ cái giống trong đó có cái loài được chỉ bởi tiếng thứ hai. Tôi tạm gọi tiếng đầu là *loại-danh*, tiếng thứ hai là *biệt-danh*. Hợp

loại danh với một biệt-danh thì thành một *danh-từ* : *cái bàn, cây lúa, đất xét, nước lã...* Có rất nhiều lý-do để nói rằng cái cơ-cấu từ-pháp này là một cơ-cấu căn-bản rất xưa của Việt-ngữ, dầu rằng về âm-vị học đã có những sự thay đổi quan-trọng trong hệ-thống âm-vị của Việt-ngữ từ thời thái-cổ đến nay.

Với những tiếng thuần Việt không lẫn lộn tiếng mượn của Hoa-ngữ, các *danh-từ* làm thành một hệ-thống g *thuần-nhất*, biểu lộ một vũ-trụ-quan và một nhân-sinh-quan tiềm ẩn trong tri-thức của chúng ta cho đến ngày nay. Tôi xin trình bày cái vũ-trụ-quan của người Lạc-Việt một cách rất đơn giản. Vũ-trụ của sự sống được chia ra hai cõi : Cõi Trên và Cõi Dưới.

Cõi Trên là nơi của thiêng-liêng. Sau khi tiếp-xúc với người Trung-Hoa, thì ta gọi những đấng thiêng-liêng bằng loại-danh Ông hay Bà. Có Ông Trời, Bà Đất ; (nên nhớ rằng người Trung-Hoa chỉ có Thờ-thần, mà là thần phái nam) ; Có Ông Sấm bà Sét, (nhưng mưa gió được coi là hiện-tượng tự-nhiên chứ chẳng phải có Ông Bà) ; Có Ông Hùm, Ông Voi, (nhưng không có Ông Rồng và chỉ có con rồng) Theo những chứng tích tiền-sử thì Hùm (hồ) là một giống vật được thờ ở khắp miền Nam núi Ngũ-linh chứ không riêng gì ở Việt-Nam.

Cõi Dưới là Cõi của người hay cõi nhân-sinh. Ở đây, vạn vật đều mang loại-danh *cái*, nhưng *cái* đã được chia ra thành ba khu-vực chính.

Khu-vực thứ nhất là *người*. Người

thì sống có *đàn*, được phân biệt trong cách sinh-hoạt : không có tên riêng, nhưng sau này gọi là *đàn ông* và *đàn bà* : người đàn này thì gọi là *người đàn ông*, người đàn kia thì gọi là *người đàn bà*. Ngay bây giờ, sự phân *đàn* cũng vẫn còn : *đàn anh* ngồi chiếu trên, *đàn em* ngồi chiếu dưới. Người cùng *đàn* ăn ở với nhau, làm việc với nhau. Nếu đau yếu thì phải biệt lập ở một khu riêng, đó là *nghĩa* của sự *khó ở, khó chịu*. Trong cùng một cộng-đồng với nhau thì mới gọi nhau bằng tên riêng, ra ngoài cộng-đồng đều là *kẻ* : *kẻ noi, kẻ lữ, kẻ sắt, kẻ chợ*. *Kẻ* là một tiếng tiếp nhánh của *kia*, là «xa».

Khu vực thứ hai là *con*. *Con* là những cái tự mình linh-động. Trước hết là những người còn nhỏ ; khi chưa qua lễ khai tâm để vào cộng-đồng. Dầu là trai hay gái, chúng đều là *con*. Nhưng con trai thì được qua lễ khai tâm, nên có một lúc được gọi là *thằng*, còn con gái thì vẫn là *con*. Trong các dân tộc sơ-hai, đều có sự kiện xã-hội này. Ngôn-ngữ còn giữ lại cái ấn-tượng cổ-sơ ấy, (như Anh-ngữ gọi đứa bé con là *it*, Đức-ngữ gọi là *es*, như những con vật, mà không phân biệt trai gái khi đứa bé còn nhỏ ; chỉ khi nào đã có tên thì mới được gọi là *he, she*, hoặc *er, sie* mà thôi).

Con còn là *con vật* hay đúng hơn là động-vật, vì *con* chỉ cái linh động. Các con vật gần người nhất thì có những tên đặc biệt, : *con gà, con vịt, con ngỗng, con lợn, con chó, con tôm, con ong, con chấy v.v...* Các giống muông khác nhau rất rõ rệt cũng có

tên đặc-biệt, và các tên đều bắt đầu là *con* : *con gấu*, *con khỉ* v.v...,

Nhưng ngoài ra thì có một sự phân loại, theo cách sinh sống trong môi-trường : Trước hết có *chim* : *chim gi*, *chim sẻ*, *chim sáo*, *chim bồ câu*, *chim chèo bẻo*, *chim chích chòe*. Chim đối với cá : *cá rô*, *cá diếc*, *cá chép*, *cá mập*, *cá voi*, *cá lộn*, *cá đuối*, *cá thồn-bơn*, *cá thia lia*, *cá sần sật*. Các tên có thể lên đến bậc thứ ba : Không những *con* mà *con chim*, *con chim di*, *con chim di đá*, *con chim sáo*, *con chim sáo sậu*. Giống rắn đối lại với giống rết và cũng có những tên bậc hai, bậc ba : *con rắn ráo*, *rắn hổ mang*, *rắn hổ lửa*, *rắn cạp nong*, *rắn cạp nia*... Giống bọ, đối với giống sâu, và cũng có những tên theo mô-hình đó : *con bọ dừa*, *con bọ ngựa*, *con bọ xít*, *con bọ hung*, *con bọ cạp*, *con sâu róm*, *con sâu rau*, v.v...

Cũng có vài thứ *con* không phải là vật sống : *con* chỉ là cái linh động chứ không bắt buộc là cái có sự sống vì thế ta có *con thuyền*, *con vù*, *con cò*, *con mắt*, *con người*, *con sông*, *con đường*. Còn cái thì là loại-danh của những vật không linh động. Những vật này rất nhiều, và tất nhiên cũng được phân ra từng loại.

Trong thiên nhiên thì có *cây* đối với *cỏ*, là hai phân loại đầu tiên của *cái* : *cái cây*, *cái cỏ*. Các thứ *cỏ* được gọi bằng biệt danh : *cỏ lau*, *cỏ bông*, *cỏ gà*, *cỏ tiên* v.v... Còn *cây* thì lại được phân thêm một đợt : *cây* có thân cứng (*cau*, *dừa*, *đá*, *tre*, *pheo* v.v...) và các loại *dau* và *dừa* không có thân cứng *dừa gang*, *dừa bở*, *dừa hấu*, *dừa chuột*, *dừa leo*, v.v... *Dau* (*Rau*) còn

được phân thêm nữa, vì ngoài những loại rau thường như *rau muống*, *rau má*, *rau rút*, *rau húng*, *rau thơm*, *rau lía tô*, *rau thìa* là lại còn những rau được gọi chung là *rau cải* là những rau người ta trồng để ăn. Những danh-từ đã lên đến đợt thứ năm :

(*cái cây*) *rau cải bẹ*
cải thìa
cải cúc
cải bắp v.v...

Nhưng tới đây là bắt đầu khu vực văn hóa, khu vực của những thứ rau trồng để nấu canh. Tiếng *cải*, cũng như tiếng *canh* đều không còn là tiếng Việt thuần túy nữa, mà đã là tiếng Hán Việt.

Những *chất* không có hình thể riêng thì thường ít khi cùng loại danh *cái*. Bắt đầu là sự phân biệt *chất đặc*, là *đá* và *đất* tùy theo tính chất cứng hay mềm, và *chất lỏng*, là *nước*. Sau đó là những biệt danh : *đất thó*, *đất sét*, *đá ong*, *đá vôi*, *nước lã*, *nước mưa*, *nước mắt*... *Chất* còn có *chất vô hình*, nhưng người được là *hơi* ; lại có những cái vô hình khác, nghe thấy được, là *tiếng*.

Đó là hình-ảnh cái vũ trụ giác thức được của người Lạc Việt, một vũ trụ đã được tổ chức một cách thuần lý và thích hợp với đời sống vật chất cũng như tâm linh của thời thái-cổ.

Nông nghiệp khi ấy còn phôi thai, sự cấy lúa còn theo kiểu làm rẫy, nên chưa đòi hỏi một sự hiểu biết tinh vi lắm về sự vận chuyển của thời tiết. Người Lạc Việt chia năm ra làm mười tháng, mỗi tháng có ba mươi ngày tức là ba cổ trăng. Trẻ con ngày nay còn hát bài Ông Giăng Ông Giăng:

Ông Giăng, Ông Giăng,
 Ông rỗng búi tóc
 Ông khóc, ông cười,
 Mười ông một cỗ
 Đánh nhau lỗ đầu



Tháng bắt đầu với ông Giăng búi tóc, tức là Ông Giăng tròn ; rồi sang cỗ thứ hai, với Ông Giăng khóc, hình cái miệng méo xệch hai mép xuống ; rồi đến cỗ thứ ba. Ông Giăng cười, với hai cái mép vênh lên. Mười tháng thì tính từ tháng một, tháng hai, cho đến tháng mười là hết. Mãi đến thời Bắc-thuộc, mới dùng lịch Tàu, có 12 tháng : hai tháng mới, được đặt vào giữa tháng một và tháng hai, và được gọi là tháng chạp và tháng giêng. «Chạp» là tiếng mượn của Hoa-ngữ (lạp), còn «Giêng» nghĩa là đặc-biệt, vì là tháng dành cho các hội-hè ngày xuân, theo những tục-lệ mới, được du nhập bởi người Hán.

Người Lạc-Việt có những ngày đám, tức là những ngày hội, trong những ngày ấy, có những bữa ăn công cộng, mọi người nhẩy múa ca hát và uống rượu. Tục truyền rằng An-Dương Vương đã đánh úp nước Văn-Lang sau một ngày đám lớn vào lúc mọi người, vua, quan và dân chúng còn say mềm và mệt lử.

Người ta thường nói rằng dân Việt không có vũ ; điều này đúng, vì vũ là của dân Trung-Hoa. Theo từ-

nguyên, vũ điệu là điệu bộ của Vua Vũ. Ông Đại Vũ là một ông Vua huyền thoại, có lẽ là một pháp sư, thuộc thời Hồng Thủy. Vua Thuấn giao cho ông việc trị thủy, và ông đi khắp nơi trong nước Trung-Hoa ; Kinh-Thư nói rằng Vũ đã đi bằng mọi kiểu. Hán-Thư kể rằng Vũ thường đội lột con gấu, ôm từng tảng đá mà nhảy. Các pháp-sư về sau bắt chước các lối đi của Vũ mà đặt ra các vũ điệu để cầu đảo và tạ ơn.

Người Lạc-Việt không vũ, mà múa. Sự múa được thực hiện bằng cả người, mình mẩy chân tay. Có những điệu múa của người chiến-sĩ mà hàng năm dân chín tông của miền Bắc-Giang vẫn diễn lại mỗi ngày mùng 9 tháng 4 để kỷ-niệm Phù-Đổng Thiên-Vương. Lại có những điệu múa ngày mùa, trong những lễ rước ở nhiều làng, mà ngày nay người ta hiểu lầm là rước Dâm Thần, nhưng thực ra là rước Mẫu, tức là Thần Mẹ, đã sinh sản cho loài người có đầy đủ để dùng. Dân Lạc Việt không thờ dương vật (lingam) như người Cồ Ấn và có lẽ cả người Trung-Hoa thái-cồ (vì theo ông Karlgren thì chữ «tô» chính là tượng hình của Lingam),

chữ 祖 (+ô)

tượng
hình A Lingam

mà thờ Thần Mẹ hay Đức Mẫu như hầu hết các dân-tộc khác ở thừa ban sơ của thời tân-thạch.

Sự thờ Thần Mẹ này không có nghĩa là xã hội theo chế-độ mẫu-hệ. Trước kia, tôi cũng tưởng rằng người Lạc

Việt theo mẫu-hệ, nhưng sau đó, không tìm thấy được một dấu hiệu nào để chứng minh điều này cả. Đó là một điều đã được bày đặt ra bởi một nhà viết sử theo Marxisme một cách máy móc, đã khẳng định như thế và cho rằng việc hai Bà Trưng cầm quân đánh lại nhà Hán là một chứng cứ rằng dân Lạc-Việt theo mẫu-hệ. Trong những truyền-thuyết để lại, không có một hình-tích nào chứng minh được điều này cả, và ngoại trừ chuyện Sơn-tinh, Thủy, tinh, cũng không tìm được một dấu hiệu nào để nghĩ rằng đời xưa, ta theo kiểu Nghiêu-Thuấn-Vũ-truyền ngôi qua hôn-phối.

Người Lạc Việt có những tín-ngưỡng ; những tín ngưỡng này rất là phức tạp, và có một số còn truyền lại cho đến ngày nay, mặc dầu đã có những hệ-thống tư-tưởng và tôn-giáo bao trùm lên trên.

Trước hết, là giữa Cõi Trên của Ông Trời và Cõi Dưới của Người, có một sự liên lạc. Sự liên lạc ấy được tin là có thực, ở thời nguyên-thủy, qua những tin-tưởng về Trụ Trời, mà truyền-thống đặt ở Sơn-Tây, hoặc chính-xác hơn nữa, ở núi Ba-Vì. Theo huyền thoại thì Trụ Trời là cây Chu đồng hay cây Chiên-đàn như trong câu ca dao mà người ta nói lệch đi :

*Cây Chu-dồng không trồng mà mọc
Rễ Chu-dồng rễ dọc rễ ngang.*

Nguồn-gốc tự-nhiên-sinh của cây Chu-dồng là biểu-hiệu của tín-cách thiêng-liêng của nó. Cây Chu-dồng cũng như những Cây của sự sống khác, mà gốc-nguồn là ở Lưỡng-Hà-Địa và ở lưu-vực sông Indus (Mohenjo-Daro), và

hình-ảnh là cây đa (*ficus religiosa*), cây đề (*acacia* - tiếng sanskrit : khadirā). Nhưng theo thần-thoại cây Chu-dồng đã bị chặt, và từ đó, sự liên lạc giữa Trời và Đất không thường-xuyên nữa.

Sự linh-thiên trong thời ấy còn giữ tính-cách của một sự sợ-hãi kinh-hoàng và quấy-rũ. Cõi Trên vẫn còn hiển-hiện, sau khi liên-lạc bị đứt; và vẫn có những người có cái năng-lực lạ-lùng, hiểu được những dấu hiệu của Ông Trời, và dựng lại được sự liên-lạc cần-thiết giữa hai Cõi. Đó là ý-nghĩa của cái việc mà Chử-dồng-tử đã làm : trên một bãi tự-nhiên, Chử-dồng-tử cắm cây gậy thần xuống, và trong một đêm bỗng hiện ra nhà cửa, thành quách. Gậy thần là tượng-trưng cho trụ trời, mà qui định một vùng đất thiêng quanh đó người ta có thể xây dựng được một cuộc sống.

Khu vực linh-thiên và khu-vực của sự sống được phân định rõ ràng: cái uế-tạp và cái thiêng-liêng không bao giờ lẫn-lộn. Nhưng trong cái óc thực-tế của con người Việt-nam, việc thờ phụng và việc sinh-hoạt là hai việc phải được cách biệt, không phải vì sợ-sệt mà vì một qui-trước. Về sau này, cõi nhân-sinh được tổ-chức thành những làng, và trong làng vẫn có một khu-vực linh-thiên là cái đình làng. Trẻ con thường hát :

*Ông Ninh Ông Ninh
Ông ra đầu đình
Ông gặp Ông Nang
Ông Nang Ông Nang*

Ông ra đầu làng

Ông gặp Ông Ninh

Câu hát này là cái qui-tắc để định rõ khu-vực linh-thiên và khu-vực của sự sinh-hoạt, tiêu-biểu bởi một Ông gọi là Ông Linh và một Ông gọi là Ông Lang, tức là Ông thầy thuốc chữa bệnh bằng sự hiểu biết và kinh-nghiệm của mình. Khu-vực của Ông Linh là cái đình ; ra tới đầu đình thì là khu-vực của Ông Lang. Nhưng Ông Lang cũng chỉ được hoạt-động ở trong làng ; tới đầu làng, thì lại là đất linh. Để tránh né sự đụng chạm, người ta đã cố ý nói ngọng đi, nhưng rồi, từ thế-hệ này qua thế-hệ khác, nói ngọng đã quen, người ta quên mất cái ý-nghĩa ẩn trong những câu hát ấy. Ông Trời ở trên, tuy không còn liên-lạc thường xuyên với người ở dưới đất nữa, nhưng vẫn có những sự hiển linh. Uy-quyền của Trời hiển hiện bởi Ông Sấm Bà Sét, và bởi Ông Hùm. Ông Voi hay Cá Ông Voi tùy từng nơi. Một đôi khi, Ông Trời còn rủ lòng thương đến nỗi phái cả chính con mình xuống để bảo cho loài người biết rằng phải sống trong sự tôn-kính. Trong tín-ngưỡng của người Việt, các vị này là các Đức Ông và Đức Mẫu, mỗi người coi một khu-vực : Đức Ông Thượng Ngàn ở miền rừng núi, Đức Mẫu Thoải (Thủy) ở miền suối. Ở những thế hệ sau, lại còn những Ông Hoàng và Bà Chúa. Các vị này chắc chắn là chưa có trong thời Lạc Việt, vì tên các vị đều dùng chữ Hán, nhưng cái tin tưởng về sự thiên-khai chắc rằng đã có.

Huyền-thoại nói rằng khi khai thiên

lập địa, có một giống người khổng lồ, tiêu biểu bởi Ông Đùng Bà Đà. Mặc dầu có thuyết cho rằng Ông Đùng Bà Đà là những người thuộc thời lịch-sử, nhưng tôi nghĩ rằng đó là những hình bóng còn sót lại của Ông Bà Khổng-lồ mà ca-dao có tả lại, một cách quá thô-tục và châm biếm để tôi có thể nhắc lại ở đây. Ông Đùng Bà Đà là người Khổng-lồ, Ông Đùng Bà Đà là anh em, Ông Đùng Bà Đà lấy nhau : đó là những nét chính của huyền-thoại Khổng lồ.

Những huyền-thoại khai thiên lập địa chỉ còn tồn tại lại từng mảnh nhỏ. Những chuyện cổ-tích về sự sáng tạo các loài chim muông và về định-mệnh của con người (" người già người trẻ vô sảng") thuộc về lớp này. Ngày nay chúng ta không biết gì hơn nữa.

Sau đó là những huyền-thoại xoay chung quanh Lạc-Long Quân. Lạc-Long-Quân dĩ nhiên là một cái tên mà người ta đặt ra sau này ; tên thực trong huyền-thoại có lẽ không xa cái tên Lang-Đa-Cần, là người mở nước của dân Mường, bao nhiêu. Những vĩ-tích của Lạc-Long-Quân chinh phục cô gái nước Âu (Âu-Cơ), chiến-thắng con tinh Cá và con tinh Cáo, phải được kéo dài sang đến vĩ-tích của Phù-Đổng Thiên-Vương vì Phù-Đổng chính là hậu-thân của Lạc-Long-Quân. Các vĩ-tích này làm thành một vòng thần thoại nói về sự khai sơn phá thạch xây dựng nên một cõi sống, và tạo lập ra trăm sắc người. Chuyện một trăm trứng nở ra một trăm con, từ một cái bọc hay từ một trái bầu, được rải-rắc ở nhiều dân-tộc từ vùng chân núi Hy-mã-lạp tại Miến-Điện sang tới

bờ Thái-Bình dương ở Việt-Nam. Tôi đọc thấy chuyện ấy trong anh hùng ca Ramayana của Ấn-Độ, cũng như trong những truyền-thuyết của người Kha (Lèo), người Mường..., và tất nhiên, đó là một chứng cứ của tính cách rất cổ, nếu không phải là nguyên-thủy, của huyền-thoại.

Sau vòng Lạc-Long-Quân là vòng Hùng-Vương hay Hồng-Bàng. Huyền thoại Hùng Vương là những huyền thoại về sự thành lập nền văn-hóa Lạc Việt. Chuyện Trầu cau, chuyện Bánh chưng-Bánh dầy thuộc về vòng này.

Đối với người dân Lạc-Việt cổ xưa các huyền-thoại đều là huyền-thoại sống. Huyền thoại thực hơn cả thực tại, vì huyền thoại là sự thực tuyệt-đối. Ngay đến ngày nay, các người dân Phú Lạng-thương còn chỉ được đâu là vết chân ngựa của Đức Thánh Gióng (Phù Đồng Thiên-Vương), đâu là chỗ lửa ở hàm ngựa phun ra đã thiêu rụi, đâu là rặng tre đã được Ngài nhổ để đánh quân cướp nước, đâu là chỗ Ngài bỏ áo lại để bay lên Trời.

Trong khoảng thời gian tiền sử nối tiếp với lịch sử, còn có một bằng chứng về sự tin tưởng ở huyền thoại. Hùng-Vương thứ 18 đã từ chối không gả con gái cho Thục-Phán, người lãnh-tụ của Tây-Âu. Nếu ta nhớ lại rằng ở nguyên-thủy, Lạc-Long-Quân đã lấy Âu-Cơ, và sau đó Âu-Cơ đã đem 50 người con trở về miền sơn cước là đất Âu, thì sự từ chối của Hùng Vương là một việc có nghĩa-lý trong dân-tộc học : Sự lấy nhau giữa dân Lạc và dân Âu là một sự cầm kị vì tục ngoại hôn của các dân-tộc sơ khai. Đó có thể

là một lý do của sự từ chối nói trên.

Người Lạc-Việt lại tin rằng người sống có hồn và vía nhập trong một cái xác. Hồn và vía kết với cái tên riêng của mỗi người. Một đôi khi hồn lìa khỏi xác nhưng còn có thể gọi về được. Đó là một tin tưởng mà ta có chung với dân Thái. Khi chết thực, thì hồn về Cõi của những người đã chết, và điều này là một tin-tưởng có lẽ cổ-sơ hơn là thời-kỳ bắt đầu có sự tiếp xúc với người Thái. Do sự tin tưởng này có tục thờ Tồ và cúng Ông Bà. Tồ tức là Lạc Long Quân, mà ngày xưa người ta gọi là Bố. Huyền thoại nói rằng khi nào dân khổ quá thì lại ngửa cổ lên trời mà kêu : Bố ơi, Bố đi đâu ; Lạc-Long-Quân sẽ lại hiện về mà cứu dân ra khỏi sự lầm than.

Tục thờ những người đã chết trong gia-đình là một tục có từ trước khi người Trung-Hoa sang đô hộ. Những di-tích tiền sử ở Trung-Hoa chứng-minh rằng đời Thương còn chưa có tục ấy. Về miền Nam, có tục đề tang cha mẹ và làm nhà cạnh mộ để trông nom phần mộ. Tục có những tượng-hình đề thờ cũng là một phong tục của miền Nam, sau này mới đổi thành sự thờ những bài vị.

Văn-hóa Đông-Sơn

Văn hóa tân-thạch của dân Lạc cũng như dân Âu đã chuyển biến dần dần sang thời-đại đồ đồng. Những trao đổi với văn-hóa Trung-Hoa đời Chu có lẽ cũng đã có. Hơn nữa, lại có nhiều lý do để khẳng nhận rằng có cả ảnh hưởng của miền Tây Châu-Á, trong sự bột khởi của văn-hóa Lạc-Việt. Trong tiền-sử-học, thời-đại này được

gọi là văn-hóa Đông-Sơn, và được coi là bắt đầu vào khoảng thế-kỷ thứ 7 thứ 8 trước Công-Nguyên, nhưng có lẽ đã sớm hơn nữa. Vật tiêu biểu nhất của văn-hóa Đông-Sơn là trống đồng. Sau đó thì những khí giới bằng đồng cũng xuất hiện, quan trọng nhất là cái nỏ có lẫy đồng của thời Âu-Lạc.

Thực sự ra, văn-hóa Đông-Sơn rộng hơn khu vực Âu-Lạc rất nhiều. Phía Bắc từ Vân-Nam trở xuống, phía Nam từ những Quần đảo Nam-Dương trở lên là khu vực của nền văn-hóa này. Đông-Sơn ở Thanh-Hóa không những là nơi mà mùa gặt tiền-sử đã phong phú nhất, lại còn là trung-tâm đại-lý của cả cái khu vực ấy. Hơn thế nữa, theo Heine-Geldern, miền Nam Mỹ-châu cũng có một thời-đại đồ đồng, mang những dấu vết của kỹ thuật Đông-Sơn ; nhà cổ-học này lại nêu thêm những bằng chứng về kiến trúc và triết ngữ để cho rằng những người thuộc văn-hóa Đông-Sơn đã dùng thuyền vượt qua Thái-Bình-Dương mà lập nên những văn-hóa Châu Mỹ, như Maya và Inca. Điều đáng chú ý là trên đất Việt-nam, văn-minh Đông-Sơn đã bắt nguồn ở văn-minh tân-thạch, và là một văn-hóa thổ-dân. Nước Âu-Lạc chỉ là một phần nhỏ của khối văn-hóa Đông-Sơn. Sự xâm lăng của nhà Tần và nhà Hán đã cắt rời nước ấy ra khỏi cái khối lớn. Việc đồng-hóa dân Lạc-Việt với dân Hoa là mục-tiêu của chính-sách thực dân của nhà Hán. Sau khi Mã Viện tận diệt những cừ-soái của hai Bà Trưng và tiêu-hủy tất cả nền văn-

hóa Đông-Sơn, thu tất cả những trống đồng mà đúc thành cái cột, sử gọi là cột đồng Mã-Viện, và con ngựa đồng đem về dâng Hán-Quang-Vũ, thì dòng lịch-sử của dân Lạc-Việt tưởng như đã chấm dứt. Không ai có thể ngờ được rằng qua cả ngàn năm Bắc thuộc vẫn còn những người con cháu của Vua Lạc-Long, chịu nhằn nhục để sống sót mà giữ lấy cái truyền-thống bất-diệt của dân-tộc.

Giữ truyền-thống không phải là lờn-cổ và bảo-thủ. Những gì còn lại của người Lạc-Việt cho đến ngày nay, trước hết là những sản-phẩm của kỹ-thuật : những sản-phẩm ấy chứng minh rằng ngay trong đời Hồng-Bàng đã có sự tiến-bộ, và sự tiến-bộ ấy đã cho phép người xưa khắc-phục được thiên-nhiên xây dựng được đời sống, tạo-lập được một nền văn-hóa đặc thù, và bảo-vệ được nền văn-hóa dân-tộc ấy trong một thời-gian. Nước Lạc đã bị Trung-Hoa chinh-phục sáu đời ; trong truyền-thuyết thì sự chinh phục này là kết-quả của một sự bội ước. Về phương-diện kỹ-thuật, mặc dầu Trung-Hoa đã bước sang thời-đại đồ sắt, nhưng hai đạo quân của Tần-Thủy-Hoàng vẫn bị cầm chân bởi cây nỏ có lẫy, phát-minh kỹ-thuật của dân Âu-Lạc và bởi chiến-pháp du-kích. Sự khám phá thấy hơn một vạn mũi tên đồng ở chân thành Cồ-Loa trong một thời gần đây nhắc lại với chúng ta rằng sự tiến-bộ kỹ-thuật chính là cái đảm-bảo chắc-chắn nhất cho sự phát-triển của dân-tộc và sự bảo-vệ văn-hóa.

Cái truyền-thống từ đời Hồng-Bàng còn nói rằng, nếu dân Âu và

dân Lạc quên hết rằng họ cùng chung một gốc, và nếu xảy ra một cuộc chiến-tranh tương-tàn giữa những anh em cùng một bọc, thì cái họa mất nước sẽ không thể tránh được. An-Dương-Vương đã thắng được Vua Hùng mà lập nên nước Âu-Lạc, nhưng những đạo quân của Tần Thủy Hoàng đã đóng sẵn ở gần biên giới, đề chờ kẻ nội-ứng làm xong việc phá hoại là tràn sang mà chiếm đoạt nước ta.

Chúng ta, cùng với một vài dân tộc khác trên thế giới, đã có thể tự hào về một dòng lịch sử rất lâu dài.

Sự nhắc nhở đến các Vua Hùng, mà chúng ta gọi là Quốc Tổ, sẽ chỉ là một việc làm gàn dở nếu dòng lịch sử hơn bốn ngàn năm nay, với những phút oai hùng và những ngày đau khổ, không kết hợp nổi những người dân của nước Việt Nam ngày nay thành được một dân-tộc đồng nhất và bất khả phân. Nhưng nếu tình dân tộc chưa mất, thì việc làm của chúng ta ngày hôm nay sẽ thực là một cử chỉ về nguồn, báo hiệu cho một sự phục sinh của nước Việt Nam.

TRẦN-NGỌC-NINH

(Mùa 10 tháng Ba, Tân Hợi)

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài nói chuyện : « Xã-hội và văn-hóa thái-cổ Việt-nam » của G. s. Trần-Ngọc-Ninh đăng trên Bách-Khoa số trước — số 343 ngày 15-4-71 — có những chữ in sai sau đây, mong quý bạn đọc vui lòng sửa lại giùm cho :

— Trang 9, cột 2, hàng 9 (từ dưới lên) và trang 13, cột 2, hàng 3 đã in chữ « Lò » : chính ra trên chữ « o » có gạch ngang chứ không phải có dấu huyền.

— Trang 9, cột 2, hàng 3, đã in : « hậu biện » xin sửa là : « hậu biên ».

cột 2, hàng 4 (từ dưới lên), đã in : « Tân Hán », xin sửa là : « Tần Hán ».

— Trang 11, cột 1, hàng 1, đã in : « Iava », xin sửa là : « Java »

— Trang 12, cột 1, hàng 4 (từ dưới lên) đã in : « thần xác » xin sửa là « thân xác ».

cột 2, hàng 3, đã in : « Phồ-bình-gia » xin sửa là : « Phổ Bình-gia ».

cột 2, hàng 10 (dưới lên), đã in : « ở Đa-Bút ở Thanh-Hóa », xin sửa là « ở Đa-Bút ở Thanh Hóa, là một trạm... »

— Trang 14, cột 1, hàng 6 đã in : « nôi cái niêu » xin sửa là : « nôi cái niêu ».

cột 1, hàng 18 đã in : « tăng thưởng » xin sửa là : « tăng trưởng »

Tòa soạn Bách-Khoa xin trân trọng cáo lỗi cùng G. s. Trần Ngọc Ninh và quý bạn đọc.



THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

*Nhân cuộc tổng tuyển-cử
tháng 3-1971 tại Ấn-độ :*

Một vài nhận-xét và kỷ-niệm về ẤN-ĐỘ

(tiếp theo BK số 343)

Vì được Ấn-Cộng thân Nga-sô ủng-hộ, nên Indira Gandhi bị các phần-tử quá-khích thân Trung-Cộng (Naxalite) quấy phá đến cùng. Không nản chí, bà phản ứng từ-tồn và thích-đáng : phần còn lại, bà phó cho quốc-dân phán xét. Kết-quả là có nhiều người chán nản đã chống đối thái-độ hung-hãn của nhóm Naxalite khát máu. Dẫn chứng là tại nhiều đơn-vị tuyển cử, mặc dầu nhóm Naxalite hăm dọa, gây hấn và hô hào tẩy chay, mà vẫn có nhiều người đi bỏ phiếu.

Trong năm 1970 tại New Delhi, nhiều cuộc biểu tình đã được diễn ra. Có khi qui tụ cả 5.000 người tham dự. Tại một công viên nhỏ cách tư-thất Thủ-tướng không hơn trăm thước, đôi khi du khách đã quá quen nên không còn ngạc nhiên trước khung cảnh một túp liều vải, với các biểu ngữ chống-đối : xung quanh các bàn ghế phía trước lều là một hai chục người bắt măn, đi đi lại lại, đọc khuyến-cáo, hoặc ngồi thản-nhiên, tỏ-lộ nổi bất-bình bằng im-lặng...

Một dân-biểu đối-lập chỉ trích : Indira Gandhi sở dĩ làm Thủ-tướng chỉ vì được thừa kế uy-tín của thân-phụ và trùng danh với Thánh Gandhi. Chớ thực ra chẳng có khả năng hay tài cán gì đáng kể ! ...

Không hiểu nội-dung đề tài hư thực

đến mức nào, nhưng một số chánh khách và ký-giả Ấn-độ đã cho biết (hay ước-đoán) về tâm-trạng của Thủ-tướng Indira Gandhi..

Phải cho rằng các vị dân-cử đương nhiệm không còn nói lên những quan-niệm chính-đáng và diễn đạt những nguyện-vọng trung thực của quốc-dân. Có nhiều vị đã nghĩ đến mình hơn đến nước, nói nhiều hơn làm, mị dân vô thưởng phạt hơn là hình-dung những kế-hoạch thực-tế và cụ thể, khả-diều-dắt đồng-bào tới một cuộc sống, nếu chưa tươi sáng thì ít ra cũng đỡ được phần nào sầu tủi... Ngay cả đến một số chánh-khách hữu-trách cũng không đứng trên hay ngoài cái tâm trạng gay go giông tố đó. Quốc-hội và chánh giới (cũng may mà chưa phải là tất cả) đã như vậy ; trong khi hiến-pháp gò bó khiến hệ đề cập tới cải tiến, canh tân, là tức khắc gặp phải các trở ngại không thể vượt qua. Chỉ còn cách tuyển-cử trước hạn định : những mỹ-ý chỉ có hy vọng trở nên hữu hiệu, nếu chánh phủ được một đa số rộng rãi và chắc-chắn hậu-thuần. Indira Gandhi cương quyết tiến bước. Bà tin tưởng ở sáng-suốt căn-bản cũng như lương-tri đơn-giản của quốc-dân, miễn là quốc-dân được tận-tình chỉ vẽ về điều hơn lẽ thiệt..

Đối với những ai đi sát và hiểu biết,

cá-nhân và cá-tính Indira Gandhi đã được đồng-hóa với những tư-tưởng cấp-tiến về kinh-tế và xã hội. Ngoài ra, một số thực hiện tuy chưa sâu rộng có tánh-cách xã-hội từ 18 tháng qua, đã mang lại cho bà nhiều tin-tưởng và u y tín.

Có người ngờ ý : «Nếu như tuyển-cử thất bại? Thật là con dao hai lưỡi!..» Và bà đã trả lời : «Như vậy còn hơn là ngồi chỗ mà không làm được việc... Và chẳng biết đâu, trái cây đã chín, công-cuộc sẽ thành.. Nếu cần và có thể, sẽ tu-chính hiến-pháp.. »

Khoảng đệ-tam cá-nguyệt năm 1970. Thủ-tướng Indira Gandhi chủ-trương chấm dứt «qui-chế tiểu-vương» nhất là về vấn-đề quỹ riêng của các vị đó (marahadja)

Hiện nay, tổng-số «tiểu-vương» tại Ấn-độ là 282 vị. Trong số này, có 10 vị tạm kêu là «đại tiểu-vương», có vị lãnh-quỹ riêng hàng tháng tới 20.000 Mỹ kim, (nghĩa là nhiều hơn cả đa số các vị quốc-trưởng truyền-kế hay dân-cử). Số tiền tính theo mĩ-lực tại Việt-nam, ước khoảng trên dưới 7 triệu đồng một tháng! Còn các vị khác (98 %), có thể tạm kêu là «trung» hay «tiểu tiểu-vương»: Có vị «tiểu tiểu-vương» quỹ hàng tháng không quá 100 Mỹ-kim. Tuy-nhiên, tổng số quỹ riêng đồng-niên của toàn-thể các «tiểu-vương» cũng lên tới 50 triệu Rupees, nghĩa là gần 7 triệu Mỹ-kim.

Chúng ta hãy tạm đi ngược thời-gian, trước khi trở về hiện-tại.

Năm 1947, nhằm mục-đích thực-hiện độc-lập, lại muốn vượt các trở-ngại, tránh các xáo-trộn, các nhà hữu-trách khi đó đã tha-thiết kêu gọi thiện-chí và thông-cảm của các «tiểu-vương», đồng-thời cam-kết là quyền-lợi của các vị đó được bảo-vệ đến mức thích-đáng.

Mỗi thế-hệ qua đi, quyền-lợi sẽ giảm-thiểu theo tỷ-lệ thời gian, nhưng trong hiện-tại (khi đó), thì vẫn được duy-trì. Có người «đa-nghi, xấu miệng», cho đó chỉ là một điệu kẻ hoãn-bình, để chờ đợi thời-cơ thuận-tiện... Nhưng dù sao, biện pháp cũng được các tiểu-vương chấp thuận.

Điều khoản được ghi trong hiến-pháp; và Tổng-thống có quyền cứu xét mỗi khi có sự đổi-thay: một vị tiểu-vương có hợp-cách để mang danh-vị đó hay không?

Đề-nghị của Thủ-tướng Indira Gandhi được đưa ra Quốc-hội mổ xẻ. Hạ-viện chia-rẽ, chống-đối với một đa số tương-đối, sai biệt rất mong manh. Thượng viện tán thành với 1 phiếu hơn số phiếu chống đối: một nghị-sĩ đã tuyên bố sẽ chống đối nhưng chẳng may giờ chót bị đau, nên không đến họp! (1)

Nói tóm lại: vấn đề mung lung; lập trường chia sẻ, số phiếu phản-đối và tán-thành sai biệt sát nút. Chống đối Thủ-tướng Gandhi (nghĩa là chủ trương duy trì đặc-quyền của các vị tiểu-vương), rất có thể chỉ vì cá-nhân Thủ-tướng, hoặc vì quyền lợi riêng của chính mình hay của họ hàng thân thuộc. Ngược lại, ủng-hộ Thủ-tướng Gandhi (nghĩa là chủ trương chấm dứt qui-chế tiểu-vương), thì nội-dung có hợp tình. Nhưng về phương-diện pháp-lý: lập-luận làm sao đứng vững? Vấn-đề phức-tạp, liên-quan đến đủ các yếu-tố: cảm-tình, quyền-lợi và lý-luận khách-quan. Nội-dung thì trong thâm tâm, không một ai phủ-nhận

(1). — Tác giả thất lạc tài liệu về điểm này, nên không có các con số chính-xác. Tuy nhiên diễn-tiến đại cương của sự-kiện là như vậy.

tánh cách bất công và thất nhân tâm của qui chế tiểu vương, trong bối cảnh quốc-gia dân-tộc. Nhưng về hình-thức như vậy lại phản-bội tinh thần pháp lý, vì vi-phạm cam-kết đã long-trọng ghi trong hiến-pháp năm 1947, là bản «khế ước» đầu tiên của Ấn-độ độc-lập.

Nhưng Indira Gandhi cương quyết và kiên nhẫn. Bà giải thích và yêu cầu Tổng-thống Giri áp dụng điều-khoản ghi trong hiến-pháp, một cách rất tổng-quát : không phải riêng-rẽ từng trường-hợp đặc biệt khi có một vị tiểu-vương mãn phần mở cửa cho một vị tiểu-vương kế-vị, mà trái lại, Tổng-thống có quyền, trong một bản văn, phủ-nhận qui-chế tiểu-vương của từng vị rồi nhân lên hay cộng lại. Thành-thủ chỉ trong một ngày và vì một chữ ký, mà toàn-thể các tiểu-vương có thể bị tước hết lợi quyền và danh-vị.

Làm theo ý của Thủ-tướng Gandhi đề-nghị, Tổng-thống Giri ký bản-văn chấm dứt qui-chế tiểu-vương, mà bản sao được gửi tới từng vị để tri, hành...

Thật là một vụ thay bậc đổi ngôi «tàn nhẫn», nếu chúng ta biết qui-chế tiểu-vương gồm những quyền-lợi tinh thần cũng như vật-chất, mệnh mệnh như biển cả.

Tiểu-vương được hưởng ưu-tiên hay dễ-dãi về các vấn-đề di-chuyển, xuất-ngoại, chuyển-ngân, mắc điện-thoại... Tiểu-vương được hưởng các đặc-quyền đặc-miễn, trong số có các vấn-đề tài-phán, hiệu kỳ, thuế-khóa và nhập-nội ngoại-hóa... Nói tóm lại, về một vài phương-diện tiểu-vương không kém các vị lãnh-đạo hành-pháp ; về một vài phương-diện khác, có thể đồng hóa với

một trưởng nhiệm-sở ngoại-giao, mà lại sống ngay ở nước mình ! Tiểu-vương là vậy, mà tiểu-vương còn hơn vậy nữa ; tuy đầu chưa đụng trời, nhưng chân không còn chạm đất... Vì ai cũng phải làm việc mới có tiền : chỉ riêng tiểu-vương không cần làm việc mà vẫn lãnh tiền, mà lãnh nhiều tiền là khác ! ...

Một luật-gia Ấn-độ tâm-sự với tác-giả những trang này. Ông cho rằng về phương-diện pháp-lý, Indira Gandhi đã sơ-hở trầm-trọng khi hành động như vậy. Vấn-đề qui chế tiểu-vương trừ chính các đương-sự và gia-quyển, còn thì trong dân-chúng không có lấy một người tán-thành. Vậy tại sao không sửa-soạn dư-luận, và áp-dụng những biện-pháp hợp-hiến ? Như vậy chắc hơn, mà không ai có thể viện lẽ gì phản-đối. Vả chăng, để tự nó, chừng một vài chục năm nữa, qui-chế tiểu-vương cũng sẽ trôi dần vào dĩ-vãng..., sau khi chịu đựng nhiều nấc giảm thiểu như đã qui-định... Nếu vấn-đề được đưa ra Tối-cao pháp viện thụ-lý, Indira Gandhi dĩ-nhiên sẽ bị thua. Lập-trường của các tiểu-vương không được ủng-hộ trong thâm-tâm người dân Ấn, nhưng lại được bênh-vực về mặt hình-thức pháp-lý. Vì nếu Tối-cao pháp-viện, chấp nhận đề-nghị của Thủ-tướng Indira Gandhi, sự-kiện sẽ gây nên tiền-lệ đáng tiếc và nguy-hiểm : chẳng lẽ từ nay, cánh cửa sẽ phải mở rộng để tiếp-đón mọi hành-vi lạm-quyền phản-hiến sao ? Nhân-tiền là một vụ hợp-tình, nhưng không hợp-lý. Trong tương-lai, biết đâu chẳng có những vụ không hợp lý mà cũng chẳng hợp tình ? ... Tôi tin rằng các vị trong Tối-cao pháp-viện sẽ tận-dụng khả-

năng để nêu cao uy-tín và bảo-vệ tánh-cách độc-lập của ngành thẩm-phán...

Quả như rằng, được các giới kinh tài ủng-hộ và khuyến-kích, các tiểu-vương đoàn-kết đã đưa nội-vụ ra Tối-cao pháp-viện xét-xử. Và như luật-gia trên đây tiên-đoán : Indira Gandhi đã bị thua.

Ai cũng cho rằng, Indira Gandhi, thế là tiêu-tan sự-nghiệp. Nhưng bà vẫn thân-nhiên, tin-tưởng vững-chắc để dần-dần chuyển hướng. Bà lại lại thế cò một cách tế-nhị và bản lãnh, đến nỗi có người phải nghĩ rằng : *chiến-lược* của bà là chủ-trương một «chánh-sách tiến-bộ về kinh-tế và xã-hội», mà vụ «chăm dứt qui-chế tiểu-vương» chỉ là một màn tấn-công nhất thời và hữu-ý, vì *chiến-thuật*...

Bà dẫn-chứng với dư-luận những thiện-chí và mỹ-ý của bà : những thiện-chí và mỹ-ý không thể thực-hiện chỉ vì những chướng-ngại mà ai nấy đều thấy rõ. Bà tin-tưởng quốc-dân sớm muộn sẽ đặt tin-tưởng vào bà. Và bà áp-dụng kế-hoạch tiếp-xúc thẳng với dân-chúng. Bà tổ-chức tổng-tuyển-cử trước hạn-định, để coi xem các cử-tri sẽ tin ở bà (và các bạn đồng chí-hướng) hơn : hay ở đa-số các vị đại-biểu đã được bầu nên (mà bà cho là không còn nói cùng một thứ tiếng với đa số quốc-dân trầm-lặng) ! (1)

Cuộc tổng tuyển-cử trước hạn-định được tổ-chức từ 1 đến 10 tháng 3 năm 1971, như đã ghi trên đây. Trước đó và trong thời-gian 30 ngày, bà đã đích-thân di-chuyển, hoạt-động, để trình-bày giải-thích thêm về chánh-kiến và quan-niệm. Các bạn đồng chí-hướng với bà và chính bà, đã trực-tiếp đối-thoại với

người dân thuần-lương, chất phác một cách rất huynh-đệ (2) thân-tình. Với một chương-trình thật «mơ-hồ», chỉ biết lấy mỹ-ý quá khứ làm dẫn-chứng, và thiện-chí tương-lai làm bảo-đảm. Chương-trình có thể gọi là «rất-vu-vơ», chú-trọng đến công-cuộc «giải-phóng người dân khỏi tình-trạng nghèo-nàn nó là nguyên-nhân của mọi niềm thống-khổ», mà không hề chú-giải bằng những phương-cách cụ-thể nào !.. Nhưng trong thực-tế, các quan-sát viên đã nhận thấy đó chính lại là những ưu-điểm của lá bài Gandhi. Chỉ có một điều mà Indira Gandhi và các bạn đồng chí-hướng tuyên-bố rất khẳng-định và minh-bạch, là : nếu Indira Gandhi còn ở lại chánh-quyền, các tiểu điền-chủ có thể yên chí là ruộng đất sẽ không bị truất-hữu. Ngoài ra, không có một điều gì cam-kết quá rõ-rệt, khiến sau này có thể mang tiếng là thất hện, một khi không thực-hiện... (mặc dù là vì tình-thế không thuận-tiện).

Vận-động tuyển-cử, bà Indira Gandhi đặt quân cò chánh vào trong lòng giới cần-lao, nông-nghiệp. Nói tóm lại, bà nhằm *đối-tượng giải-phóng các người nông-dân nghèo-khổ*, mà đồng-thời vẫn giữ được *cảm-tình của các giới trung lưu hữu-sản*. Bà bộc lộ tâm-tình, và a nấy như rung-động trước tấm lòng bà

(1) — *Phương-pháp như Tướng De Gaulle, muốn trực-tiếp đối-thoại với quốc-dân khi xét vấn-đề quan-trọng.*

(2). — *Tại Ấn-độ cũng như ngoại-quốc dư-luận quen coi bà là nữ-giới. Một ký-giả ngoại-quốc bình-phâm : Indira Gandhi là một «nam chánh-khách» hiếm có tại Ấn-độ. (Indira Gandhi est un des rares hommes d'Etat en Inde...)*

chân-thực.

Muốn cuộc tổng tuyển cử được công-bình, Tối-cao pháp-viện đã quyết-định cả Cựu lẫn Tân Quốc-đại đều không được sử-dụng biểu-hiệu «hai con bò kéo cày» trước đây của Đảng khi còn thống-nhất. Tân Quốc đại (của bà Indira Gandhi) đã phải dùng biểu-hiệu mới : «bò mẹ với bò con». Còn Cựu Quốc-đại (chống-đối Indira Gandhi) dùng biểu-hiệu mới : «thiếu-nữ ngồi quay guồng sợi».

Có người cho rằng sự đổi-thay biểu-hiệu đã khiến một số cử tri bỡ-ngỡ, và làm đảng của bà Gandhi thiệt đi mất bao nhiêu triệu-phieu.

Mặc-dầu vậy, bà vẫn thắng-cử vẻ-vang. Chúng ta hãy so-sánh thành-phần Hạ-viện vừa bị giải-tán, với số các dân-biểu của từng chánh đảng vừa trưng-cử :

trước / sau

Nouveau Congrès (Tân Quốc-đại, đảng của bà Gandhi	222	350
X Ancien Congrès, (Cựu Quốc-đại, chống-đối bà Gandhi	63	16
X Jan Sangh	33	22
X Swatantra	35	8
S.S.P. (xã-hội)	17	3
Parti Communiste (Marxiste). (1).	19	25
Parti Communiste (thân Nga-sô)	23	23
Parti Tamoul (DMK)	25	23
P.S.P. (xã-hội)	13	2
Linh-tinh	98	42

Kết-quả trên đây chỉ là tạm-thời, chưa đầy-đủ, được công-bố ngày 14-2

1971. (Vì chưa có kết-quả cho 9 ghế còn thiếu : 3 chưa bầu xong, 3 sẽ chỉ-định, hai đại-diện đoàn-thể Anh / Ấn, và một đại-diện miền gần biên-thùy thuộc phần đất Trung-Cộng còn yêu-sách). Tuy-nhiên, chúng ta nhận thấy trong Hạ-viện có 521 ghế mà bà Indira Gandhi đã có tới 350 phiếu ủng-hộ. Một tỷ-lệ cao như chưa từng thấy, kể từ khi cố Thủ-tướng Jawaharlal Nehru từ-giã cõi đời và chánh-giới Ấn, năm 1964.

Ngoại-trừ Ấn cộng (Marxiste) (không chịu lệnh Mạc-Tur-Khoa mà cũng chẳng thần-phục Bắc-Kinh) được tăng điểm từ 19 tới 25, Ấn-cộng thân Nga giữ nguyên số cũ 23 điểm, còn thì chánh-đảng nào cũng thảm-bại không ngờ. Ba đảng liên-kết mật-thiết và cương-quyết chống Indira Gandhi (có đánh dấu X trên danh-sách), trước đây có $(63 + 33 + 35 =) 131$ phiếu, thì nay chỉ còn $(16 + 22 + 8 =) 46$ phiếu. Đảng Tân Quốc đại của bà Gandhi, mặc-dầu với kết-quả tạm thời, mà đã ghi được thành tích 350 phiếu, nghĩa là quá $2/3$ số phiếu trong Hạ-viện.

Như vậy có nghĩa là, trong những ngày tới, không những Indira Gandhi có hơn đa số tuyệt-đối để thẳng tay thực-hiện các chương-trình táo-bạo ; mà hơn thế, nếu cần đến, với số phiếu quá $2/3$, hiến-pháp hiện-hành còn cho phép bà tu-chính cả hiến-pháp, cho phù-hợp với chánh-sách. Sự-thể khiến một ngày gần đây, Tối-cao Pháp-viện không còn ngăn-cản được bà chấm dứt qui-chế các tiểu-vương...

(1) Không thân Nga mà cũng chẳng thân Trung-Cộng.

Bà Indira Gandhi đã thành-công ở lãnh-vực mà cố Thủ-tướng Jawaharlal Nehru là thân-phụ, trước đây đã thất-bại ; hay ít ra cũng chưa được thành-công. Và trong những năm tới, chúng ta sẽ thấy Ấn-độ vũng-vàng tiến bước, thay đổi chánh-sách đối-nội cũng như chiều-hướng đối-ngoại. Đối-nội sẽ có những công-cuộc táo-bạo, cải-tiến canh-tân về xã-hội, với những kế-hoạch trong thời-gian vừa qua đã bị hoàn-cảnh bóp chết từ khi còn trứng nước. Đối-ngoại sẽ có những hoạt-động thăng-bằng và hợp lý, xứng-đáng với một quốc-gia rộng và đông (1/7 diện-tích hoàn-cầu, 1/6 dân-số thế-giới).

Trách-nhiệm của Thủ-tướng Indira Gandhi thật nặng-nề. Nhất là nước vốn dĩ đã đông như vậy, mà sinh-xuất trừ đi tử-xuất, dân-số Ấn-độ hàng năm gia-tăng lối 18 triệu người. Nghĩa là mỗi năm, chánh-phủ Ấn-độ phải làm sao giết gấu vá vai, để nuôi thêm cho ổn. đáng, một số người ngang với dân-số nước Việt-Nam của chúng ta... Chỉ riêng con số đó, cộng với các chi-tiết đã ghi ở đoạn đầu bài này, cũng đủ cho chúng ta nhận-chân thấy vấn-đề bao-là và phức-tạp tới mức nào...

oOo

Nhưng dù sao, thì một phần nào, Indira Gandhi đã thành-công, và sẽ thành-công. Có khác (và hơn) Jawaharlal Nehru là ở chỗ :

Jawaharlal Nehru còn cần đến thời-thể để tạo anh-hùng, (nhờ ở công-cuộc hăng-say đánh độc-lập, mới-mẻ và hào-hung, có giá-trị và ảnh-hưởng như một

kích-thích-tổ đối với quốc-gia đồng-hóa với một cơ-thể) ;

Còn Indira Gandhi đã : liệt-nữ anh-hùng mà tạo nên thời-thể... (1)

PHẠM-LƯƠNG-GIANG.

22-3-1971

(1).— Sau khi đảng của bà dành được 350 ghế (trong một Hạ-viện gồm có 521 ghế), Thủ-tướng Indira Gandhi đã thành-lập nội-các và tính-diện quốc dân.

Nội các gồm có : 15 bộ, 15 quốc-vụ-khanh, và 8 Thứ-trưởng. 15 bộ nhưng chỉ có 12 Tổng-trưởng, và một mình bà Indira Gandhi giữ chức Thủ-tướng kiêm nhiệm thêm 3 bộ : Nội-vụ, Nguyên Tử Lực, và Thông-Tin kế-hoạch.

Có 5 vị Tổng trưởng ra đi. Ngược lại có 7 vị chánh-khách được với làm Tổng trưởng.

Báo chí phỏng-vấn. Và bà Indira Gandhi đã trả lời :

— Như vậy, đề «dung-hòa với liên-tục về chánh-trị». Và chẳng tôi cũng muốn làm tan định-kiến của một số người : hễ đã làm Tổng trưởng là làm cho đến trọn đời...

Tại Pháp; Ngoại-Trưởng Schumann tường-trình tại Hội-đồng Nội-các : «Kết quả cuộc Tổng Tuyển cử tại Ấn-độ đã củng-cố thêm uy-quyền của bà Indira Gandhi mà chúng ta có bốn phần thán-phục tính khôn-ngoan và lòng quả-cảm...

Trong Quốc-Hội, từ nay sẽ không còn một lực-lượng hay «liên-lực-lượng» chống-đối nào đáng kể.

Các đảng-phái khuynh-hữu chống-đối trước đây đều đã thua đậm. Còn hai đảng Ấn-Cộng thân Narxiste (không chịu sự chi phối của Nga-sô cũng như Trung-Cộng) và Ấn-Cộng thân Nga-sô, nếu như có liên-kết chống-đối thì cũng chưa được 50 phiếu (25 + 23 = 48 phiếu)

Chỉ nội trong năm 1971, các giới am-hiêu đều ước-đoán : có nhiều cải-cách táo-bạo sẽ được thực-hiện tại Ấn-độ, trong số dĩ-nhiên có vụ chấm dứt «qui-chế các tiểu-vương».

Đêm du ca Liêu Trai

*Tặng Ban tổ chức lễ Húy nhật cổ Thi sĩ Đông-Hồ tại Kiên-Giang.
Tặng các Giáo sư và các nam nữ học sinh trong ban du ca, đêm
mồng 1 tháng ba Tân-Hợi (27-III-1971).*

« Đêm, đêm điểm ảo, đêm như thơ »
Đ. H.

Chiếc xe xóc xếch chạy lộc cộc trên con đường đá gồ ghề, đưa chúng tôi đến một ngã rẽ tối tăm xa lạ. Xe ngừng lại sau khi đã quanh vào độ non trăm thước. Trời tối, trước chỗ xe đỗ là một dãy nhà gạch loáng thoáng ánh đèn.

Tôi xuống xe nhìn quanh tứ bề đen tối, định đi thẳng vào dãy nhà trước mặt thì người đưa đường rẽ vào tay trái.

Con đường mòn nhỏ ẩn núp trong các bụi cỏ cao quá bắp chân. Chúng tôi bước vào con đường mòn đó từng bước e-dè bỡ ngỡ. Một hai vệt ánh sáng quét soi đường cho những bước ngập ngừng lạc lõng.

Chưa vào đến nơi, mà đã nghe đồng vọng tiếng nhạc lời ca trầm ấm của điệu nhạc Trịnh Công-Sơn quen thuộc.

Trước sân lộ thiên của ba gian nhà gạch thấp thoáng bóng người, kẻ ngồi người đứng lao xao. Có chừng độ vài mươi nam nữ học sinh mà cũng vừa là nghệ sĩ của buổi trình diễn, vài mươi vị giáo sư, vừa là người điều khiển, vừa là khách dự thính. Chúng tôi may mắn hân hạnh được liệt vào hàng thính giả danh dự hôm đó.

Thầy cũng như trò, thơ cũng như

nhạc ở đây đang hòa tấu khúc thương yêu cõi mở, nhịp nhàng và thông cảm mỗi tình sư đệ.

Chủ nhân là một vị giáo sư của trường Trung học Nguyễn Trung-Trực mà cũng là trưởng nhóm du-ca. Vị giáo sư trình bày về các ý nghĩa buổi sinh hoạt văn nghệ. Cuộc họp mặt trong đêm trước ngày Húy nhật của Cổ thi sĩ ĐÔNG-HỒ được tổ chức long trọng tại Kiên-giang này hàm có một ý nghĩa khác hơn những buổi sinh hoạt thường xuyên của nhóm.

Dưới ánh sáng lung linh của năm ba ngọn nến lập lòe, mọi cảnh vật đều được phủ một lớp sương « mờ mờ nhân ảnh ».

Ban hợp ca bản Việt-Nam hùng dũng được trỗi lên chào mừng khách mới đến, nhịp nhàng với tiếng nhạc trầm hùng trong cảnh đêm mờ ảo nghe như tiếng kèn tiếng trống thúc quân của một đêm tập trận cổ sơ nào đang biểu diễn đầu đây làm khơi động lòng dân tộc trong tiềm thức người nghe.

Nước trà và bánh ngọt lại được chuyên mời.

Để thay đổi, ông trưởng ban du ca giới thiệu một nữ sinh ngâm một bài

thơ của cổ thi-sĩ ĐÔNG-HỒ trong tập Trinh-Trắng.

Không khí đang đầm ấm vui vầy, chợt nghe trang nghiêm hẳn lại. Tôi lắng tai mà không đoán được cô em sẽ ngâm bài thơ nào trong tập.

Tiếng ngâm trầm buồn nhỏ nhẹ cất lên, một niềm hư ảo vương mắc theo lời thơ:

*Nhớ thương ngáp nẻo sầu cô quạnh
Xa lắm tiền thân tự kiếp nào...*

Không đợi dứt câu, tim tôi bỗng nhói lên và thác lệ vỡ bờ, nước mắt giàn giụa lúc nào không biết nữa...

Qua rèm lệ, tôi theo dõi bóng dáng em nữ sinh đang âm thầm ngồi một góc, lưng tựa vào tường, đầu cúi, tóc mun gọn che nửa mặt, xoa trên đôi bờ vai áo bà ba trắng, chiếc áo ngắn của con gái miền lục tỉnh, ngây thơ mang đầy nét học trò. Một tay em giữ tập thơ Trinh-Trắng vốn rộng khổ, mở trang trên đầu gối, một tay em cầm chiếc đèn bấm nhỏ xiu soi từng dòng chữ của trang thơ.

Tiếng ngâm tiếp tục.

*...Lửa nền run run mờ bóng chữ
Lách mình khe khẽ gió len vào...*

«Lửa nền run run mờ bóng chữ», mà tiếng ngâm của cô em cũng rung rung ngát lịm rung lời thơ.

Có một bàn tay gần đó với qua muốn giúp rọi tia sáng, nhưng em từ chối và tự mình soi lấy bằng ánh đèn yếu ớt đó mà thôi..

Bây giờ thì tất cả đều là ảo diệu quá, tôi không nghe thấy gì ngoài tiếng ngâm thỉnh thoảng cao vút lên, và một

hình bóng người con gái nhật nhòa trong bóng mờ chập chờn hư hư thực thực.

Tiếng ngâm mờ hồ Liêu-trai vẫn nổi tiếp trong êm lặng hoàn toàn, tôi không nhớ là có tiếng nhạc đệm hay không nữa chỉ biết là có cái gì dịu dịu và êm êm mờ màng lắm.

*...Đợi mãi nghìn xưa lời hẹn ước
Đường về không một bóng trăng
sao...*

Tôi chợt rờn rợn với cảm giác:

*Trông ra ngọn cỏ lá cây
Thấy hiu hiu gió...*

Mấy ngọn nến trên bàn vừa được hạ thấp xuống nền gạch

Cảnh huyền-diệu hư linh như bao trùm lên đây. Tiếng côn trùng cũng e dè tắt lịm. Tất cả đều a tòng nhường cho nhịp thốn thức của tim tôi theo tiếng ngân dài của cô em «ngâm-sĩ»,

Bây giờ mới thấy lời giáo đầu xin lỗi của người giới thiệu là quá khách tình, càng là những giọng ca không điều luyện tự do tùy hứng mới dễ cảm người trong khung cảnh đặc thù này.

Tất cả đều như hoang sơ tăm tối, lờ mờ một mối u-hiển cảm thông qua giọng ngâm ngập ngừng e-lệ đó.

Ôi! Xa lắm tiền thân tự kiếp nào!

Diêm ảo, và Liêu-trai! Trại Bồ-Tùng-Linh gần gần đâu đây có phải?

Trong cái bàng hoàng ngây ngất đó, một tiếng giới thiệu khác cất lên kéo tôi về thực tại.

Vị giáo sư có biệt hiệu «Tây đồ cuồng sĩ» xin được ngâm tặng tác giả bài thơ *Chữ Thập Hồng* của Mộng

Tuyết mà người ngâm đã thuộc từ khi bài thơ đăng trong tập «Thơ mùa giải phóng» xuất bản cách đây đã trên hai mươi năm.

Lại một xúc động bất ngờ, vì bài thơ đã như bị bỏ quên. Các nhà mô-phạm mà liên tài, yêu thơ và say nhạc của đất Kiên-giang đã dành cho chúng tôi nhiều cảm tình đặc biệt, ngạc nhiên nồng hậu quá.

Thực ra thì chúng tôi không lạ gì cái «đức» yêu thơ của những người chúng quê hương với tác giả «Lúa Sả Miền Mầm» và «Tìm hiểu đất Hậu giang.»

Trước kia, không kém phần hấp dẫn của chuyện cổ tích, có một nàng thi sĩ của đất Kiên-giang này đã từng đem tài khéo-léo đường kim mũi chỉ của mình mà thêu thùa những câu thơ theo nét bút tung hoành của một «ông Hoàng Thơ» đất Bắc (tự ngày chưa có phong trào di cư) đem tặng lại cho tác giả.

Bức tranh thêu câu thơ «Đỗ vũ Tiêu liêu» đó hầy còn tươi nét chỉ màu hoàng yến trên nền gấm màu huyết dụ, cho đến bây giờ tôi vẫn còn được nhìn ngắm mỗi khi có dịp.

Thì bây giờ trách gì lại chẳng có người yêu thơ ngâm tặng tác giả trong cái đêm, đầy ý thơ và nét nhạc, đầy tình bằng hữu, nghĩa chi lan ngan ngát giữa sân đào lý mơ màng này. Cuộc sinh hoạt tập thể giữa thầy trò bè bạn ca hát với nhau bây giờ tôi mới tìm thấy lại, đã xa lắm từ tuổi học trò.

Những ngày trưa hè nắng gắt, chúng tôi đã từng dắt tay nhau lên tuyết đỉnh Tượng sơn, hay những đêm trăng mơ màng mái chèo khua sóng trên mặt hồ

Đông, còn thấy như láng vàng đầu đây phong độ đó.

oOo

Đường về Hà-tiên tắt phải qua Rạch-giá, mà cách đây đã trên mười hai năm tôi chưa từng dừng bước ở bến Kiên-giang này lần nào.

Ôi ! Bến Kiên-giang đầy thơ và đầy mộng phảng phất bến Hồ Đông bé nhỏ của tôi.

Đêm văn nghệ còn nhiều hứa hẹn, nhưng chúng tôi không tiện ngồi lâu, vì một ngày đường xe mệt nhọc, chúng tôi còn phải dự lễ Húy nhật của Nhà Thơ đất Phương thành vào sáng hôm sau.

Đứng lên cáo biệt mà chủ khách còn nhiều quyến luyến bàn hoàn. Lòng nhủ lòng có một đêm trăng nào đó xin sẽ được dự một đêm du ca trọn vẹn với các bạn trẻ trên bến Kiên-giang cùng đông đủ các em học sinh nam nữ hôm nay.

Trên bước đường trở gót, ngập ngừng lối cỏ đường sương, dùng dằng nơi ngo vắng. Đêm là đêm đầu tháng lịch trăng, cái tối tăm của đêm hối sóc không một bóng sao.

Ôi ! Đêm huyền-diệu linh lung đó chính là những đêm mà tác giả «Trình Tráng» đã sáng tác những vần thơ Liêu trai lao-đao hồn tưởng mộng, vừa được ngâm lên đúng cảnh hợp tình.

Tôi liên tưởng đến con đường về xóm Rẫy xa xưa của tôi ở Hà-tiên, cũng đường đất gồ ghề, hai bên bờ lẽ cỏ cây hoang dại. Nước tràn ngập ghé dom dom lập lòe, những lúc như vậy phải tựa vào nhau mà dò từng bước

thấp-bước cao trong bóng đêm mực xạ.

Và cũng chính trong những đêm mơ màng như vậy tại tôi được rót vào những lời thơ Liêu trai ngọt lịm ngây ngất vị bồ đào, cùng với người bạn đồng hành so bước.

*Ao tràn mưa ngọt bờ hoang dại
Bèo nở xinh xinh cánh nhỏ tròn*

Hoặc :

*Đường về xóm ấy nhiều đom đóm
Lấp lánh ngân hà ngập bước sao
Ngỡ lạc tiền thân vào xi mộng
Hồn tiên nghe tiếng gọi nao nao...*

oOo

Chiếc xe rồ ga lăn bánh một cách mệt nhọc lại đưa tôi về thực cảnh.

Châu thành Rạch-giá sáng hoắc, huy hoàng, nhưng mà riêng một góc vườn của xóm nhỏ kia sao lại không có ánh sáng của cơ khí xâm nhập đến.

Nếu ánh điện không ngừng đúng lúc thì cuộc hòa nhạc ngâm thơ dưới ánh sáng trầm nền từng bừng tắt là sẽ náo nhiệt vui vầy mà dẫu cho lời ngâm thơ có *Liêu trai* đến mức nào đi nữa thì cảm quan của người dự thính cũng đã xoay một chiều hướng khác rồi.

Tôi thăm cảm ơn sự tắt điện ngẫu nhiên đó.

Đã hơn một lần, trước những đêm lễ tưởng niệm, sinh nhật hay húy nhật của Đông Hồ Ngô huynh, tôi thường được bạn bè quen thuộc, hoặc môn sinh, ngẫu nhiên đưa đến cho tôi những ý-nhị liên quan đến những kỷ niệm, những tặng phẩm những săn sóc tinh thần, cho tôi sống lại những phút giây thơ mộng thuở đầu xanh trong tiềm thức. Tôi được trở về với dĩ vãng trong một phút giây rung cảm băng khuâng, không khi nào dự tính

được.

*Một sợi tóc tơ huyền đủ buộc
Nghìn năm người thực với chiêm bao*

Đêm thiếu ánh sáng của một xóm nhỏ trên bến Kiên-giang đã cho phép tôi được tự do bộc lộ niềm cảm thương u-ẩn thốn-thức riêng tây ở giữa chốn đông người ; tôi đã buông xuôi cho ngoại cảnh chi phối tâm tình.

Tôi thức trắng đêm nơi quán trọ, mà lòng cảm ơn ban tổ chức, các môn sinh của Thầy Đông-Hồ đã dành cho tôi nhiều sự săn sóc mến yêu qua buổi nghe nhạc và trong bữa cơm chay ban tối, và tôi loay hoay thao thức với những nỗi niềm xưa cũ đang lê thê diễn lại trong tâm tư.

Tôi nghĩ tôi không nên trở lại nơi xóm nhỏ (ít nhất lúc này) để cho sự kiện mơ hồ kia còn nuôi mãi cho tôi một vận sự êm đềm. Ở đó có tiếng ngâm thơ của em nữ sinh còn bàng bạc mãi. Mặc dầu tôi đã được biết tên của hai em qua lời giới thiệu trong buổi lễ, nhưng xin phép ở đây cho tôi được mừng tượng vóc dáng người con gái học trò thơ ngây cùng sống mãi với cảm quan mơ hồ của tôi trong đêm hôm ấy. Tất cả phải bàng bạc trong mây trong khói.

Bước Thiên Thai của Lưu Nguyễn có cần chỉ đến tên họ của người tiên. Nàng là Ngọc-Chân là Bội-Hoàn là Lộng-Ngọc là Vô Song-Phẩm là Nhất-Phiến-Băng chỉ chi nữa đời đâu có nhớ, chỉ biết là hai nàng tiên nga của Lưu Nguyễn mà thôi. Thì nay ít nhất hai em cũng là «hai nàng tiên nga bé bỏng» của tôi ở giữa đêm du ca Liêu trai đáng ghi nhớ đó.

MỘNG TUYẾT THẮT TIÊU MUỘI
Tiết Thanh-Minh trên bến Hồ Đông

(5 tháng 5 năm 1971)

Bạn đã, đang hay chưa có dịp du lịch Âu Châu.

Hãy tìm đọc :

TRỜI ÂU QUA MẮT VIỆT

của MINH QUÂN

- ★ Thiên du ký của một phụ nữ Việt-Nam có dịp viếng thăm các nước Âu Châu : Thụy-sĩ, Pháp, Anh, Tây-ban-nha, Đức, Ý...
- ★ Những nhận xét phong phú qua cái nhìn độc đáo của một người đàn bà Việt đánh giá văn minh Tây phương qua những giá trị sinh hoạt đích thực của họ.
- ★ Một bút pháp bình dị, hồn nhiên khiến chúng ta như đã sống thực ở Tây phương nhưng không bao giờ quên quê hương vì « được du lịch là một cái thú nhưng được trở về lại càng thú hơn. »

TRÍ ĐĂNG xuất bản ĐỒNG NAI phát hành

Đã phát hành :

TRẦM MẶC CÂY RỪNG

tập truyện của VÕ HỒNG — LÁ BỐI xuất bản

Tập truyện tiêu biểu nhất cho cái tâm hồn thâm thúy dịu dàng và nét u mặc nhẹ nhàng của bút pháp Võ-Hồng. Đọc TRẦM MẶC CÂY RỪNG để thấy rằng truyện ngắn Việt-Nam không thua những truyện ngắn hay nhất của ngoại quốc.

Tâm hồn bạn sẽ trở nên tươi vui êm mát giữa cái không khí nhọc nhằn của chiến tranh.

Nhà sách «bổ túi» tại nhà xuất bản LÁ BỐI lô 0 số 121 Chung Cư Minh Mạng Saigon 10, bày bán sách của các nhà Xuất bản uy-tín : An-Tiêm, Ca-Dao, Cảo-Thơm, Hồng Hà, Hoàng Hạc, Nguyễn-hiến-Lê, Lửa-Thiên, Thái Độ, Thời Mới, Tu-Thư, Vạn-Hạnh, Sáng-Tạo, Võ-Tánh v.v...

Dịp khai trương dành nhiều hoa hồng cho bạn đọc.

BANQUE

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

T À N Đ Ō N G

Phòng trong, người bạn gái ú ớ nói mê sau một hồi nghiêng rãng trèo trẹo. Lúc Kiên dậy mở cửa đi tiểu, tiếng gà rừng đã gáy eo óc phía bên kia bờ sông nghe thật gần. Sương trắng đục xóa mất các ngọn cây cao trong vườn. Chừng này, khoảng 4 giờ sáng là cùng, mới thấy bóng đèn dầu le lói bên ngôi nhà hàng xóm thức dậy xay bột, tiếng cối xay kêu rù rù, đều đều. Kiên trở vào nằm xuống chiếu lại, tỉnh ngủ hẳn, mắt mở khô thao láo. Người bạn vẫn nghiêng rãng tiếp, nghe thoáng như con mối đói ăn nào đó dậy sớm đục khoét cái cột nhà hư một. Mấy đêm nay trời bớt lạnh, cơn ho nguôi dịu nhưng ngực Kiên chừng như rỗng đi, anh có cảm tưởng không còn đủ hai lá phổi bình thường để thở nữa. Chưa miêng, thói quen thòm thềm khói thuốc buổi tỉnh sương dày vào Kiên, anh nghĩ, thì cứ hút để khắc ra những búng đờm xanh màu rêu non, chưa sao ! Kiên ngồi dậy lúc phòng trong có tiếng dép kéo lệt xệt. Ánh sáng ngọn đèn vừa thấp lọt qua những khe ván hở ngã dài xuống cạnh chân Kiên vài sợi mảnh. Cánh cửa xích mở, người bạn gái quấn chiếc khăn len quanh ngực bước ra, đi thẳng xuống nhà dưới, chắc nàng không thấy cái bóng Kiên ngồi thù lù trong tối. Kiên bật lửa đốt thuốc, nằm ngửa ra giường hút từng hơi chậm rãi. Khói thuốc dịu, ấm, vàng

vấp một chút xây xầm nhẹ nhẹ trong đầu, Kiên khép mắt thềm có một giấc ngủ bay bổng thật cao. Bay khỏi mái nhà ngói mốc rêu, qua khỏi những tầng mây chì nặng trĩu xuống thấp giữa thung lũng, vượt những đỉnh núi vây hãm bốn phía để bay về ôm một mặt trời nồng ấm ở phương nam, có nắng mượt như lụa trên đồng bằng lúa non. Nhiều đêm, Kiên mãi mê dong ruổi theo cơn mộng mị của ngày về phố gặp lại bạn bè, người-tình-bất-trắc, đi qua những con đường lát nhựa sạch, có hoa nở vàng rộ trên hàng cây táo nhơn, có quán nước đèn hồng trời nhạc liên tục và chen chúc giữa vô số thiếu nữ chưng diện chải chuốt quyến rũ như thề ngày hội đêm hè, được ăn một miếng cá biển tươi, được nghe tiếng sóng ru tình sầu... Thành phố : khung cảnh quen thuộc nhằm chán nơi nường nấu hồi chưa bị đầy lên đây, thứ đời sống lông bông của một kẻ độc thân côi cút giữa phố ngoài chợ ngày ấy không ngờ lúc này hành hạ trí tưởng Kiên ru rú nuôi tiếc, thềm thường. Đêm thức giấc choàng dậy tỉnh mộng, mộng ảo còn dật dờ; hồn như chưa kịp nhập về, thân xác ê ẩm, bãi hoại. Giật mình nghe tiếng ngựa hí sau chuồng, tiếng cối xay bột, tiếng gió núi hú ma thiêng, thần thờ nhớ ra mình đang nằm giữa nơi thâm sơn cùng cốc, Kiên muốn chảy nước mắt.

Chờ một ngày về phố, một lần trốn thoát khỏi nơi rừng sâu nước độc này, Kiền mang cảm tưởng tội nghiệp của con thú đang chờ thời mọc cánh. Vâng, phải có cánh mới bay vượt qua khỏi trùng lũy đồi núi chông chát bao bọc chung quanh. Núi Cẩm hiểm trở, núi Một vôi vỏi, núi Lá rậm rì... và rừng Hỏa-thán thâm u, rừng Hàm-long điệp điệp. Suốt tháng nay chưa có một ngày nắng lớn, mặt trời không xé nổi mây, mây tụ tập càng lúc càng dày, xuống thấp mãi, sát ngọn cây, đọng chóp nhà, cho đến một buổi sáng mờ cửa ra : mặt đất mù mịt như có khói lan tỏa, sương kín dày, khí lạnh nhả vào mặt, xanh tái da. Chiều đó Kiền nhuộm bệnh, cảm cúm ho hen kéo dài cả tuần. Con ho đây dưng như một người bạn ồn ào bất ngờ đến khuấy động dậy cảnh sống tĩnh mịch mòn mỏi ngày ngày. Kiền có cơ hội nhớ tới tấm thân ốm o vô tình quên bằng lâu nay, lo lắng sợ hai lá phổi nám, những khi ôm ngực ho, dưng cồ khạc đờm hay bặt môi chịu đựng từng mũi thuốc chích đau vào mông.

Người bạn gái trở vào, ngập ngừng trước cửa phòng, ý chừng vừa ngửi thấy mùi khói thuốc nên khẽ lên tiếng hỏi vọng :

— Anh Kiền dậy lâu chưa ?

Kiền xoay nghiêng người thả rơi cái tàn thuốc xuống đất trả lời bạn :

— Trước chị ít phút. Đêm dài quá rán ngủ mấy cũng không hết !

Nhà dưới, ai vừa đốt một bếp lửa lớn, củi than nổ tí tách. Ánh lửa sáng hừng nung mặt tường đất nhồi rạ thấm nước, thoang thoảng thơm

mùi gạch đang chín. Phòng trong, người bạn gái nói vọng ra :

— Lát có nước sôi anh chích thuốc nghe ?

— Chi lo cho quá tôi bệnh thật mất thôi !

— Thế lâu nay anh giả đồ ốm đấy à ?

— Tưởng tượng thì đúng hơn ?

Kiền cười khan trong cổ, nhột ngực anh ho toát vài tiếng ngắn không dẫn kịp. Trời vẫn chưa sáng hẳn. Vài cơn gió sớm theo một ngách hở nào đó luồn vào chỗ Kiền nằm lạnh rùn. Sương rơi từng loạt ngoài vườn nghe tưởng trời rớt mưa nhẹ. Kiền đốt điếu thuốc khác, nói với bạn như lời tự nhủ mình :

— Liệu hôm nào về phố đây ? Gần Tết rồi thấy nôn nao như trẻ con. Chỉ sợ không đón tàu được kẹt lại trên này thì tủi lắm.

— Về dưới, sắm được cái áo mới là cùng, ham chi ! Tết ở đâu tôi cũng vậy thôi, già rồi mà. Chớ anh coi tôi đi tu có thành đạo được không ?

— Nói vậy không sợ ông Phó rầu ?

— Hư !

Người bạn gái xô cửa kéo ghế ra ngồi đối mặt Kiền. Áo len cao cổ, hông ngực đan rộng thùng thình như thề dành trừ hao cho nhiều năm sau thân thề còn trưởng thành to lớn hơn ra, trong bóng tối mờ mờ trông nàng tựa con thú đang xù lông chịu rét, mái tóc chưa chải bởi bỏ lò xoa trề nãi xuống vai. Tự dưng nàng buột miệng nói thỏm

— Mấy ông thường nhìn tôi qua cái vỏ bề ngoài. Lắm !

Kiên lúng túng đổi thế ngồi, nhặt chiếc gối kẹp vào bụng.

— Mới tới một tháng mà đã thấy dân tình vùng này thật hăm hiu. Họ coi tôi như một món quà an ủi dưới tình gởi lên, ai cũng dành phần thưởng. Gớm quá !

— Thấy chị đâu có ghét gì ông Phó. Nhân vật số một ở quận này đây, quyền hành lấn lướt cả ông Trưởng.

Người bạn cười hóc hóc như kẻ uống nước vội bị sặc :

— Đó, cái vỏ ngoài thế đó. Thì đành cười nói ra bộ thân mật với ông một chút để tránh cảnh đợi máy bay cả tuần lễ không được sao ?

— Chị phỉnh tôi đặng chớ cha Phó lợi hại lắm, khó lường.

— Cám ơn, tôi biết rõ mà.

Luôn luôn nàng tỏ ra sành sỏi trải đời với đôi chút kiêu ngạo vặt vãnh. Kiên không thích vậy, anh che tay ngáp hờ, nói khi chưa khép miệng hẳn :

— Nói ra chị đừng phiền, chứ phải sống cảnh cây-quế-giữa-rừng thật ừ-ê.

— Anh cũng chế riều tôi được sao ?

Nàng dời chỗ ngồi xuống bếp, tiếng nước rót vào bình thủy thật ròn Kiên hơi nhức trán vì cơn ngủ mệt còn nặng trĩu trong đầu trộn lẫn với khói thuốc đậm đặc. Gian bên, người chủ nhà đang rầy mắng đứa con biếng rét không chịu dậy

học bài, giọng ông nghe cũ kỹ buồn bã như một vị thế sư thất chí, bất lực trước lũ hậu sinh cứng đầu.

Người bạn pha cho Kiên ly cà phê bột sữa Mỹ không lọc, còn nàng uống trà đường. Khi không nàng nói như sực nhớ :

— Tết về tôi làm mai đưa em gái cho. Hay hơn tôi nhiều. Để tôi viết thư mách nó trước nghe. Nhưng phải đảng hoàng đó, nếu cả chón nó dám giết anh như chơi !

Kiên nhìn bạn cười khúc khích ranh mãnh và cảm thấy ớn ớn ngum nước chưa kịp nuốt.

— Chị coi mắt tôi kỹ chưa ? Đâu đến nỗi phải lắm bọn ma giáo.

— Đâu dám đùa thầy. Mình chỉ ngại cô em còn bé dễ nông nổi.

Sương mù dày mịn xóa hẳn phía bờ sông và những thôn xóm lân cận mất tăm tích. Chốc chốc vài tàng cây cao hiện ra lơ mờ trông như những vết mực xám bần rớt nhòe trên tấm màn ướt sũng trắng đục. Học trò đã đi học ngoài đường, ghé vào quán moi bạc cắc mua mỗi đứa một cây đèn sáp đốt vào cặp.

Người bạn vừa vắn tóc vừa bước qua phòng. Kiên hút thêm điếu thuốc vẫn chưa đủ nóng ngực.

Trưa nay anh có về sớm nhớ mượn xe lên Suối Trong đón tôi giùm. Hai hôm rày chích thuốc ngừa cho mấy buôn Thượng khổ lắm, phải mất công giăng giải từ cây kim tới lọ cồn. Đi chung xe quận do cha Phó lái dễ bị thiện hạ chửi nữa.

Nàng nói lúc đang thay quần áo

sột soạt. Kiền bước ra hàng hiên vươn vai thở nhịp nhàng, hơi lạ n chạy rõ từng sợi vào cuống phổi. Kiền ngồi xuống bậc gạch, phà hơi ra lòng tay như phà khói thuốc. Lạnh thật. Càng lạnh hơn khi Kiền ngàng mặt nhìn tốp đàn ông Thượng đeo khố lưng lẳng đi ngang, phơi trần cặp mông nâu như đồng chín, chai lì, hết còn xúc giác và nghĩ tới mình yếu đuối, ẻo lả, búng chảy nước. Người bạn gái trong bộ đồ mới bước ra, dong đưa cái xác có chữ thập đỏ quảng nơi khuỷu tay gây tiếng chai lọ chạm nhau lồn rồn, cười với Kiền rồi đi xuống ngõ. Kiền ngó dấu guốc nàng in trên nền sân ướt, thần thờ nghĩ trưa nay về bộ áo quần ấy sẽ lấm bùn hết.

Kiền tới trường lúc lũ học trò đang ngồi chờ thầy trong lớp, đốt đèn sáp cắm trên từng dãy bàn dài. Nơi bàn anh cũng có một ngọn cháy eo lét. Tụi chúng cười nói vui vẻ,

như thể đang dự một trò chơi thích thú. Với mù sương u ám, với cảnh đêm giả trang, với lời cầu nguyện thầm lặng được thấy mặt trời thật lớn thật ấm đi ngang qua đây, đậu lại trên cột cờ cười chào vuốt ve tuổi nhỏ rét mướt. Cả lớp vỗ tay cất tiếng hát, hát to lên cho máu huyết gân cốt dãn nở. « *Rừng muôn cây xanh cao, âm u ngàn thác lá...* », hát bừng cao như lửa cháy sáng « *ta quây quanh lửa hồng. Bập bùng, bập bùng, trong đêm thâu...* »

Người bạn dạy lớp bên đứng ngoài cửa nói chỏ vào :

— Anh bày đặt trong ghê quá ! Giống như cái phòng đám táng. Trời mù, học trò không thấy chữ viết thì kể chuyện cho nó nghe.

Kiền nhún vai, bẻ đốt tay cười :

— Rõ khéo tưởng tượng xa xôi. Đành làm vậy coi thử có động lòng trắc ẩn đến đất trời hồn mang kia chăng ?

ĐÃ PHÁT HÀNH từ ngày 4 tháng 4 1971

PHẠM DUY, CÒN ĐÓ NỖI BUỒN

của TẠ-TỰ, Văn Sử Học xuất bản.

Một cuốn sách lời cuốn độc giả từ trang đầu tới trang cuối. Những tài liệu xác thực về cuộc đời một nhạc sĩ tài danh với những đam mê Tình ái và nghệ thuật âm thanh.

Sách dày 260 trang. In mỹ thuật giá 280 đ.

Mọi tủ sách gia đình đều phải có

Nhìn những khuôn mặt ửng hồng đang cầm cúi viết bài dưới ánh lửa lung linh, Kiền chợt nhớ đến tuổi nhỏ quàng áo tơ lá, xách đèn chai tới ngôi đình làng, lật quyển vở hiệu *ba có* giấy xấu vàng ố, chấm ngòi bút lười tre vào cái *khu đề* đựng mực tím viết từng nét chữ xiên vẹo đều đời. Lớp thật đông phải ngồi bệt trên nền gạch ẩm, chen sát nhau cho ấm trước một tấm ván ngựa kê trên hai chông gạch dùng làm bàn. Nhiều đêm, mới nghe vài tiếng súng Tây nổ các cù, thầy trò không ai bảo ai tự động thôi tắt hết đèn dầu, đút vở vào bụng, lẳng lặng chạy ra những bờ bụi chung quanh nằm chờ động tĩnh. Nếu tình hình vẫn yên tĩnh, tắt cả lại lần lượt vào lớp đốt đèn, tiếp tục buổi học. Người thầy học uy nghi đầu đời có giọng nói rắn rỏi, lối sống bí ẩn lạ lùng mà tại Kiền phải gọi bằng *anh Sáu* bây giờ chắc già lắm hoặc đã chết rồi. Hai mươi năm, thấm thoát. Ngôi đình đã cháy rụi trong một cuộc dội bom đốt làng, Những đứa bạn quần cụt chân trần áo tro thuở ấy lớn lên làm nông dân, thợ thuyền, đi lính cho bên này hay bên kia, chết dần dà giữa ruộng hoang, ngoài mặt trận, trong đường rừng xuyên sơn. Hoặc như Kiền, chui nhủi giữa các thành phố, thu thân vào cái vỏ mỏng, bứt rứt chịu đứng ngoài, an phận. *“Các trò phải biết giết thầy để dành chỗ làm thầy... Lớp trước hỏng, lớp này đang làm lạc, chỉ còn chờ thế hệ các trò đứng lên mạnh dạn đào một cái hố dồn tất cả sai lầm của cha chú xuống để lấy đất đắp dựng một con đường mới cho*

lịch sử...”. Tất cả bọn Kiền đã phản thầy, đã đi ngược lại lời *anh Sáu* nhắn nhủ khích động để chạy rẻ trên những lối mòn, những tuyệt lộ thảm bại chua cay. Giữa lúc này, Kiền cũng có thể nhắc lại câu nói hào sảng văng vẳng ấy với học trò của mình bằng một giọng buồn hơn, thiếu tin tưởng hơn. *Giết thầy*, chuyện đã có thật. Mới tháng trước, hai đứa học sinh lớp bảy theo thợ săn nai vô rừng trốn luôn không về. An ninh quận xuống hỏi, cả trường mới hoảng hồn.

Kiền đứng ngó mông ra con đường cái nhão nhoẹt đất bùn, vài người đàn bà đi chợ về xắn cao quần bước co ro, cứ chực trượt chân té ngã. Sương tan bớt nhưng mây xám vẫn bất động, thấp là là. Một ngọn hỏa châu ai bắn vụt lên lọt giữa hồng mây cháy sáng mờ mờ giây lát trông ngỡ như mặt trời thật.

Kiền bóc lá thư chưa kịp gửi cho người-tình-bất-trắc viết thêm một đoạn ngắn rồi tần mẩn ngồi đọc lại, mím cười: *“Em thử tưởng tượng da dẻ anh đang mồm meo, đóng vảy cá từng bọt dày, có thể lột ra được từng phiến mỏng mỏng như lớp lụa bọc ngoài củ hành củ tỏi. Cả tháng không tắm mà. Hôm trước có người bạn nấu giùm một thùng nước nóng bắt anh tẩy xác, cuối cùng mình lại sợ ngứa sốt và tiếc cái hơi hướm rừng rú trên người. Dưới ấy, anh nhớ mùa này trời đang nắng ấm? Em hãy gửi cho anh một ánh mặt trời, một gói nắng, càng nhiều càng quý. Anh thèm lắm, thèm đến nỗi nhuộm bệnh. Nhớ gửi bảo đảm, hỏa tốc!”*.

Kiên về nhà, dừng lại trước sân ngó người bạn đang ngồi giặt áo quần nơi bể nước, bọt xà phòng bay trắng phau.

— Chị không đợi tôi lên đón ?

Nàng ngoái cổ lui, cười phỉnh má :

— Gớm, sáng nay lạnh họ không chịu xuống khỏi nhà. Lừa thừa mấy mống thôi, mất công mình lên về lợi bần.

Bữa cơm nguội lạnh, ngày nào cũng thịt nai ăn muốn đi kiết ra máu. Người bạn gái gát dừa tìm tấm xia răng, nói :

— Giả thử chiều nay anh được trực thăng chở về phố đưa vào một quán ăn sang nhất. Anh thèm món gì trước ?

— Nặng !

Nàng dẩy nẩy :

— Không có đùa nghe chưa.

— Thì tôi đâu có đi được !

Người chủ mang trà lên. Kiên rót nước ra ly đầy về phía bạn, nàng đang nghĩ ngợi gì đó, mặt ngàng lên má nhà tựa kẻ bị ghen.

— Tôi ớn quá rồi anh, chắc trốn đi luôn. Đầy thân con gái lên vùng này thật tàn nhẫn, phi lý. Cổ giả vui giả cười cho quên ngày đoạn tháng mà rớt cuộc... Lắm khi tôi quên bằng anh là đàn ông ở sát bên.

Kiên không hiểu ý bạn, anh hớp ngụm nước :

— Tôi có sao đâu. Vẫn coi chị như chị tôi ở nhà.

Người bạn gái bỏ vào buồng mình. Chập sau xô cửa vây Kiên lại, ngăn

ngủ một lát rồi nói nhanh :

— Anh không nghe cả xóm chợ người ta đồn um lên rằng tôi quyến dụ anh !

Kiên hơi bối rối và xúc động vô cớ nhưng anh đáp tỉnh đứng :

— Thì có sao đâu !

* * *

Tảng sáng, những ống loa đặt trên nóc chi thông tin phát ra những khúc nhạc quân hành ồn ào rầm rộ. Làm như thể hôm nay có buổi lễ gắn huy chương cho lính. Từng tốp người kinh, thượng lẫn lộn, đội nón, trùm áo tơi ni-lông từ các ấp mạn tây theo quan lộ xuống ngang chợ. Vài kẻ tuột lại sau, bỏ hàng ngũ chạy vào mấy chòi tranh bán bánh cuốn ăn vội vã. Số còn lại rẽ vào quận lý, vùng tay hô to khẩu hiệu. Cha Phó chống ô đứng trên hàng hiên nói chuyện với mấy ông xã ấp, mặt cau có bức dọc.

Hội trường âm thấp, nước đột có vũng trên nền xi măng, vách tôn chảy sét. Hơi người sức nức, chua, hôi, nhưng khá ấm. Kiên muốn đồ mồ hôi, nức nội, khó thở. Gã trưởng chi thông tin lên trước micro đánh nhịp cho đám đông hát bài "nhân dân tự vệ", hát và vỗ tay dậm chân, ngúc ngắc đầu như say sưa hết lòng với lời ca cương quyết bảo vệ xóm làng. Trước mặt ông Phó, họ không muốn bị chửi mãi là bon ươn hèn nằm nhà ôm đít vợ ngủ. Ít ra giọng hát còn biểu lộ rõ tinh thần hăng hái của lớp tuổi đáng vai vế cha chú ông Phó. Hết phần kiểm

điêm báo cáo công tác trong tuần, Kiền lấy có phải đi coi học sinh bỏ về nửa chừng, lúc cha Phó đang lớn giọng dặn dò mấy ông xã ấp cách thức phân phát tôn, xi măng... Cuối mỗi câu nói, ông hứ lên một tiếng (thật hách dịch, chói tai) như nhắc nhở đám người ngồi phía dưới nghe cho kỹ càng hơn. Bên ngoài, từng tốp dân tị nạn đang ngóng chờ mở cửa kho lãnh vật liệu trợ cấp. Ông Trưởng đi xe jeep với cổ vắn Mỹ dừng lại ở cổng gác ngó tốp người bằng đôi mắt lạnh lùng ngờ ngợ một phút trước khi phóng thẳng vào hậu dinh.

Trời lay bay mưa bụi, mây cuốn lên cao bày ra những lưng núi thẳm. Đồng không xám xịt gốc rạ thối màu bùn tro. Ngang qua sân bay lốt vĩa sắt, cỏ mọc từng chòm lổ chỗ, Kiền nhớ mấy hôm nay không nghe trực thăng tiếp tế hạ. Có tiếng trực thăng lên xuống đều, người dân sống ở đây an tâm hơn, mừng tượng thấy chốn núi rừng cô quạnh này có một chiếc cầu nối liền với tỉnh lỵ rồi hy vọng một chuyến đi, mơ màng bao cảnh vui chơi ngựa xe nhộn nhịp dưới phố.

Kiền ghé chi y tế xin thuốc nhưng người bạn gái bỏ đi đâu vắng. Khắp phòng, giường bệnh xô lệch, chiếu chăn dồn thành đống bần. Chỉ có một bóng người không rõ đàn ông hay đàn bà ngồi run rẩy trong góc, đắp cái mền dạ kín đầu. Kiền từng nghe người bạn than thở nhiều lần: «Ở đây khỏe ru, thuốc men thiếu, chẳng có việc làm. Năm thì mười họa

mới thấy vài người Thượng ghé xin quinine. Ông trưởng chỉ mở phòng mạch riêng hút hết bệnh nhân rồi. Chưa kể một lô y tá đạp xe đi sâu vào các ấp chích đạo và bán thuốc».

Chợ tan sớm, chỉ còn tốp học trò lêu lổng bu quanh mấy bàn xóc bầu cua. Người chủ nhà dừng xe ngựa chào Kiền rồi nhảy xuống đất đi vào đám đánh bạc đông đúc những cái đầu con nít chụm lại. Hắn ông muốn tìm coi có mặt thẳng con hoang đang không? Kiền ghé mua bao thuốc bóc hút. Hai chị em cô gái bán hàng tạp hóa chỉ chỗ nhau nhìn con ngựa đứng đái ồ ồ bưng miệng cười khúc khích, mặt đỏ bừng.

Thức dậy trời đã chiều tối, chừng như thế, ai đã thắp một ngọn đèn dầu tù mù đặt giữa nhà, Kiền nằm cuộn trong chăn muốn ngủ tiếp. Con ngựa hí gió sau chuồng, dậm móng bịch bịch xuống đất đòi ăn thì phải. Người chủ nhà đang khuôn xi-măng chắt vào găm phản, thở i-ách.

— Lạnh đâu nhiều vậy?

— Mua. Lăn nào cũng thế, tụi Thượng lãnh khỏi kho vôi vác ra chợ bán tháo bán đồ. Rẻ mạt. Họ đâu cần thứ này, muối gạo no bụng mới quý!

Người bạn về muộn, Kiền ăn qua loa bữa tối một mình. Anh vói tay lật quyền lịch treo tường tính nhằm ngày dờn khỏi đây về phố ăn Tết, gặp lại người-tình-bất-trắc tả oán thời gian nằm co ro giữa cái lòng chảo giá lạnh sét rỉ này. Cuối đông, ngày giờ như đi chậm hơn, còn

nuối tiếc chỉ một năm lao đao sắp hết? Người chủ nhà mặc thêm chiếc áo nỉ cũ, rùng mình xuýt xoa nói:

— Gần tiết đại hàn, trời lạnh dữ!

— Giá có một cái lông ấp thì thích nhỉ!

— Kiểm cô vợ tuyệt hơn. Chừng ấy tuổi, thầy còn chịu được cảnh giường không nhà trống kẻ cũng lạ. Lạnh lẽo thế này...

Người bạn gái về, áo quần lấm trớt, mặt tái nhợt. Nàng lục xắc lấy cái thư trao Kiểm:

— Có ảnh con em trong Xem thử vừa mắt không?

Kiểm rút ra tấm ảnh 6×9 đưa sát ngọn đèn nhìn chăm chú. Mặt anh khựng lại mơ màng, trí nhớ lẫn mờ lao đao.

— Học trò của tôi bốn năm trước, trường ai lạ!

— Dốc!

— Phải Túy Loan không?

Người bạn ngó sững anh ngạc nhiên, giật lại tấm ảnh nói dối:

— Anh thật quý quái. Nhớ chỉ mà dai thế.

Nàng vùng vằng đi vào buồng khép mạnh cửa, tắt đèn. Kiểm còn thức tới khuya ngồi giữa nhà đọc hết cuốn truyện ông Phó cho mượn, mãi khi nghe tiếng nghiêng răng quen thuộc từ phòng trong vọng ra mới đi nằm.

Hôm sau người bạn ngã bệnh, Kiểm bỗng dưng đâm ra lo lắng như chính mình gây nên nguyên do. Anh xuống bếp bung cháo vào tận buồng nàng, pha nước khuấy sữa, xăng văng hỏi han về bệnh tình thuốc thang

liền miệng. Nếu không ốm thật, nhìn bộ điệu rối rít của anh, người bạn đã bật cười. Nàng nói bị cảm sơ thôi, anh yên tâm.

Nhưng đến đêm nàng lên cơn sốt dữ dội, lăn lóc vùng vẫy trên giường. Kiểm hoảng hốt gọi người chủ nhà dậy, ông ta cũng lớ quớ ngờ ngác chẳng biết xoay sở ra sao. Kiểm thúc hối rối rít:

— Mang đèn đi gọi ông trưởng chi mau.

Lão chạy ra khỏi buồng vấp bàn đựng ghế lịch kịch. Người bạn gái uốn cong mình đẩy dựa, mặt nhăn nhó đau đớn vụt kêu khan:

— Đè chặt tôi lại coi... Sao cứ bay bổng lên!

Kiểm e dè cúi xuống dẫn tay bạn. Bất ngờ nàng ôm chăm lấy anh lôi ngã sắp lên ngực, hơi thở nóng ran, hồn hên, đồn dập. Kiểm nhúc nhích cựa nhẹ mình mà không dám gỡ vòng tay bạn quấn quít siết chặt trên lưng. Anh cứ đại dột nghĩ nếu xô bạn ra chắc nàng sẽ chới với chết mất.

— Chị không đến nỗi nào chứ?

Kiểm nói lắp bắp, không ngoi lên khỏi sự lo âu triu triu. Người bạn rên hừ hừ, mắt nhắm kín, miệng lại ú ớ nói sảng. Trời đổ mưa rào rào bên ngoài, càng lúc càng dữ dội. Căn nhà hình như chôn chân trên mặt nước xô động chòng chành. Mồ hôi bạn thấm ướt áo Kiểm se lạnh. Vòng tay quanh lưng nơi lồng dần rồi nàng khẽ đẩy anh ra xa, nằm ngay người kéo chẳng đáp tới cò. Kiểm ngơ ngàng nhòm dậy, dời khỏi giường, chóng mặt lão đảo, Tiếng ngựa hí

ngoài chuồng tựa tiếng cười nhạo báng vang lên từng chập. Dứt mưa, cái im lặng quanh nhà thật sắt se, giun dế ngủ quên hay chết tiêu dưới lòng đất úng thủy rồi, cả tháng nay kẻ nhớ nhà không còn nghe giọng kêu ca nỉ non đứt ruột. Người chủ xô cửa mang đèn vào, mình mẩy ướt lết, nói giọng bức dọc :

— Ông ấy đi đánh bạc xó nào hể mãi không ra !

— Phiền bác quá Chị ấy ngủ yên rồi, chẳng sao. Bác đi nghỉ đi, có tội thức canh chừng...

Bỗng một tiếng nổ vang ầm rung đất. Từng tràng súng khác nổ tiếp theo nghe quá gần, đầu dưới xóm chợ. Mỗi phút một gần thêm, phía trường học, trụ sở xã, chắc vậy. Trời sáng rực bên ngoài, hình như có lửa cháy. Mé sông, ngoài vòng đai chị khu, đạn nổ rất hơn. Súng cối bắn đùng đùng tới tấp, bay vèo vèo trên đầu. Vách nhà rung chuyển liên hồi. Phòng trong người bạn kêu ới ới. Kiên sức nhớ, bỏ chỗ núp dưới gầm phản chạy vào, thở hào hển, cứng miệng nói không ra tiếng. Anh lôi bạn xuống khỏi giường, nàng thất thần ngã vào người anh mềm nhũn như kẻ vừa trúng đạn chết không kịp kêu.

oOo

Phòng Kiên dầy sập một mái, ngói gỗ nát vụn chôn vùi năm sáu bộ băng bàn gãy tung, cháy xém, chân cẳng nằm chỏng chơ thảm hại. Đạn khoét rỗ mặt tường, giật tung các cánh cửa vắt xuống thêm. Lữ học trò ngơ ngác đứng nhìn vào, không tìm ra chỗ ngồi thường ngày vội bỏ đi nhặt vỏ đạn. Trước đây các em hứng chí đốt đèn sáp học, ấy là cái điềm xui xẻo thậm tệ đâu có ngờ. Căn phòng *đám táng*, thật rồi. May mà thầy trò không ai mệnh hệ gì. Chỉ tội nghiệp bàn ghế, gỗ ngói nát thân, phải chăng các em đã vô tình cầu nguyện cho những thứ vô tri vô giác ấy chết ? Chúng mang hơi hướm, chứa đựng một phần đời sống của các em nên chúng có hồn có cảm chứ, cái chết nào chẳng đau lòng, dù đất đá vôi vữa...

Kiên ngăm ngùi ngó những đứa học sinh ôm cặp đến lớp như thường lệ. Anh ngậm điều thuốc, hết buồn châm lửa hút.

Trời lạnh, ba cái xác chết còn tươi bỏ nằm tênh hênh trên bờ ruộng. Đám đông hiếu kỳ tản dần. Một người chỉ cái tử thi nhỏ thó, trẻ măng cỡ 15, 16 tuổi nói giọng tiếc rẻ :

— Tháng này là học sinh mới trốn đi theo nẫu, đại dột chết uổng. Tầy nhớ nó chứ ?

Kiên nhìn khuôn mặt thâm tái dính đầy máu cục bùn đất, lắc đầu bỏ đi.

PHẠM NGỌC LỮ

Đã phát hành :

MƯỜI HƯỚNG SAO

Thơ của : Vũ hoàng Chương — Hoàng trúc Ly — Thanh tâm Tuyền —
Phạm công Thiện — Trần thị Tuệ Mai — Cao Tiêu — Tô thùý Yên —
Bùi Giáng — Hoàng hương Trang — Lê phồ Đức.

Bìa của Nghiêu Đề — mẫu chữ của Văn Thanh. Quý vị ở tỉnh xa muốn có sách Bản Đặc Biệt xin liên lạc cơ sở xuất bản Nhân Chứng : 192 và 194 Lê văn Duyệt — Saigon

BASTOS *Luxe*



巴
士
多
金
牌
煙
多
地
超
等
名
貴
方

đúng ngày 20-4-71 tìm đọc :

TẠP CHÍ SÓNG

Bộ mới, số 1 với bài vở của :

Võ Hồng — Viên Linh — Cung Tích Biền — Vũ Thành An — Nguyễn
Bắc Sơn — Hạc Thành Hoa — Trần Hoài Thư — Lê Văn Thiện —
Thụy Miên — Nguyễn Lệ Uyên — Lê Văn Trung — Tần Vy — Lô
Tam — Chu Trầm Nguyên Minh...

Mong sự cộng tác của quý thân hữu và độc giả. Thư từ và bài
vở xin gửi về :

Tạp chí SÓNG 21, Hưng Phú — Sài-gòn

Con ngựa gỗ

Gia đình anh Bảo gồm hai vợ chồng, một đứa con gái lên hai đã biết đi, biết nói, và một người giúp việc.

Anh Bảo là một công chức hạng B, chị vợ là một cô giáo làng hưởng lương ngoại ngạch. Hai người lấy nhau đã ba năm và chị Ái, tên người vợ, đang chuẩn bị cho ra đời đứa con thứ hai.

Tính tổng cộng, lương hai người mỗi tháng cũng non mười sáu ngàn. Nhưng rồi tháng nào họ cũng bị túng quẩn, thiếu trước hụt sau, mặc dầu cả hai vợ chồng đã cố gắng dè sẻn đủ cách. Mỗi cuối tháng, anh Bảo gom cả hai tiền lương lĩnh được, tính sổ chi tiêu gia đình, món này vài trăm, món kia nghìn, nghìn rưỡi... tiền nhà, tiền góp nợ, tiền thuốc... chẳng tháng nào sổ chi, nằm dưới sổ thu; anh để ý, suốt hai năm trời, từ ngày chị Ái ở cữ con bé Quỳnh, thời giá tăng, vật dụng mắc mớ... tháng tương đối dễ thở nhất, sổ chi cũng trội hơn nghìn bạc, còn thì hai nghìn, ba nghìn, có tháng cả nhà thay phiên nhau bệnh, sổ chi trội lên đến bảy nghìn !

Nguyên nhân chính gây ra sự thiếu hụt thường xuyên đó là bởi ngày cưới vợ, vì muốn cho việc một-đời-một-lần được thể giá, anh Bảo đã phải vay thêm năm chục ngàn góp thành mười tháng, mỗi tháng sáu ngàn, để lo tiệc tùng, lễ vật. Anh dự trù lương hai vợ chồng dù có góp đi chừng ấy nợ, vẫn còn đủ tiêu với điều kiện tiện tặn, chịu

khó mỗi người một chút; nhưng rồi dự tính đó không thành, hai vợ chồng đã gặp nhiều trở ngại bất thường trong việc chi tiêu, và thay vì góp xong nợ trong vòng mười tháng, số tiền đó đã kéo dài dằng dặc một năm rưỡi rồi những tháng không góp được, nhất là những ngày chị Ái còn dạy xa thị xã, rồi ở cữ phải nuôi người, anh Bảo phải bấm bụng trả tiền lãi, lại còn năn nỉ vay riêng bà chủ nợ mười ngàn chịu lãi để ứng trước tiền ở cho người giúp việc. Tình trạng chi tiêu vì thế, không tài nào cứu vãn nổi trong một thời gian ngắn, kéo theo những ngày bí lối: tiêu trước trả sau và cứ khoảng chừng vài tháng, gia đình anh lại có thêm một món nợ mới độ dăm ngàn.

Lúc đầu, hai vợ chồng cũng muốn ngồi làm thử một bài tính để đoán trước ngày hết nợ, dư dật chút ít, nhưng mãi rồi không ai còn đủ can đảm theo dõi chuyện một óc đó nữa. Anh Bảo có tính gàn gàn, nhiều lúc bực trí quá, anh nói liều, chị Ái cũng thương chồng, chủ trương tới đâu hay đó, cứ lấy nợ nuôi nợ, thế nào cũng có ngày xong, miễn sao chạy chọt, xoay sở được ngày hai bữa, đói có cơm, đau có thuốc... là được.

Anh Bảo, nhờ trời, từ nhiều năm qua, vẫn mạnh, chỉ lâu lâu nhức đầu, đau bụng hay sốt nhẹ vài hôm, chị Ái và nhất là bé Quỳnh không tháng nào không tốn thuốc, chị Ái có bệnh dè

dày từ ngày con gái, tuy chưa đến thời kỳ nặng nhưng thỉnh thoảng vẫn phải có một hộp «Phosphalugen» trữ sẵn trong nhà, còn bé Quỳnh thôi thì đủ thứ bệnh của trẻ nít: sốt cảm bắt thường, mất ngủ, nhác ăn .. có điều an ủi hai vợ chồng là tuy thế, bé vẫn có phần dễ nuôi so với các trẻ cùng xóm.

Đạo sau này, càng lớn, bé Quỳnh càng kháu khỉnh và nghịch ngợm, giống y một bé trai. Hồi chị Ái mang thai, cả hai người vẫn ước ao và tin tưởng thế nào cũng sẽ sinh được một thằng cu đầu lòng, lấy vốn, như hầu hết tâm trạng của những cặp vợ chồng trẻ. Nay thằng cu không có nhưng có lẽ những ám ảnh về một đứa bé trai trong những ngày thai nghén đã tạo cho bé Quỳnh những ưa thích nam tính. Bé rất ham leo trèo, chạy nhảy, trong nhà, có được mấy khung cửa sổ, nó cứ đòi bẻ lên, đứng một chân trên xà ngang cao nhất, một tay giữ lấy chấn song, còn tay và chân kia thả lơ ra ngoài, múa máy, co duỗi từng nhịp, miệng không ngớt kêu «rin, rin» bắt chước tiếng máy xe Honda, rồi nhìn mẹ, ba hoặc người giúp việc đứng gần, bập bẹ :

— Chơi chon đây nè, chơi chon đây nè.

Ngoài mấy khung cửa sổ, bé còn được mấy hộp giấy rỗng, mấy cái chai đựng thuốc, cái lồng chim bằng nhựa non và con búp bê Nhật, nhưng anh Bảo thấy con rất lơ đãng với những trò chơi nhẹ nhàng.

Một hôm, bé chạy chơi, vô tình lạc sang nhà bên cạnh, thấy một chú bé lên ba đang thích thú cười một con ngựa sắt, bé ta nhất định đòi phi ngựa lấy

được, ai trông cũng cười ; chị Ái chiều con, phải dỗ đứa nhỏ nhường cho em một lát, được ngựa rồi. bé chẳng chịu rời, quên cả đói, cuối cùng, anh Bảo phải dọa bé đến khóc và hứa hôm sau sẽ mua ngựa cho, bé mới thuận về nhà.

oOo

Đêm hôm đó, bé Quỳnh như còn nhớ đến con ngựa sắt lúc chiều, nên ăn cơm xong, bé thỉnh thoảng lại trông sang sân nhà bên cạnh, không ồn ào như những đêm trước. Chị Ái bàn :

— Hay là còn mấy trăm, mai anh ra tìm mua cho con con ngựa gỗ, hồi trước em thấy thứ đó có nhiều lắm mà.

Anh Bảo ậm ự trả lời :

— Con gái mà nghịch quá, chắc cũng phải chiều con chứ.

Chị Ái sợ chồng buồn, không muốn nói thêm, mặc dù thương con ; từ ngày chung sống, lúc nào chị cũng nhận ra phản ứng của chồng rất nhanh. Việc sắm cho bé Quỳnh con ngựa lúc này, tuy rẻ tiền, nhưng cũng quan trọng chẳng kém gì việc may cho chị cái áo đất tiền hay anh cái quần vải tốt. Chị sức nhớ tới chuyện mua chiếc xe Honda năm ngoái. Năm ngoái, khi trả sổ nợ cũ gần xong, anh chị đã lại một phen quyết định ăn nhịn mặc để vay thêm ba mươi lăm nghìn, mua liều chiếc Honda dame, hai người nghĩ như thế, dầu sao, đã tiện cho việc đi làm, đi dạy, lại có tí vốn để phòng hờ. Tiền lương, vì vậy, vẫn không thoát được ngõ bí tiêu trước trả sau, nhấc là vừa mua xe xong, vật giá tăng vùn vụt, gấp đôi gấp ba trị giá đồng bạc cũ : chính sách nuôi nợ lại tiếp tục gây rối ren cho cái gia đình gồm hai

vợ chồng, một đứa con, một người giúp việc đó.

Món tiền mấy trăm, anh Bảo hiện có, thực ra, còn bao nhiêu việc chưa xài, ngày mai, tính ra, còn hơn mười ngày nữa mới đến kỳ lương mà sổ chi gia đình đã có moi vượt hẳn sổ dự trù; ba tháng qua, anh chị đã cố giữ cho mức thiếu hụt nằm trong khoảng một đến hai nghìn, bởi chị Ái đang cần tiền chuẩn bị cho vụ ở cử thứ hai, thiếu hụt nhiều hơn, khó bề xoay sở.

Anh Bảo nhìn con, nhớ lại những ngày còn độc thân, đối về một quận lỵ nhỏ, ăn cơm tháng có sáu trăm đồng, dạo đó lương anh chỉ năm ngàn tư một tháng, vậy mà dư tiêu, bây giờ thật chán. Hôm rồi, gặp một người bạn cũ trong quán nước, anh vừa hỏi thăm sao chưa cưới vợ đi mày, hẳn ta đã trả lời không kịp thở:

— Vợ con như cậu rồi lấy gì ăn? Trời sinh voi sinh cỏ hả? Tao ngán lắm, lương chưa tới mười ghim, tiêu cơm đã hết bốn, còn tiền này tiền khác, áo quần, cà phê, thuốc lá, bạn bè... Thôi, cho tao xin, chẳng thà hồi trước làm liều như cậu mà dễ, lúc này thú thật, tớ bắt kham!

Chị Ái thấy chồng ngồi im, muốn gợi chuyện làm vui nhưng chỉ ngại lỗ miệng, nhắc nhảm những chuyện bực mình, nên cũng im luôn. Anh Bảo ý chừng hiểu lòng vợ, bắt chuyện:

— Tiền nợ chiếc xe và các mối linh tinh cũng còn khoảng ba chục, hay là mai anh sang điều đình với O Thí hỏi thêm ít nữa, nhân tiện sắm sửa đồ dùng cho em, cho con rồi mình góp tiếp?

— Biết O có đồng ý chăng?

Anh cũng ngại ngại, nhưng ta cứ rần thử, em chắc cũng biết tháng này mình

còn kẹt mấy cái giò nữa.

— Tiền lắm cũng năm nghìn.

— Hay anh bán xe?

— Thôi anh, bán dễ chứ mua khó lắm, chẳng lẽ vì cần con ngựa cho con mà anh cưa chân sao?

— Thì mua mỗi đứa chiếc xe đạp vậy.

— Phiêu lưu lắm, vả em thấy cũng chưa bức bách gì mấy. Bé Quỳnh, này giờ ngồi yên, không nghe ba mẹ nói gì đến mình, bật khóc, đòi ấp ngủ. Anh Bảo cũng bỏ sang học bàn tìm tờ báo nằm đọc, nhiều lần anh đã định mua chiếc ghế bố ngủ riêng nhưng chị Ái hện (lại hện) hôm nào có thêm đứa nữa rồi hay.

Trong đêm khuya, bé Quỳnh nhiều lúc trở dậy khóc, chị Ái lại vỗ về:

— Ngủ ngoan đi, mai ba mua cho con ngựa gỗ.

oOo

Câu chuyện ngựa, xảy ra, như vậy đã hai tuần dư, nhưng rồi bé Quỳnh vẫn chưa có ngựa, anh Bảo đã ra phố tìm mua cho con con ngựa gỗ nhưng tuyệt nhiên không thấy tiệm nào bày bán, chỉ có ngựa sắt, mỗi con giá một nghìn ba, Anh đoán có rẽ cũng phải trả hơn nghìn mới mua được: Chị Ái chẳng biết tính sao, mỗi lần bé khóc, lại lập lại câu hứa cũ nhưng không cho bé chạy sang nhà hàng xóm nữa. Hôm lĩnh lương, hai vợ chồng xoay sở được ít tiền. đã để dành cho bé, nhưng bất thần, bé ngã bệnh mất tuần, số tiền xoay được, đi đóng.

Việc qua nhà O Thí, bà chủ nợ, anh Bảo đã hết lời nhưng bà không thuận, viện có những món tiền cũ đọng lại còn nhiều, không thể đưa thêm. Chị Ái ngổ ý với chồng muốn xin việc làm phụ

nhưng thấy vợ đã nhọc nhằn quá, lại đang gần ngày sinh, anh Bảo gạt đi, anh nói nếu muốn kiếm thêm tiền, dễ lắm, nhưng những công việc đó, vợ chồng chúng ta không thể làm. Bữa kia, anh đã định nói với thằng bạn học cũ xin cho chị chân bán thuốc trong «Pharmacie» của hân nhưng nghĩ lại thấy bất tiện, nên thôi. Câu chuyện chiếc xe lại xuất hiện bên lề câu chuyện ngựa. Chị Ái nghĩ giá còn ít tư trang, chị chẳng tiếc, nhưng khi ở cử bé Quỳnh dậy, yếu quá, chị đã phải bán hết để thuốc thang rồi. Cha mẹ đôi bên cũng chẳng dư dật gì, vả lại, chị nghĩ, đã không phụng dưỡng tài bồi thì lý đâu lại về nhà cày.

Đêm đêm, nằm bên chồng, bên con, nhớ tới cái thai trong bụng, tình cảnh gia đình. Chị Ái biết hai người, còn phải nhọc nhằn lâu. Thuở con gái, yêu anh, chị đã rõ anh là người tay trắng, cha mẹ chị cũng không muốn gả chị cho anh, nhưng chị kêu ca mãi, thét rồi ông bà cũng bó buộc nghe con. Câu nói của mẹ lúc anh Bảo đến làm lễ hỏi, chị nghe như còn gần gũi đâu đây !

— Mày lấy nó, sau có khổ thì đừng trách mẹ, trách cha nhé ! Quả thật, lời nói đó, lúc này đã ứng, nhưng chị vẫn thấy như ở đó là tất cả những gì đáng cho chị kêu hân âm thầm về tình yêu nồng thắm giữa hai người ngày trước, cũng như hân diện với đám bạn bè quanh chị. Bọn con Trà, con Loan, chưa đói rách đã bỏ chồng, bỏ con đi lấy Đại hân, lấy Mỹ, gặp chị lúc nào cũng khoe giàu, khoe sang, còn ngỏ ý hỏi chị có cần chúng giúp đỡ tiền bạc ít nhiều hay xin cho chị việc làm ở sở Mỹ. Anh Bảo biết rõ những chuyện đó, tuy xót xa cho sự nghèo khổ, thiếu sót của mình,

nhưng anh vẫn bó tay chịu trận, và đêm đêm, anh lại chẳng biết làm gì hơn, tìm những câu an ủi, gieo mầm hy vọng cho vợ mình về một ngày thái lai phải tới.

oOo

Anh Bảo châm thêm một liều thuốc, cố dần sự nao nức Bên cạnh anh, bé Quỳnh đứng vãn về chéo áo đầm, nheo kẻo bơm bơm. Chị Ái đã vào đây từ khuya. Chị tính với anh còn hơn tháng nữa mới sinh vậy mà hồi đêm đang ngủ, chị bỗng nổi cơn đau bụng, đến khuya cơn đau càng gắt Anh phải đưa chị đến đây, sợ có tai biến gì. Cô đỡ nghe anh nói, cũng tưởng chị gặp khó khăn nhưng khi khám kỹ, cô chỉ cười bảo anh cứ về nhà, để yên một lúc đến sáng, thế nào chị cũng sinh.

Bé Quỳnh, từ lúc mẹ dậy, đi nhà hộ sinh, nhất quyết ngồi khóc, anh Bảo dỗ gì cũng không nín. Bà chủ nhà bên cạnh, có lẽ biết chị Ái đã đi sinh, mở cửa hỏi thăm rồi đưa cho bé Quỳnh mượn con ngựa. Quả nhiên bé vui đùa trở lại, không khóc nữa, Anh Bảo không ngờ con mình lại mê ngựa đến thế. Trong thoáng chốc, ý nghĩ bán xe lại lờn vờn qua đầu ; lâu nay, một vài người bạn cùng sở, biết anh có ý bán xe, đã gạ mua với giá năm chục ngàn. Anh cũng muốn bán phứt cho xong nhưng sợ vợ buồn, vả cũng không gấp lắm. Đến giờ, chị Ái đã sinh sớm, lại vào nhà hộ sinh tư, xoay đầu ra tiền cho kịp, và bởi thế, sáng nay, trước khi đưa bé Quỳnh đến thăm mẹ, anh Bảo đã ghé lại nhà một người bạn cùng sở muốn mua xe anh...

Anh nhìn đồng hồ, liều thuốc thứ hai sắp hết, bé Quỳnh hỏi :

— Mẹ đi để em bé há?

Anh Bảo vuốt tóc con, chưa trả lời, cánh cửa phòng chợt mở, cô đỡ nhìn anh, vui vẻ;

— Ông có một cháu trai rồi.

Anh Bảo bật thẳng người như cái lò so:

— Cháu có khoẻ không, thưa cô?

— Thiếu tháng mà vậy là khá rồi.

Anh nói cảm ơn rồi đẩy cửa bước vào. Chị Ái đang nằm, nhận ra chồng, con, vẻ mừng rỡ lộ trong lời nói:

— Anh chờ có lâu không?

Anh Bảo bế bé Quỳnh lên hôn mẹ, quay qua nhìn đứa nhỏ nằm ngủ trong nôi.

— Gớm, em làm cha con anh sốt ruột quá.

Chị Ái trách yêu chồng:

— Anh vô duyên thật, ai biết thiếu tháng đâu.

Chị nhìn con, hỏi thêm:

— Chắc nó khóc dữ lắm?

— Nhờ con ngựa bác Hữu cho mượn mới nín đó.

Chị Ái giọng buồn buồn; hôn con:

— Ba mẹ hứa trăng hứa cuội với con mãi.

Anh Bảo rút xếp giấy bạc còn nguyên, đưa ra, đùa với vợ:

— Thôi, yên chí lớn đi, trưa nay bé khánh thành ngựa mới rồi, ngựa sắt đang hoàng chứ không phải ngựa gỗ đâu.

Chị Ái cầm chặt tay chồng, rơm rớm nước mắt.

Trong đôi mắt dịu dàng của vợ, anh Bảo đọc thấy tất cả niềm cảm thông sâu xa nhất như từ trước đến nay anh chưa từng bắt gặp; nợ nần, tiền mua ngựa cho con, tiền chi tiêu cho vợ sinh... sẽ có hết, vậy mà lâu nay sao anh không quyết định, cừ mãi chần chờ. Anh cúi xuống trên đôi mắt vợ ướt sương.

Bên ngoài, nắng của một ngày mới cũng bắt đầu tung tăng.

LÊ-BÁ-LĂNG

(tháng 6-70)

Tìm đọc:

HÌNH NHƯ LÀ TÌNH YÊU

tuyên truyện đầu tay của HOÀNG NGỌC TUẤN

Tác giả của truyện dài TUỔI TRẺ HƯ KHÔNG hiện đang trên Bách-Khoa.

QUAN VĂN xuất bản — Bìa Đinh-Cường



tác phẩm mới

do nhà An Tiêm xuất bản

- ★ **THIỀN LUẬN** của Suzuki
Trúc Thiên dịch
- ★ **CỐT TỦY CỦA ĐẠO PHẬT**
của Suzuki, Trúc Thiên dịch
in lần thứ hai, có hiệu chính
- ★ **SỐNG THIỀN**
của H. Herrigel Trí Hải dịch
- ★ **SÁU CỬA VÀO ĐỘNG THIẾU THẬT**
của Bồ Đề Đạt Ma
Trúc Thiên dịch
in lần thứ hai, có hiệu chính

Các sách trên do nhà ĐỒNG NAI phát hành

Thơ do An Tiêm xuất bản :

- ★ **TA ĐỢI EM TỪ BA MƯƠI NĂM**
tuyển tập thơ «Tình Yêu» của Vũ Hoàng Chương
in lần thứ hai
- ★ **CHUYỂN MỘT HƯƠNG SAY**
thơ Trúc Thiên
một tập thơ có nhiều «cái lạ»

GIÃ TỪ

Thơ HẠ ĐÌNH THAO

tặng Ngọc-Lang

- xin chào mi, hỡi núi rừng trung-việt
ta đã qua và ta đã dừng chân
ta đã nhiều đêm giấc ngủ chấp chờn
những tối trăng sao không buồn ló dạng
những tối nghe mưa lòng sầu vô hạn
những hạt mưa như nước mắt mẹ già
những hạt mưa lạnh buốt cõi lòng ta !
- xin chào mi, giã từ ta xuống núi
gởi lại bàn tay với máu hồng tươi
gởi lại những đêm thao thức ngậm ngùi
xanh lá nhớ từng chiều mưa sầu thảm
xanh dáng mẹ phương xa hằng vắng vắng
và bóng hồng một thuở đã lênh đênh
- xin chào mi, như một lần ta đã đến
của một ngày có gió rất bàng khuâng
của một đời ta bỗng thấy ngại ngần
cái gian khổ khi làm người lính chiến
cái tăm tối khi mặt trời vụt biến
«ta bỗng điên và cười hát nghêu ngao» (1)
ta bỗng thêm một tiếng nói ngọt ngào
như lời mẹ dỗ dành ta thuở bé
như gió nhẹ của những chiều nắng xé
ta nô đùa trên nội cỏ đồng quê
ngày yện vui xưa đi mất chưa về !
- ta chào mi, hỡi núi rừng trung-việt
những hố, những hầm đã che chở đời ta
hẹn một ngày kia ta sẽ đi qua
sẽ thăm lại những hình hài quê mẹ
sẽ thăm lại bàn tay ta đã để
trên ngọn đồi một-trăm-bảy-ba
hy vọng một ngày tươi sáng không xa

(bệnh-viện Q.T th. 3-71)

(1) thơ Đ.T.Ca

CHỖ ĐỨNG

Thơ Ý YÊN

- không ai thay được
diện tích nhỏ nhoi tôi đang chiếm này
một chỗ đủ nường hai chân
khoảng không vừa cho thân thể
không ai nói được
như thanh điệu lời tôi
cảm xúc như tôi theo những buồn vui...
- tôi tìm về hoài cho lòng đỡ nhớ
(nhưng không bao giờ gặp lại)
dáng nón che vai con đường Mùa Thu
hương dậu chỉ một lần nào đã thơm
thác tình chỉ một lần nào đã đổ
vun nửa đời qua tôi bằng tri nhớ
nuôi nửa đời sau tôi bằng bờ ngỡ
hạnh-phúc mình tôi chỉ riêng tôi nhìn...
- thuộc lòng đời tôi như những mẫu tự
những chữ khó thay nhau
nhưng cũng vô duyên đứng riêng một chỗ
vì thế cho nên nhiều cây mới tạo nên rừng
nhiều người hợp thành một nước
đất và gió ngàn liên kết cây rừng
lúa gạo, tình yêu dựng thành xứ sở
xứ sở có riêng một quá trình
riêng giòng lịch sử với nhục cùng vinh
riêng những huy hoàng không gì thay thế
chỉ hiểu riêng mình
bằng gió tinh thần hơn ba mươi triệu con dân
- những triệu con dân có riêng ngôn-ngữ
liu lo như chim từ mấy ngàn đời
trên riêng hình chữ S này
cùng những phong thổ
có gió hiu hiu như niềm là nhớ

dáng nón của riêng Mùa Thu
sáo diều của riêng Mùa Hạ

- những câu hò chỉ đẹp nơi đồng này
bưởi chỉ ngọt ven sông này
quế chỉ thơm nơi rừng này
và cả nền trời cao ấy
đã theo chu kỳ mang đến từng mùa
(không như nơi nào khác)
tia nắng đầu tiên trong ngày
vàng trắng mang hơi của biển
sáng soi bao lơn này
trước những Biển-hồ, Vọng-các, Pa-ri
và chính những địa danh kia
mang dáng nét riêng không gì thay thế...
- như đất nước tôi
cần những điều-kiện riêng
để sống còn
như một thân thể.



Trên tà áo gió

Thơ TRẦN-THỊ TUỆ-MAI

Tên người, một thoáng nghe qua
tên người một thoáng, gọi ta một đời
mắt sao còn giọt thăm rời
lòng sao còn quặn bồi hồi phạn nhau.

Không, tôi không muốn tôi sầu
không, tôi không muốn tôi đau nỗi người.

Trên tà áo gió bay lơ
hoa trắng đã rụng, tay người đã buông
xứ nào còn ngát trầm hương
cành thơ rắc xuống hàng hàng lá duyên
cho đều nhịp máu hồi tim
cho say cánh mộng bay nghiêng vào đời.

Thơ cho con đầu lòng

Thơ MANG VIÊN LONG

Còn một tháng mười ngày Con sẽ được sinh
Con sẽ không còn hành hạ Mẹ nôn mửa
Chín tháng mười ngày Mẹ xanh như tàu lá
Bao bọc nuôi Con trong hạnh phúc bằng hoàng

Còn một tháng mười ngày Con sẽ được sinh
Con sẽ không còn rầy đập trong bụng Mẹ
Từng đêm Cha hết lắng nghe Con trằn trọc
Thấy thương Con mà sao đau xót vô vàn

Còn một tháng mười ngày Con sẽ được sinh
Sinh con trong nhà thương dân y quận lý
Nơi lạc lõng từng quần của những bà Mẹ
Mong đợi con yêu mà nước mắt chảy ròng

Còn một tháng mười ngày Con sẽ được sinh
Con sinh giữa nhọc nhằn, sinh trong thù hận
Đạn pháo kích, hỏa châu, đón Con có mặt
Bom nổ từng ngày ru giấc ngủ Con thơ

Còn một tháng mười ngày con sẽ được sinh
Cha làm nghề dạy học nên chi nghèo khổ
Yêu quý Con mà tặng vật chẳng có gì
Ngoài trái tim chai mòn nhưng rất tha thiết

Còn một tháng mười ngày Con sẽ được sinh
Đã lâu không làm thơ, nhưng Cha cũng viết
Bài thơ sầu bên những ly rượu thanh xuân
Gửi tặng Con; Ôi, đưa con đầu khổ nhục

tặng con và gửi em
15.02.71

TUỔI TRẺ HƯ KHÔNG

7 / Truyện dài HOÀNG NGỌC TUẤN

(tiếp theo BK số 343)

Đến Sài Gòn cũng vào buổi chiều. Tôi choáng ngợp vì muôn ngàn tiếng động âm ỉ của đô thị quay quanh người. Xe cộ hối hả phóng ngang dọc, dồn cục nghẹt ứ ở những ngã tư, không khí bức bối đầy bụi khói vì gần như không còn thấy bầu trời đâu nữa.

Vây kín chung quanh tôi, nhà cửa đồ sộ chi chít chen chúc nhau, có cái vẻ hỗn tạp muôn màu đến phải chóng mặt. Tôi ngạc nhiên vì ở tỉnh nhỏ mà tôi vừa giã từ, chỉ nhìn băng quơ đâu đó cũng thấy trời xanh, rừng núi và thoang thoảng mùi biển. Nhưng ở đây, nhìn nơi đâu cũng chỉ thấy phố xá và người, chuyển động bất tận, như một hoạt cảnh trong đó những diễn viên thi nhau múa may tay chân không ngớt. Nhạc đệm là đủ thứ tiếng còi xe inh ỏi, tiếng máy nổ ào ào của hàng ngàn thứ xe cộ đang vội vã phóng chạy trên đường.

Chiếc xe đồ dừng lại ở bến gần một Ngã Bảy, tấm bảng xanh ở góc đường đề rõ tên đường: *Pétrus Ký*. Tôi liếc nhìn thấy ông Hiền nhăn mặt bức bối khi bước xuống xe, chiếc khăn tay lau mồ hôi trên trán với vẻ nóng nảy. Tôi cầm chiếc xác tay, ngo-

ngác đứng giữa bến xe, bối rối từ chối một đám tài xế tắc xi đang bu lại mời đi, có kẻ còn định giằng lấy hành lý của tôi. Ông Hiền nhìn tôi, nhún vai gọng nói có vẻ mai mỉa:

— Đó, Sài Gòn thần tượng của chú đó. Đứng mà chiêm ngưỡng bụi xe và mùi mồ hôi đi.

Tôi bức mình cố thoát ra khỏi đám người bán dạo đang vây chặt mời mua đủ thứ đồ linh kinh. Cuối cùng tôi cũng vào được dưới mái hiên che nắng của một quán cà phê ba Tàu. Mồ hôi thấm ướt lưng áo tôi nhưng tôi không để ý gì đến mình nữa, có lẽ chiếc áo đang mặc đã nhàu nát và bám đầy bụi đường dơ bẩn.

Tôi thích thú đứng nhìn tất cả những gì chung quanh. Khói đen bốc lên xa xa từ những tòa nhà. Người như kiến bám đầy ở khắp nơi, trong những cửa sổ của các tòa building, trong quán nước bàn ghế đặt tràn ra ngoài vỉa hè, chen lấn nhau trong những chiếc xe *bus* màu da cam nặng nhọc chạy qua.

Bây giờ vào khoảng 6 giờ. Chắc mọi người đang hối hả trở về nhà, bằng mọi cách nhanh nhất để lát nữa, cơm nước xong xuôi, lại vội vàng đua nhau phóng đi chơi phố.

Ông Hiền tiến gần bên tôi.

— Bây giờ chú về đâu ?

Tôi không trả lời được. Suốt hai ngày dường trò chuyện. Ông Hiền bây giờ có vẻ như một người bạn thân thiết. Tôi vẫn chưa biết gì về ông nhưng cái tài khơi chuyện của ông ta khiến tôi không dấu diếm được điều gì. Tôi đã kể cho ông nghe tất cả mọi chuyện về tôi, về đời sống cũ, về chuyến đi này và những dự tính lóng bông rồ dại.

Ông Hiền lại nói :

— Thôi, chú về nhà tôi ở tạm ít bữa đã.

— Không được đâu.

— Tại sao ? Có gì mà chú phải ngại. Tôi muốn giúp chú, ít ra trong những ngày đầu tiên ở xứ lạ.

Tôi bối rối, nhưng vẫn lắc đầu :

— Như thế không ích gì. Trốn ra khỏi một gia đình rồi lại chun đầu vào một gia đình khác. Nếu thế thì chuyến đi này sẽ trở nên vô nghĩa.

Ông Hiền đứng im lặng, mặt có vẻ ái ngại và lo lắng cho tôi, điều này làm tôi ngạc nhiên và hơi xúc động. Nhưng tôi không muốn đầu hàng trước những tình cảm nhỏ nhặt đó. Có tình yêu nào gắn bó bằng tình yêu của tôi đối với mái nhà, biển cả, đối với Mỹ Cơ và với Đình. Thế mà tôi đã dứt khoát giã từ những thứ ấy, không lẽ bây giờ lại ràng buộc vào một người đàn ông xa lạ này, dầu cho là một người đứng tuổi đáng tin cậy và tốt bụng như ông Hiền.

Bóng mát của chiều tà dần dần buông xuống trên đường phố. Những

hoạt động của đô thị như chậm chạp dần, ngọn đèn đường bật sáng từng đốm nhỏ trên cao dọc theo vỉa hè.

Ông Hiền định nói thêm một điều gì nữa, nhưng tôi đã ngăn lại, quả quyết đưa tay ra bắt tay ông và nói :

— Bây giờ tôi phải đi. Có lẽ sau này tôi sẽ tìm đến anh, nhưng bây giờ thì chắc chắn là không.

Ông Hiền khẽ thở dài, nắm lấy chiếc cặp da. Ông đứng tần ngần một lát rồi cho tay vào túi áo, tôi tưởng ông sẽ nhồi thuốc lá vào tàu đề hút một hơi như thói quen. Nhưng ông chỉ đưa tôi một mảnh giấy nhỏ.

— Địa chỉ và số điện thoại của tôi. Bất cứ lúc nào chú cần việc gì, cứ đến. Và tôi mong chú đến tôi sớm hơn.

— Cảm ơn anh. Tôi sẽ đến anh, còn bây giờ tôi muốn thử thách bằng mọi cách, lao đầu vào mọi chuyện.

Ông Hiền lắc đầu :

— Thật vô ích. Đề làm gì ?

— Tôi cũng chưa biết...

Ông Hiền mỉm cười với tôi, ông quay đi đón một chiếc xe tắc-xi vừa trở đến. Tôi đưa tay vẫy chào ông và nghe thoáng tiếng nói có vẻ đùa cợt như thường lệ của ông vang lên, nhưng lần này không làm cho tôi bức mình hay bật cười được.

— Thôi, tạm biệt «nhà chinh phục». Mong gặp lại chú.

Tôi gật đầu. Chiếc xe mang ông Hiền thoáng chốc mất hút trong bóng chiều đầy tràn xe cộ di chuyển trên đường.

Bây giờ tôi mới thực sự còn lại một

mình trong thành phố vĩ đại và lạ lùng này. Tôi hơi nôn nao bồn chồn trong bụng một chút, nhìn thấy hàng trăm khuôn mặt thân nhiên của những người lạ đi qua trước mắt. Không ai để ý đến tôi, ở đây có lẽ không ai bận tâm chú ý gì đến ai cả, mọi người đều vội vã với công việc hay thú vui riêng của mình.

Một thằng bé trạc mười tuổi lân la đến, mời tôi mua những tấm hình chơi 36 kiểu. Tôi ngạc nhiên nhìn khuôn mặt ngờ nghệch của nó và nghĩ đến bọn nhỏ cùng tuổi với nó chỉ biết nô đùa đuổi bắt nhau trong xóm chài lưới.

Tôi từ chối mặc dầu cũng thấy thích động vì những tấm hình đàn ông đàn bà trần truồng đang quấn lấy nhau, trên bàn tay nhỏ xíu của thằng bé con.

Tôi gọi một chiếc xích lô máy. Ánh sáng mặt trời đã mất hẳn sau dãy phố xá. Sài gòn vào đêm, loang loáng ánh đèn xanh đỏ.

4 - MỘT ĐÊM *

Đến tối hẳn, tôi mới tìm được nhà trọ theo địa chỉ trên báo. Chiếc xích lô máy rú từng hồi, chạy qua không biết bao nhiêu con đường lạ lùng hun hút đối với tôi. Những cột đèn đường thoăn thoắt chạy ngược chiều. Ngọn đèn ở những ngã tư chập chờn ba màu xanh vàng đỏ. Đèn xe hơi quét từng vệt sáng nháy múa tung bừng trước mặt tôi. Thông thường, một cảnh tượng náo nhiệt linh động như thế này làm tôi vui mắt lắm, nhưng bây giờ đã tối rồi, và tất cả chung

quanh đều là cái bóng đen xa lạ nên tôi hơi lo lắng trong bụng.

Chiếc xe tấp vào một đầu con ngõ hẹp và tắt máy. Tôi phải đi bộ vào trong ngõ để tìm đến nhà trọ. Con đường này rất ít ánh sáng, bên kia đường bóng dáng sừng sững im lặng của một ngôi nhà thờ, và không còn nghe tiếng chuông ròn rã đồ.

Lần dò từng bảng số trước mỗi nhà, đi bộ vào sâu hơn trăm thước, cuối cùng tôi tìm được đúng căn nhà cần thiết.

Một căn nhỏ không khác gì dãy nhà bên cạnh. Đằng trước có một đám thanh niên đang ngồi gác chân lên hàng rào bằng xi măng. Bọn họ đang nói chuyện, cãi vã với nhau gì đó ầm ĩ, khói thuốc lá nực mùi bay trong không khí. Tôi tiến gần lại, đứng tần ngần trước nhà và liếc nhìn bọn người cũng đang quan sát tôi, một vài đứa trông trạc tuổi tôi.

— Xin lỗi...

Tôi nói chưa hết câu, có giọng của một người nào đó mặt nhọc cắt ngang :

— Bà chủ ở trong nhà. Cứ vào đi.

Tôi nói một tiếng cảm ơn rồi bước vào nhà thật nhanh, nhưng vẫn kịp nghe một câu nói lào xào phía sau mình.

— Lại thêm một thằng đến ở trọ. Quái thật, cái gác bần thiêu này sao lại đắt khách thế...

Một người đàn bà mập phịch phịch đang ngồi xem Tivi, tuồng cải lương đang đến hồi gay cấn, một chàng kiếm khách nào đó nhăn nhó ôm lấy ngực đâm máu bị đâm một lưỡi kiếm, đang

* Chương trước là : 1) Biển đêm tiếng gọi vào nhà. 2) Mỵ Cơ. 3) Khi nghe tâm hồn căng cánh bướm xanh.

gân cổ cất lên giọng ca nào nùng ai oán.

Người đàn bà giặt mình quay nhìn tôi, tay vẫn phất xoành xoạch chiếc quạt. Tôi bỗng thấy nóng bức vô cùng, tôi lí nhí nói với bà ta ý định thuê phòng trọ của tôi.

Bà chủ nhà giương đôi mắt khá lớn quan sát tôi từ đầu đến chân, nhưng không tỏ vẻ thắc mắc hay ngạc nhiên gì hết. Chắc là bà đã quen thuộc với cái cảnh này. Bà ta nặng nhọc đứng dậy, lại vắn nhỏ bót âm thanh từ máy truyền hình.

— Cậu ngồi xuống đó đi.

Tôi không thấy chiếc ghế nào hết đề ngồi. Bà chủ nhà có vẻ không đề ý đến tôi nữa. Bà ta tìm một cuốn sổ nào đó bắm đầy bụi dưới gầm giường, và vừa chăm chú xem tiếp vở tường cái lương, vừa nói cho tôi biết giá cả phòng trọ ở đây.

— Cậu ở không hay là ăn cơm nữa.

Tôi mừng rỡ đến rất nhanh những ngày lang thang không giờ giấc giữa thành phố này của tôi.

— Thôi, tôi ăn cơm cũng được.

— Cậu đóng tiền trước đi. Ở đây không có phòng riêng. Cậu sẽ ở chung với một người nữa trên gác.

Bà chủ nhà đếm tiền rồi bỏ vào túi áo có cây kim băng gài lại. Bà ta uể oải đi ra phía sau nhà.

— Theo tôi.

Bực thang gỗ rung rinh và kêu lên những tiếng động theo bước chân của bà chủ nhà. Ở gác trên tối tăm, không có một bóng điện nào ngoài hành lang nên tôi vấp phải một chiếc ghế gỗ nào

đó vứt bừa bãi trên sàn gỗ. Có vài chiếc khăn lông và áo may-ô treo trên sợi giây thép.

Bà chủ nhà nói với tôi, không quay đầu lại :

— Phòng tắm ở dưới nhà, phía sau. Ở đây đông người thiếu nước, áo quần cậu phải bỏ giặt ngoài tiệm giặt ủi. Ban đêm đúng 10 giờ là đóng cổng, đi chơi phải về trước giờ đó.

Dừng lại trước một cánh cửa gỗ đóng kín, ánh sáng vàng vọt từ trong hắt ra theo những kẽ nứt, bà chủ nhà nhìn vào tôi, nói một câu cuối cùng :

— Bạn bè thỉnh thoảng đến chơi cũng được, nhưng không được làm ồn ào và cấm không cho ai ngủ lại. Nhất là không được đem gái về phòng, cậu nhớ chưa ?

Tôi mỉm cười và gật đầu. Bà chủ nhà gõ mấy tiếng vào cánh cửa. Có giọng đàn ông ngái ngủ bực bội kêu lên.

— Ai đó ?

— Cậu Ngọc mở cửa đi, có người mới sẽ ở chung phòng với cậu.

Không đợi cửa mở, bà chủ nhà quay mình đi xuống nhà dưới liền.

Cánh cửa kéo kẹt mở ra, nhưng không có người nào ở đằng sau cửa. Chỉ có tiếng nói :

— Vào đi, bạn.

Người ở chung phòng với tôi may mắn không phải là một ông già hay một thằng bé con. Gã thanh niên đang ngồi lười biếng dựa người đu đưa trên ghế hai chân gác lên bàn, chiếc giấy của hắn đề lên đồng báo và giấy má, những bao thuốc lá bị vò nát vứt lung lung.

Tôi chưa bao giờ thấy một căn phòng nào bê bối như thế này. Áo quần vứt vèo khắp nơi, trên thành ghế và có cái quăng dưới sàn nhà. Những chai bia đứng tàn thuốc lá, nhan nhản những màu thuốc hút dở vương vãi khắp cả. Những bức hình đàn bà khỏa thân cắt từ báo ngoại quốc, dán bừa bộn trên vách, bên cạnh một cuốn lịch ghi năm tháng cách đây đã hai ba năm.

Gã thanh niên thờ ơ nhìn tôi. Tôi cũng chưa bao giờ thấy một thằng nào có bộ tóc dài như hăn, gáy phủ xuống tận vai, tóc che kín trán và miệng hăn bao quanh một bộ râu mọc lồm ngồm vô trật tự. Nhưng dù sao, ánh mắt của hăn có một chút gì thân thiện vui vẻ, và hăn cũng đồng lứa với tôi, chắc có lẽ chỉ lớn hơn hai ba tuổi là cùng. Hăn đưa tay ra bắt, miệng nhếch mép cười theo điệu của những tài tử trên màn bạc.

— Ở đâu lại mò đến đây?

Tôi lúng túng không trả lời, ngồi xuống chiếc giường bố dơ bẩn. Lát sau tôi giới thiệu tên tôi theo như ý muốn của hăn. Hăn hơi nhướng mắt, châm một điếu thuốc lá nằm vắt vẻo trên miệng.

— Nếu mày ở đây lâu thì trước sau gì tụi mình thân nhau. Xưng hô bằng «mày, tao» cho tiện. Mày chịu không?

Tôi chỉ cười, nhớ lại ông Hiền và nghĩ rằng ở nơi xa lạ này, người ta chống thân mật nhau thật. Hăn tiếp tục:

— Chắc con mẹ Tám Mập đã cho mày biết tên tao rồi.

— Tám Mập? Ba chủ nhà đó...

— Đúng rồi. Ở đây lâu rồi mày cũng sẽ gọi con mẹ đó là Tám Mập như mọi người khác.

— Tao tên là Ngọc. Chớ thật, cái tên có vẻ đàn bà quá. Ở đây tụi nó đều gọi tao là Ngọc-Đức để phân biệt với hàng trăm đứa con gái mang tên Ngọc.

Tôi bật cười vì cái tên ngộ nghĩnh của gã thanh niên này. Ngọc Đức cũng cười dễ dãi, hăn đứng dậy dùng chân xua một đồng rác rến và đủ thứ đồ lặt vặt qua một góc phòng. Hăn nói!

— Tao ở nửa phòng bên trái, mày ở nửa phòng bên phải. Ghế bố đó là phần của mày, ở đây nặng lắm nên tao chỉ thích ngủ trên chiếu.

Ngọc Đức chợt nhìn thấy hành lý tôi mang theo chỉ là một chiếc xác tay nhỏ bé. Hăn hơi ngạc nhiên nhưng rồi tiếp tục nói:

— Mày có đồ đạc gì thì cất chung trong tủ gỗ này.

— Cũng không có gì nhiều.

— Chắc mày ở xa đến đây phải không?

— Khá xa, tận ngoài Trung.

Ngọc Đức gật gù, hăn mời tôi một điếu thuốc và có vẻ thích thú khi nhìn thấy tôi hút một cách ngon lành.

— Mày tìm được chỗ trọ này chắc cũng khá rảnh về Sài-Gòn rồi.

— Không... tao đọc trên mục rao vặt.

Tôi hơi ngập ngừng khi xưng «tao» với Ngọc Đức, nhưng hăn không để ý. Tôi nói tiếp:

— Đến bây giờ mới biết Sài-Gòn, lần đầu tiên.

Ngọc Đức à lên một tiếng thích thú. Hăn nói với giọng điệu khôi hài:

— Vậy tao có bốn phận phải hướng dẫn mày đi chơi rồi. Tốt lắm, tối nay may mà tao được nghỉ. Chốc nữa theo tao xuống phố làm một vòng cho biết.

Nói xong, Ngọc Đức ngấm nghĩa bộ vó của hăn trước một tấm gương nhỏ, loại kính chiếu hậu của xe gắn máy.

HOÀNG NGỌC TUẤN
(Còn nữa)

Trong những ngày vừa qua các sự kiện quan trọng trên thế-giới đã diễn ra tại Á-châu nhiều nhất. Vì vậy mà các quan-sát-viên đã đặc-biệt chú-trọng tới lục-địa này, đến nỗi quên cả những chuyện xảy ra tại các vùng khác. So với các biến chuyển ở Á-châu hiện nay mỗi lửa chiến tranh Trung-Đông cũng bị lu mờ.

Trước hết là cuộc nội-chiến vẫn tiếp diễn tại Hồi-quốc. Cuộc chiến-tranh ly-khai tại Đông-Hồi đã khiến con số nạn nhân lên tới 25.000 người.

Ngoài Hồi-quốc, Tích-lan cũng còn đang gặp phải những khó khăn nội-bộ khó giải quyết khiến chính-phủ của nữ Thủ-tướng Sirimavo Bandaranaike trở nên hết sức lung lay.

Sau hết tại Kampuchea, Tướng Lon Nol sau nhiều ngày chữa bệnh trở về đã phải đối phó với một cuộc khủng hoảng nội-các đến ngày nay vẫn chưa được giải quyết.

Tuy nhiên các biến chuyển tại Á-châu cũng không làm cho người ta quên những cuộc biểu tình phản chiến tại Hoa-kỳ hiện nay. Người ta tự hỏi những cuộc biểu tình này sẽ có những hậu-quả gì đối với chính-sách Việt-nam của Tổng-thống Nixon.

Nội chiến tại Hồi-quốc

Cuộc nội chiến vẫn tiếp tục diễn ra tại Đông-Hồi. Hơn nữa cuộc nội chiến này còn bước vào một giai đoạn

tàn sát hết sức dã man. Quân đội của chính-phủ trung-ương đã luôn-luôn thắng trận. Sau hơn một tháng phong trào Bengali tự do gần như đã bị thất bại hoàn toàn về mặt quân sự. Quân đội Hồi đã lợi dụng chiến thắng của mình để dập tắt mọi mầm nổi dậy trong tương lai, nên họ đã không ngần ngại trước một cuộc tàn sát nào. Họ bắt các người Bengali ra khỏi các nơi trú ẩn và dùng súng đại-liên để thủ tiêu. Họ để lại những xác chết của đối phương làm mồi cho điều hâu và chó hoang.

Quân đội Hồi còn nhận được lệnh dùng súng hạ sát tất cả các sinh-viên, kỹ-sư, bác-sĩ và tất cả những người nào có đủ học-thức để có thể lãnh đạo phong-trào ly-khai sau này, dù những người này có thuộc phe ly-khai hay không. Một người lính Bengali đã nói : «Chúng muốn chúng tôi trở lại tình trạng của thế-kỷ thứ 18... Chúng muốn chúng tôi không bao giờ ngóc đầu lên được».

Tuy bị thất bại liên tiếp nhưng dân Bengali nhất định không chịu đầu hàng. Họ đã lập ra một «Chính-phủ chiến tranh» do đảng Awami lãnh đạo. Họ mong mùa mưa tới sẽ làm cản trở bước tiến và cắt đường tiếp vận của quân-đội liên-bang. Nhưng trong khi chờ đợi, Bengali đã tổn thất trên 25.000 người. Trong khi đó lãnh-tụ Bengali là Mujibo đã bị quân chính-phủ bắt giữ chờ ngày giải tòa về tội phản-nghịch.

Hai quốc-gia lân cận của Hồi-quốc là Trung-Cộng và Ấn-độ đã cố-gắng can thiệp vào cuộc nội-chiến Hồi. Ngay từ lúc đầu, Tổng-thống Hồi đã tố cáo Ấn-độ can thiệp bên cạnh phe phản-loạn. Chính quyền Hồi còn loan báo đã đẩy lui hai đại-đội Ấn-độ khỏi biên-giới Ấn-Hồi. Ấn-độ đã cực lực cải chính mọi tố cáo này vì thật ra Ấn-độ còn đang phải đối phó nhiều với những khó khăn nội bộ nên cũng không dám nghĩ tới việc can thiệp. Tin tức cuối cùng cho biết rằng Cao ủy Ấn tại Thủ-đô Hồi-quốc Islama-bad đã long trọng cam kết với Hồi là Ấn sẽ không thừa nhận chính phủ Bengale. Và cảnh-sát Ấn cũng đã đàn áp các thanh niên Ấn biểu tình ủng-hộ Bengale.

Trung-Cộng, ngay từ đầu, đã lên tiếng ủng hộ Tây-Hồi và lên án Ấn-độ bành-trướng thế lực. Người ta đồn rằng sở dĩ Tổng-thống Yahya Khan quyết định dùng võ lực đàn áp Đông-Hồi chỉ vì ông được sự ủng hộ của Bắc kinh.

Đe dọa Cộng-sản ở Tích-lan

Năm 1970 khi bà Sirimavo Bandaranaike đắc cử Thủ-tướng Tích-lan, bà đã quyết-định có một đường lối thân Cộng-sản và bài Mỹ. Vừa lên cầm quyền, bà đã đuổi đoàn Chí nguyện hòa-bình (Peace corps) của Mỹ và tổ chức Asia Foundation ra khỏi Tích-lan. Đồng thời bà cũng đã thừa nhận một loạt Bắc Cao, Bắc-Việt, chính phủ của «Mặt trận giải-phóng» và Đông Đức :

Nhưng trong những ngày vừa qua, bà Bandaranaike đã gặp nhiều khó khăn với phe Cộng sản ở «Tích-lan. Một phong-trào khủng-bố của phe Cộng-sản đã được rầm rộ phát động

trên toàn thê lãnh thổ Tích-lan. Những người phản-loạn này thường là những thành-phần thanh niên thất nghiệp tự xưng là đồ-đệ của Che Guevara và họ đòi thay thế bà Bandaranaike bằng một chính-phủ theo xã-hội chủ-nghĩa thực sự. Đề duy trì quyền hành của mình và đề tái lập trật tự bà Bandaranaike đành phải quay sang phía các quốc gia Tây-phương đề xin trợ giúp.

Đồng thời Tích-lan cũng đoạn giao với Bắc-Cao vì chính phủ nước này đã gửi sang Tích-lan chuyên-viên du-kích và vũ khí đề mưu tính lật đổ chính quyền Tích-lan.

Mỹ đã cung cấp cho Tích-lan các đồ phụ tùng máy bay trực thăng và 6 phi cơ trực thăng mới. Ấn-độ, Hồi quốc và Anh cũng gửi vũ khí, quân nhu và phi công sang giúp bà Bandaranaike đề tái lập trật tự. Tuy tại các đô-thị, tình-hình đã trở lại bình thường, nhưng một phần lớn nông thôn đã bị phe phản loạn Cộng-sản chi phối.

Nếu bà Bandaranaike không giải quyết nổi những khó khăn kinh-tế trong nước thì chính-quyền của bà khó có thể tồn tại được... Vì vậy người ta tin rằng trong tương lai, bà sẽ có một chính sách thân Tây-phương hơn đề xin viện trợ Mỹ ngõ hầu trấn an dư-luận trong nước.

Khủng-hoảng nội-các tại Kampuchea :

Sau hai tháng trời chữa bệnh tại Honolulu, Thủ - tướng Kampuchea Lon Nol đã trở về Nam-Vang. Tuy ông chưa bình phục hoàn toàn nhưng ông đã có đủ khả-năng đề lãnh đạo chính phủ Kampuchea và cuộc chiến đấu chống Cộng sản. Khi Tướng Lon Nol ra đi người ta tưởng rằng bệnh của ông chỉ là một thứ bệnh chính trị.

Nhưng Lon Nol đã trở lại trong khi tình hình quân sự trong nước ông đã cải thiện nhiều và tốt đẹp hơn lúc ông ra đi. Thật vậy, quyền Thủ-tướng Sirik Matak, với những phương pháp mềm dẻo hơn, đã chinh đốn lại được một phần lớn tình-hình chính-trị trong nước; trong khi đó quân đội Nam Việt đã cầm chân 50.000 quân Bắc Việt để quân đội Miên có đủ thì giờ củng cố. Tại Thủ-đô Nam-vang người ta thấy tình-trạng đã bớt căng thẳng so với năm ngoái.

Tuy vậy ông Lon Nol vừa về nước đã phải đối phó với một cuộc khủng-hoảng chính trị. Quân đội không ưa ông Sirik Matak và hơn nữa ông Lon Nol cũng ngại rằng, với những thành quả tốt đẹp lược được trong thời gian ông đi vắng, ông Sirik Matak có thể trở thành một đối thủ đáng ngại của ông trong nội các. Vì vậy mà Tướng Lon Nol đã đệ đơn lên Tổng-thống Cheng-Heng xin từ chức vì lý do sức khỏe, có lẽ để thử xem uy-tín của ông còn nguyên vẹn hay không, và nếu còn, ông sẽ củng cố địa-vị của ông hơn nữa trong nội các mới. Tổng-thống Cheng-Heng đã yêu cầu tướng Lon Nol lập một nội-các mới. Nhưng ông Lon Nol lại gặp phải khó khăn là ông Sirik Matak từ chối không chịu gia nhập nội các mới. Thiếu ông Sirik Matak thì nội các của ông Lon Nol sẽ mất một phần uy-tín. Nhưng ông Matak đã cho biết là trừ phi ông giữ địa vị Thủ-tướng còn ông sẽ không chịu nhận tất cả trách nhiệm lãnh đạo thay cho ông Lon Nol đau ốm. Do đó ông Lon Nol bị ở vào thế kẹt. Ông đã cho triệu cựu Thủ-tướng Sơn-Ngọc Thành từ Sài gòn về để tìm cách thuyết phục ông Sirik Matak. Trong tình-hình hiện thời ở Kampuchea, một cuộc khủng hoảng nội-các nếu kéo dài sẽ đem lại nhiều bất lợi trong công cuộc

chiến đấu chống Cộng sản Bắc-Việt và bộ hạ của Sihanouk.

Biểu tình phản chiến tại Hoa-kỳ

Trong những ngày vừa qua phong trào phản chiến, sau khi chìm lặn một thời-gian, đã lại bùng lên tại Mỹ. Khoảng từ 200.000 tới 300.000 người đã xuống đường dọc đại lộ Pennsylvania tiến tới Quốc-hội Mỹ để đòi chấm dứt ngay chiến tranh V. N.. Trong đám người biểu tình người ta thấy có sự hiện diện của nhiều cựu chiến binh và quân nhân tại ngũ. Người ta còn thấy một số người mang cả cờ Bắc Việt và cờ Mặt trận. Theo ông Jerry Gordon, lãnh tụ của «Liên minh hành động đòi hòa bình» đã ước lượng rằng có thể có tới 1 triệu người biểu tình. Đây là một cuộc biểu tình phản chiến lớn nhất từ xưa tới nay.

Tại San Francisco chính Thị-trưởng đã tham dự cuộc biểu-tình phản chiến. Trong khi đó tại Hoa-thịnh-đốn người ta chuẩn bị nhóm họp hội nghị 8 nước đồng-minh ở Việt-Nam. Người ta tự hỏi không hiểu các cuộc biểu-tình phản-chiến sẽ có ảnh hưởng nào đối với hội nghị 8 nước đồng-minh. Và người ta cũng không hiểu sao các cuộc biểu-tình này lại xảy ra ngay sau khi Tổng-thống Nixon quyết-định triệt-thoái thêm nhiều đợt quân Mỹ từ nay đến cuối năm.

Tuy nhiên người ta không thấy một dấu hiệu gì chứng tỏ rằng chính-phủ Nixon sẽ nhượng bộ trước áp lực của dân-chúng. Vì đây không phải là lần đầu tiên dân chúng biểu tình đòi hỏi chấm dứt chiến tranh. Các cuộc biểu tình đổ máu vào cuối tháng 4-1970 cũng không chặn nổi ông Nixon mở rộng chiến trường sang Lào. Lần này «đa số thăm lặn» còn ủng hộ Tổng-thống Nixon để ông tiếp tục có một đường lối hoạt động ở Á-châu nữa chăng?

TỪ TRÍ (26-4-71)

THỜI SỰ KHOA HỌC

Phá thai : một đề-tài vận động tranh cử.

Trong cuộc vận động bầu cử lần này tại Hoa-Kỳ, dân chúng lại có dịp chọn lựa vị lãnh đạo tương lai của họ theo một tiêu-chuẩn mới : O.K hay NOT O.K đối với việc phá thai.

Hiện nay, việc hợp pháp hóa sự phá thai chỉ tùy thuộc vào từng tiểu bang, có tiểu bang cho phép phá thai, có tiểu bang còn cấm đoán. Dư luận trong dân chúng Mỹ muốn rằng đạo luật hợp pháp hóa việc phá thai phải trở thành một đạo luật chung cho liên bang. Như thế cho tiện ! Tổng Thống Nixon khi được phỏng vấn về vấn đề này đã cho rằng ông không đồng ý về việc phá thai. Ông cũng đã cẩn thận mà nói rõ rằng đó là quan điểm cá nhân của ông dựa theo đức tin mà ông hiện có.

Ngay sau khi ông tuyên bố ý kiến, một lãnh tụ thuộc nữ giới đã phản đối lập tức : «Quyền phá thai hay không, cái đó nên dành cho một người đàn bà hơn là một vị tổng thống». Bà này còn hô hào các nữ cử tri đừng bỏ phiếu cho ông Nixon nếu ông không chịu «vấn minh» hơn về phương diện này.

Tổng thống Nixon có hai cách gỡ gạc : hoặc là để bà Nixon tuyên bố thay ông các vấn đề liên quan tới đàn bà vì dù sao bà cũng có thẩm quyền hơn và các bà không còn bắt chẹt ông được nữa ; hoặc gấp rút thay đổi ý kiến cho hợp ý mấy nữ cử tri trước khi các lãnh tụ đối-lập kịp lợi dụng cái đạo đức tai hại của ông.

Ai sẽ bị ung thư ?

Các nhà tâm-linh-học đã vẽ được khuôn

mặt của những nạn nhân bị ung thư : «về phương diện tình cảm đó là những con người cô độc, bị khó khăn trong sự liên lạc với người xung quanh. Bề ngoài, đó là những con người lạnh lùng và rất có óc thực tế.». Nhà tâm-linh-học Claus Bahnson, đã đưa ra những nhận xét trên khi hoàn tất bảng thống-kê của ông sau nhiều năm nghiên cứu các nạn nhân bị ung thư. Trái với người bị bệnh tắc-động-mạch-vành ở tim luôn luôn có một khuynh hướng yếm thế, người dễ bị ung-thu lại thuộc loại người rất tự tin, ít khi họ chấp nhận bệnh tật. Bahnson để ý rằng đa số các nạn nhân bị ung-thu, thời thơ ấu của họ đã không mấy sung sướng họ thiếu tình thương và sự đùm bọc của cha mẹ từ lúc nhỏ. Từ đó họ thiếu kinh nghiệm trong việc hưởng thụ và bày tỏ tình cảm đối với kẻ khác.

Cũng nên nhớ rằng khoa Tâm-lý-vật-thể (psychosomatic) dù hầy còn mới mẻ đối với y học, đã đưa ra nhiều giải đáp lý thú cho những căn bệnh vật-thể. Nó giải thích được tại sao bệnh loét bao tử lại hay xảy ra ở người lo âu, bệnh tim hay có ở người hay có những quyết định quan trọng, bệnh đau đầu ở những người quá lý tưởng.

Bằng vào tính tình, ta có thể lựa trước một số bệnh nhân ung-thu trước khi mọi khám-nghiệm y-khoa tìm ra dấu vết của căn bệnh này. Dù sao đây cũng chỉ mới là một giả-thuyết rút từ những con số thống-kê và chỉ có một giá-trị rất...đại khái.

Tia Laser tại chiến-trường

Hạ lào :

Lần đầu tiên tia Laser được đem

thí nghiệm vào chiến tranh. Tại mặt trận Hạ-lào, vừa rồi, các chiến-đấu cơ F4 Phantom đã dùng bom có tia Laser điều khiển để phá hủy các chiến xa của Cộng-sân. Trong vòng 2 ngày, 12 chiến-xa bị phá hủy, tất cả đều do một quả bom bắn đúng ngay đích. Đây là 1 thành tích rất khó đạt được nếu chúng ta đem so sánh vận-tốc của chiếc F4 và kích thước của mục-tiêu. Tia Laser được phóng đi từ phi cơ tới mục-tiêu và phản-xạ lại. Tia phản-xạ sẽ hướng dẫn đường đi của bom bằng cách tác dụng vào hệ-thống bánh-lái được cấu tạo với những tế-bào quang-điện. Theo lý-thuyết, kết-quả có hơn 70 → 80% bom rơi cách mục tiêu trong vòng vài thước.

Tia Laser do nhà vật lý học. Theodore Maiman, người Hoa Kỳ phát-minh từ năm 1960.

Salute và Skylab.

Trong lúc Mỹ đang dự-định thực-

hiện dự-án Skylab vào năm 1973 nhằm thiết lập những trạm thí-nghiệm trên không-gian thì Nga đã bước trước Mỹ về phương-diện này. Ngày 19-4 Nga đã phóng vệ-tinh Salute không người lái vào quỹ-đạo trái đất, và trong vài ngày tới sẽ có ít nhất hai phi thuyền khác có chở theo phi-hành-gia được phóng lên để thực hiện cuộc ráp nối với Salute.

Phi thuyền đầu tiên trong dự án Skylab của Mỹ sẽ được phóng đi vào cuối tháng 4 năm 1973. Một phi-thuyền khác chở theo 3 phi hành gia sẽ được «đổ bộ» lên ngày hôm sau. Họ sẽ làm việc ở Skylab trong vòng 8 tuần lễ và sẽ được 3 phi-hành-gia khác lên thay thế. Trong dự-án của Mỹ còn dự-ính sẽ dùng Skylab làm trạm trung-gian để từ đó phóng phi thuyền thẳng lên nguyệt-cầu.

Tử Diệp

ASPRO





trị:

CÁM CÚM ĐAU NHỨC

PUB: TÂN-TRÍ

KN 226.BYT

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Trí thức và bóng bàn

Tháng 1 năm 1968, tại La Havane có tổ chức một Hội nghị các nhà trí thức. Pierre Golendorf được mời dự.

Nhà trí thức Pierre Golendorf nhận thấy xã hội Cuba rất thích hợp với mình, bèn không thèm trở về Pháp. Nhà trí thức xin ở lại Cuba, nhận một chân giáo sư dạy về nghệ thuật hiện đại tại một viện đại học ở Cuba, ông lấy vợ Cuba, sinh được một đứa con ở Cuba v.v... Tóm lại, nhà trí thức dần thân khá xa, khá kỹ.

Trong khi ấy, ông có thì giờ quan sát chế độ gần hơn một tí, kỹ hơn một tí, sự nhận định của ông cũng đổi thay mỗi ngày một tí. Cuối cùng, đầu năm 1971, tháng 2 ông xách va-li dời về Pháp. Ông được tự do tiến đến tận phi trường La Havane. Sau đó, ông mất tích. Mười lăm ngày sau, bạn bè của ông biết tìm ông bị nhà cầm quyền bắt giữ. Nhưng không có ai - bạn bè, thân thích, tòa đại sứ Pháp v.v... Được phép liên lạc với Pierre Golendorf từ ấy đến nay.

Sau câu chuyện của P. Golendorf vài tháng, đến lượt một đội bóng bàn Mỹ sang Trung cộng. Mọi người trong đoàn đều hoan hỉ về thái độ thân thiện, cởi mở của người dân Trung Hoa lục địa, và về sinh hoạt tự do tận Trung Hoa lục địa. Mọi người, kể cả chàng híp-pi Gleen Govan đều có cảm tưởng đại khái cho rằng xã hội Trung cộng mới thật là xã hội lý tưởng thật thích hợp với họ. Nghe nói trong phái đoàn Mỹ có kẻ bị ốm nằm bệnh viện mấy ngày,

càng quấy luyến Trung Cộng, muốn xin được ở lại thêm một tuần lễ.

Trong cuộc tiếp đón hai giờ đồng hồ, Thủ tướng Chu Ân Lai bảo rằng các tay bóng bàn Mỹ vừa lật một trang sử mới.

Hai năm trước đó, nhà trí thức Pháp hẳn không nghĩ rằng mình lật một trang sử cũ hơn.

Nhân dân xử trí thức

Nghe nói trong chiếc va-li của ông Pierre Golendorf có chứa ít nhiều tài liệu ghi chép về phong trào trí thức chống đối tại Cuba, và một ít bản thảo của thơ văn chống đối chế độ.

Những thứ ấy chính đang làm nhọc lòng Fidel Castro.

Gần đây, tại các viện đại học Cuba cũng lại vừa nổi lên phong trào sinh viên kích bác chế độ, chê bai chỉ trích cả Castro. Họ mang tác phẩm của thi sĩ Heberto Padilla là một thứ thi sĩ «làm loạn ở Cuba ra đọc lớn ở những buổi hội họp đề thưởng thức với nhau.

Castro đến viện đại học Oriente, bị sinh viên đả kích : trường liền bị đóng cửa, những sinh viên chủ xướng đều bị bắt.

Castro nhận định : Sinh viên Cuba đang bị phong trào trí thức chống đối làm hư hỏng. Và Castro quyết định phải đập tan phong trào này. Hình như có thể có những «phiên tòa nhân dân».

Trí thức và cướp

Trí thức chống đối làm hồng sinh viên của Castro. Trí thức chống đối còn có trò khác, có lẽ không làm hồng ai, chỉ làm cho các nhà xuất bản thiệt hại bạc triệu.

Đó là trò in sách lậu. Bìa sách in những tên bịa, kỳ cục của những nhà xuất bản ầm danh. In lậu, bán lậu, không cần tác quyền, không cần nhà nước đồng ý cho phép, in cả những thứ sách bị cấm v.v.. Xuất bản kiểu ăn cướp (éditeur pirate) : bất chấp luật lệ về tác quyền.

Lỗi xuất bản ấy hiện nay rất thịnh hành ở Nga xô, ở Đức, ở Pháp v.v...

Lý do của lẽ lỗi làm ăn ấy không phải là vì muốn hốt bạc một cách gian manh. Lý do cao quý hơn nhiều: thuộc phạm vi tư tưởng.

Thật vậy, in sách như thế tức là một hình thức nổi loạn, chống đối trong xã hội trí thức, trong giới sách vở. Ở Nga, bằng lối ấy, người ta phò biến các tác phẩm bị Đảng và Nhà nước cấm. Ở Đức, ở Pháp v.v... bằng lẽ lỗi ấy, người ta phò biến tư tưởng của Wilhelm Reich, của Carlos Marighela, hoặc trái với ý muốn của các chính phủ, hoặc trái với ý muốn của chính các tác giả v.v.. Tức là người ta muốn làm chuyện ngang tàng,

Đây là lỗi xuất bản ăn cướp tại Âu Châu, một hiện tượng chống đối mới.

Trước kia, ở một số quốc gia Phi Châu, ở Tàu v.v.. ở những nước chậm tiến, vẫn có lẽ lỗi in sách Tây phương bất chấp tác quyền như thế. Nhưng

đó là vì một lý do khác hẳn : trong trường hợp này không có dụng ý cách mạng hay chống đối gì cả. Chỉ có một dụng ý trốn bớt một khoản tổn kém (về tác quyền). Tức là nước chậm tiến cưỡng bách tiền tiền phải viện trợ về văn hóa.

Lý do cũng cao quý không kém.

TRÀNG THIÊN.

4-1971

Đạo ca

Georges Etienne Gauthier, sau một loạt 7 bài viết về «nghệ-thuật của Phạm-Duy» đã bị đau nên Bách-khoa số trước (BK 343) và số này (BK 344) không có bài của anh. Trong khi đó thì sáng chủ nhật 4-4, tại buổi tiếp tân nhân dịp phát hành cuốn «Phạm Duy còn đó, nỗi buồn» ở Hầm Gió, Phạm Duy cũng nói là anh đương mệt quá. Từ Tết đến bữa đó anh đã hoàn thành được 10 bài *Đạo-ca* mà làm xong. Phạm Duy kêu mệt như đã làm tình với 10 người đàn bà khác nhau vậy !

«*Đạo-ca*» là một chuyện hưởng sáng tác mới của Phạm-Duy từ đầu năm nay nhân tác giả «Tục ca» đọc được những bài thơ của một nhà sư trẻ: Tuệ Không Phạm Thiên Thư :

Xưa em làm kiếp chim

Chết mục trên đường nhỏ

Anh làm cội băng mai

Đề tang em chờ mấy thuở

...Xưa em là chữ biếc

Nằm giữa lòng cuốn kinh

Anh là thiền sư buồn

Ngồi tụng dưới ánh trăng..

Lời thơ nhẹ nhàng, ý thơ siêu thoát làm Phạm Duy xúc động, anh liền

phổ nhạc vào thơ, và bài «Đạo ca I» ra đời. Trong 2 tháng, Phạm Duy mê say làm các bài «Đạo ca», và anh như sống trong một cảnh-giới khác, vui sướng ngày đêm làm việc để thể hiện những gì anh đã cảm thức được qua các lời thơ của Phạm Thiên Thư. Và 10 bài Đạo ca đã ra đời mang tên: *Pháp thân ; Đại nguyện ; Chàng dũng sĩ và con ngựa vàng* hay là *Áo hóa ; Quán thế âm* hay là *Hóa thân ; Một cành mai* (Nhất chi mai) ; *Lời ru, bú mớm, Nâng niu*; (Phạm Duy cho là các bà mẹ V.N. trẻ tuổi ngày nay không còn biết ru con, nâng niu và cho con bú mớm nữa) ; *Qua suối mây hồng* hay *vô ngôn* (cuộc chiến thăm lặn giữa Sơn tinh, và Thủy tinh) *Giọt chuông cam lộ* hay *Thiền sư xuống núi ; Chắp tay hoa, Tầm xuân...*

10 bài Đạo Ca trên sẽ được nhà nhạc học trẻ Gia-nã-đại G.E. Gauthier đề cập trong một bài trên Bách-Khoa số tới đây.

10 bài Đạo ca cũng đã được Hồ Đăng Tín hòa âm, Phạm Duy thực hiện một băng nhạc đặc biệt với giọng hát tuyệt vời của Thái Thanh. Trên hộp băng nhạc này, một mặt sẽ là một họa phẩm của họa sĩ Văn Thanh và một mặt sẽ có một chân dung của Phạm Duy tọa thiền, như một vị «thiền sư xuống phố», chân dung do nhiếp ảnh gia Trần-Cao Linh thực hiện.

Nhân ngày giỗ thứ ba của Y Uyên :

Khi hay tin Y Uyên thực sự vĩnh viễn xa rời bạn bè, nhiều thân hữu

và đồng nghiệp của Anh đã nghĩ tới việc «phải làm một cái gì đó» mong thể hiện tấm chân tình, và cũng một phần nào giúp đỡ gia đình Y-Uyên trong những ngày bối rối; nhưng vì quá gấp gáp, và mỗi người một ngả, nên công việc chưa thể thực hiện được. Cho tới nay, đã gần ba năm, Y Uyên đã yên rồi chốn nơi nghỉ. Và, cũng nhân ngày kỷ niệm đã ba năm Y Uyên mất, một số thân hữu của Y Uyên đã nhờ điêu khắc gia Đỗ Toàn tạc cho Anh một bức tượng. Bức tượng này sẽ đúc bằng đồng, và sẽ được đem về ngôi mộ của Y Uyên ở nghĩa trang Gò Vấp, nhân ngày giỗ thứ ba của Anh. Công việc này, cũng chỉ là một chút đóng góp, lưu lại bên nắm mộ của một người bạn, một người đã thực sự hy sinh công lao và xương máu cho kẻ còn ở lại. Vậy, chúng tôi mong mọi sẽ nhận được sự tiếp tay, đóng góp của bằng hữu và đồng nghiệp xa gần. Sự cộng tác giúp đỡ này, chúng tôi sẽ ghi nhận, và xin được phổ biến hạn chế trong ngày lễ kỷ niệm tới. Thư từ xin gửi cho người đại diện : Mang Viên Long, số 58 Bis, Tầng Bạt Hồ — Qui Nhơn (Trung phần) (P.T. ghi)

NHẮN TIN

— Ngô Cang : muốn biết tin Lê Hoài Quỳnh, xin gửi về Ngô Cang, 18 Lê Đại Hành Quận 1, Huế.

— Lê-văn-Trung nhắn tin Phạm cao Hoàng, Tuy Hòa : Tôi đang gặp rắc rối và buồn lắm. Cậu liên lạc với tôi gấp về địa chỉ : Lê văn Trung, Hộp thư 79, Quảng-Ngãi.

Hoạt động xuất bản 1970 của Trung-Tâm Học-Liệu

THẾ NHÂN

Trên Bách-Khoa số 339, (15-2-71) Ô Nguyễn Hiến Lê, trong bài «Thị trường sách báo năm 1970», trả lời cuộc phỏng vấn có đoạn như sau :

«Trung tâm học liệu hình như ra được vài cuốn, không rõ in từ hồi nào, một cuốn truyện về Tây Thái-hậu (đề làm học liệu?) và một hai cuốn dịch cổ văn Trung quốc mà tuyệt nhiên không chú thích, chắc là để cho các cụ Cử, cụ Tú cổ-học dùng.

«Hôm đó, vào tiệm Việt Bằng, tôi thấy một khách hàng vào khoảng ngũ tuần, lật cuốn Tây Thái-hậu rồi lắc đầu nói một mình : «Bộ Giáo-dục in thứ này làm gì?» Tôi không quen ông ta, nhưng cũng mỉm cười đáp lại : «Vậy, chứ có dư tiền không in thì để làm gì?»

Hơn một tháng sau, tạp chí Bách Khoa có nhận được của Ô. Giám đốc Trung tâm Học liệu một lá thư đề ngày 23-3-1971, kêu theo một bản liệt kê «Sách xuất-bản năm 1970» và một cuốn Thư-mục 1969. Nguyên văn lá thư như sau :

Thưa Ông Chủ Nhiệm,

Trân-trọng kính tin Quý Báo: Trong năm 1970, Trung-Tâm Học-Liệu đã xuất-bản tất cả 32 tựa sách, tổng số 2.739 000 cuốn (danh sách đính kèm).

«Tì-hi Thái-hậu», một dịch-phẩm dịch từ nguyên-bản Anh-ngữ «Imperial Woman» của Pearl Buck, đã được Trung-Tâm tôi xuất-bản năm 1968, với mục đích giới-thiệu với sinh-viên học-sinh và độc-giả Việt Nam một tác-phẩm hay ngoại-quốc.

«Cổ-văn» là một dịch-phẩm dày 1200 trang, gồm 239 bài tản-văn Trung-hoa từ đời Xuân-Thu đến đời Thanh. Trung-Tâm tôi thiết nghĩ trong hoàn cảnh nước nhà hiện tại, việc tìm ra một dịch giả hợp tác để phiên âm và dịch nghĩa một tác-phẩm như vậy cũng là một cố gắng đáng kể rồi. Nếu Quý Báo biết vị nào có khả năng chú thích tác-phẩm ấy và giới thiệu với Trung-Tâm tôi, Trung-Tâm tôi sẽ rất hoan nghênh mời Vị ấy hợp-tác.

Kính thư

NGUYỄN-TRUNG NGUỒN

Đính kèm :

— *Danh sách, sách xuất-bản trong năm 1970.*

— *Thư-mục 1969.*

Bức thư trên của Ô. Giám đốc có ghi trong năm 1970, TTHL đã xuất bản 32 tựa sách, với tổng số 2 739.500 cuốn, nhưng nhìn qua bản liệt kê số sách xuất bản năm 1970 ta thấy ngay số lượng sách in ra «vĩ đại» như vậy phần lớn là các sách giáo khoa về tiểu học như các cuốn khoa học lớp một, lớp hai, lớp ba, lớp tư, lớp năm v.v... mỗi tựa in từ 250.000 đến 700.000 cuốn, nên nguyên số sách giáo khoa bậc tiểu học này đã là 2.653.000 cuốn rồi !

Lại xem đến cuốn Thư mục 1969 mà ông Giám đốc có nhã ý gửi tặng thì thấy thêm rằng trong bản liệt-kê sách 1970 nói trên có đến 20 tựa là sách tái bản mà trong lá thư gửi cho tòa báo Ô. Giám-đốc quên không cho

biết. Trước hết cả mới 2.653.000 cuốn sách giáo khoa tiểu học kể trên đây cũng chỉ là sách tái bản. Sau nữa là các cuốn sách : Cây cỏ Miền Nam V.N. Nữ thi hào V.N. Khái luận bóng tròn, Tâm-lý-học ứng dụng, các sách dịch như : Đại học, Tang thương ngẫu lục I và II. Tân biên truyền kỳ mạn lục, Lê triều giáo hóa điều luật, Thùng rượu Amontillado, Ông Thị trưởng Casterbridge, Cung oán ngâm khúc, đều là sách tái bản cả.

Tất nhiên sách tái bản không thể gọi là công trình mới trong năm được. Và nếu bỏ ra ngoài 2 tập nội-san (chắc là đề phổ biến giới hạn trong nội bộ) và Chương trình Trung học không thể coi là công trình văn hóa, thì trong năm 1970, thực sự Trung tâm Học-liệu chỉ xuất bản được những tựa mới dưới đây có tính cách phổ biến và văn hóa :

Sách giáo khoa Đại học :

- Danh từ được học
- Điện học
- Vẽ bóng

Sách giáo khoa Trung học :

- Anh văn cao cấp.

Sách chuyên nghiệp :

- Một nền giáo dục nhân-bản và dân tộc.

- 80 trò chơi lành mạnh

Dịch thuật :

- Cờ văn (I, II, III)

Tổng cộng là 7 tựa mới (nếu kể bộ cờ văn I, II, III là 3 tựa như TT HL đã làm thì là 9 tựa). Những tựa này thứ in 2000, thứ in 3000 hay 5000, cộng cả là 25.000 cuốn. So với hoạt động của tư nhân thì một nhà xuất bản trung bình như các nhà

Trình Bày, Văn, Lá Bối, An Tiêm... năm 1970 cũng ấn hành được trên dưới mười tựa mới với khoảng từ 30.000 tới 40.000 cuốn.

Tất nhiên khi kiểm - điểm tình hình xuất bản sách trong mỗi năm, chúng tôi không nói tới sách tái bản cùng những sách giáo khoa và chỉ kể những tác phẩm mới in trong năm, có tính cách văn học như thơ, kịch, tiểu thuyết, biên-khảo, sách dịch... Nếu theo tiêu chuẩn này thì TTHL về mặt xuất bản trong năm 70 chỉ còn một thành tích đáng kể là ấn hành được bộ Cờ-văn đúng như Ô. Nguyễn Hiến Lê đã nói trên Bách-khoa số 339.

Nói về cuốn «Tứ-hi Thái-hậu», Ô. Giám đốc TTHL giải thích là mục đích giới thiệu «một tác phẩm hay ngoại quốc». Tác phẩm hay ngoại quốc thì nhiều quá, nên nếu chính chúng tôi thắc mắc, thì chúng tôi sẽ tìm hiểu tại sao trong hàng chục tác phẩm của Pearl Buck, TTHL lại chọn «Tứ hi Thái hậu», tại sao quí vị lại cho «Lưỡi dao cạo» là tuyệt phẩm của Somerset Maugham để cho dịch, cũng như cho dịch truyện ngắn «Thùng rượu Amontillado» của Edgar A. Poe, «Ông thị trưởng Casterbridge» của Thomas Hardy v.v... nhưng ông Nguyễn-Hiến-Lê kể lại vụ một khách hàng ở tiệm sách Việt Bông tỏ ý không hài lòng khi thấy cuốn «Tứ hi Thái hậu» do TTHL xuất bản, chỉ là vì ông kỳ vọng ở T.T.H.L. nhiều hơn nữa. Người ta cho rằng TTHL tất nhiên có nhiều phương tiện gấp bội các nhà xuất bản tư nhân trung bình, nên người ta mong mỏi T.T.H.L. sẽ nhận lãnh những công trình lớn và khó mà tư nhân không đủ sức làm. Còn các công

trình nhỏ như dịch cuốn Imperial Women vào Pearl Buck thì các nhà xuất bản của tư nhân vẫn thường làm nhiều lắm rồi (như nhà Khai Trí đã xuất bản đến 4, 5 cuốn tiểu thuyết dịch của Pearl Buck).

Về bộ «Cồ văn» Ô. Giám đốc T.T. H.L. yêu cầu nhà báo biết vị nào có khả năng chú thích tác phẩm đó thì giới thiệu với Trung Tâm. Lời yêu cầu này chứng tỏ Ô. Giám đốc cũng đồng ý với Ô. Nguyễn Hiến Lê là phải nên chú thích bộ Cồ văn nên ông mới tìm người chú thích. Chắc ông Giám đốc TTHL cũng đã rõ là các nhà xuất bản tư nhân, khi in một tác phẩm về cồ văn, về triết học, về tôn giáo... bao giờ cũng yêu cầu dịch giả chú thích và nhiều vị đã chú thích kỹ lưỡng (thí dụ cuốn *Cồ văn Trung quốc* do Tao-Đàn xuất bản cách đây mấy năm, cuốn *Thiền luận* của An-Tiêm năm 1970). Mà các cuốn sách dịch, dù là tiểu thuyết cũng được chú thích nữa (thí dụ *Chiến tranh và hòa bình* của Tolstoi do nhà Lá Bối xuất bản). Bởi vậy nên người ta không tin là Ông Giám đốc giận dữ mà đẩy cho nhà báo việc tìm người chú thích bộ Cồ văn. Nhưng nếu ông Giám đốc thật tình muốn như vậy thì cũng là điều kỳ quái. Trước hết người đã có khả năng dịch được bộ Cồ-văn là thừa sức chú thích được bộ đó rồi. Sở dĩ dịch giả không làm việc đó, có lẽ vì không thấy T.T.H.L. yêu cầu phải làm thêm việc đó mà thôi.

Sau nữa Trung Tâm là một cơ quan trong bộ Giáo dục, mà trong bộ có biết bao nhiêu giáo sư dạy Hán văn ở Đại học, Phủ Quốc-vụ-khanh đặc trách Văn hóa lại có riêng một tiểu-ban về Cồ văn trong Ủy-ban dịch thuật, ấy là chưa kể mấy chục vị trong Ủy-ban biên-chế văn-tự nữa. Trong bấy nhiêu vị học giả có lẽ nào không có hàng chục vị chú

thích nội bộ Cồ-văn của T.T.H.L. mà Ô. Giám đốc phải cạy nhờ tới bên ngoài. Ô. Giám-đốc chưa tìm đến hay ông đã đánh giá quá thấp khả năng các vị đó?

Thực ra tìm người chú thích được bộ Cồ văn của T.T.H.L. không phải là một «cố gắng đáng kể» gì, nhưng có điều chắc chắn là không một học giả nào biết tự trọng lại đi nhận chú thích cho một cuốn sách đã in rồi, do người khác dịch.

Tóm lại Ô. Nguyễn Hiến Lê, trong bài do Bách-Khoa phỏng vấn, đã có một điều lầm khi nói rằng «sinh hoạt văn học của chính quyền khiêm tốn». Chính thực là những cơ quan văn hóa như T.T.H.L. mới khiêm tốn. Bao nhiêu sách dịch thuật Anh, Pháp có giá trị T.T.H.L. đều nhường cho các nhà xuất bản tư nhân cả. Có năm, như 1970, sách dịch Anh văn Pháp văn Trung tâm không dám cho dịch thêm cuốn nào mới, ý chừng sợ các nhà xuất bản tư nhân hết cả sách hay đề dịch nên chỉ cho tái bản các cuốn «Thùng rượu Amontillado» và «Ông thị trưởng Casterbridge» mỗi thứ 5000 cuốn, cũng là sách hay rồi!

Riêng Ông Giám đốc T.T.H.L. của là một nhà mô phạm có óc «đổ vui để... lập thành tích». Ông gửi thư cho nhà báo công bố các con số về tựa sách, về số sách Trung Tâm đã in năm 70, rồi lại gửi thêm bản liệt-kê sách và cuốn thư-mục 1969 nữa, đổ biết thành tích xuất bản thực của T.T. H.L. trong năm 70 ra sao. Báo hại nhà báo làm tính cộng trừ mãi mới tìm ra đáp số được.

Ông lại đổ nhà báo tìm ra được một học giả chú thích cho bộ Cồ văn mà ông đã rõ là không ai chịu làm việc đó với cuốn sách in rồi cả. Lần này nhà báo chịu thua và bộ Cồ-văn lại dành cho các cụ Tú, cụ Cử đọc vậy.

THẾ NHÂN